

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 19– MÔN TIẾNG VIỆT

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Người công dân số 1:

Tiết 1: Tâm trạng của người thanh niên Nguyễn Tất Thành day dứt, trăn trở tìm con đường cứu nước, cứu dân.

Tiết 2: Ca ngợi lòng yêu nước, tầm nhìn xa và quyết tâm cứu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành.

2. Luyện từ và câu

a. Thế nào là câu ghép?

Câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại.

Mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn (có đủ chủ ngữ, vị ngữ) và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác.

b. Cách nối các vế câu ghép

Có hai cách nối các vế câu trong câu ghép:

1. Nối bằng những từ có tác dụng nối:

VD: Cô con gái xinh đẹp, ngoan hiền còn cậu con trai thì lười biếng, nghịch ngợm

-> Còn là quan hệ từ nối vế 1 “Cô con gái xinh đẹp, ngoan hiền” với vế 2 “cậu con trai thì lười biếng, nghịch ngợm”

VD: Tuy nhà rất xa nhưng Lan chưa bao giờ đến lớp muộn.

-> Tuy nhưng... là cặp quan hệ từ nối hai vế “nhà rất xa” với “Lan chưa bao giờ đến muộn”

2. Nối trực tiếp (không dùng từ nối). Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm

VD: Trong vườn, hoa lặng lẽ tỏa hương, những chú ong thầm lặng hút mật đem lại ngọt bùi cho đời.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. ĐỌC HIỂU

BÀ TÔI

Hồi tôi đã học đến lớp Bốn, lớp bán trú, bà nội vẫn cứ đi đón tôi. Có hôm buổi trưa, bà cũng rẽ qua đường. Bà xem tôi có bị đói không, có ăn hết suất cơm không, và bà chờ đến lúc trống xếp hàng lên lớp, không nhìn thấy tôi nữa bà mới chịu quay về.

Bà rẽ qua trường cũng vui. Hôm thì bà mang mận, hôm thì mang táo. Tôi và mấy đứa bạn xúm xít chia nhau. Có đứa cất vào túi để giờ ra chơi nhấm nháp cho tỉnh ngủ. Nhưng tôi không muốn bà vào sân trường, lớp tôi trông thấy, chúng nó lại trêu:

- Hoàng sướng thật. Bà chiều cậu thế?

Trông xếp hàng, bà vẫn chưa chịu về. Tôi nhăn nhó:

- Bà ơi, bà về đi, bà về đi.

Và đưa tay vẫy vẫy bà.

Chiều bà đến đón tôi. Trên đường đi, bà hỏi tôi, giọng đượm buồn:

- Này con, con sợ xấu hổ vì các bạn trông thấy bà gầy gò, hốc hác quá à?
 Tôi vội vàng lắc đầu:

- Không phải thế, nhưng các bạn bảo “Hoàng lớn rồi mà cứ để cho bà phải lo lắng”.

Tôi nhăn nhó:

- Cháu cứ nói mãi mà bà không chịu nghe cơ. Có hôm cô giáo bảo cháu: “Chắc bà sợ nhà trường cho con ăn đói đấy. Có hôm cô còn thấy bà cầm đầy một túi bông ngô” mặc dù cô vừa nói vừa cười.

Từ hôm đó, buổi trưa, bà tôi không ra nữa. Mấy hôm đầu tôi cũng thấy buồn buồn.

Chiều đón tôi về nhà, bà có bao việc phải làm nhưng bà cứ tằm gọi cho tôi, lại còn tằm gọi rất kĩ, kì cọ từ cái răng, cái tai. “Trời ạ!”. Nhiều lúc tôi kêu lên như thế.

Rồi một hôm, tôi cương quyết với bà:

- Bà ơi, hôm nay, bà để cháu tằm lấy bà ạ. Cháu sẽ tằm sạch sẽ như bà tằm cho cháu. Cháu lớn rồi mà bà cứ coi như trẻ con.

Bà tôi cười:

- Lớn rồi ư? Chưa đầy mười tuổi thì lớn với ai cơ chứ?

Nhưng rồi dần dần bà cũng để tôi tự tằm lấy khi bà thấy tôi tằm gọi rất cẩn thận, sạch sẽ. Mấy lần đầu ra khỏi buồng tằm, bà cúi xuống ngửi tóc tôi và khen:

- Được rồi, sạch đấy, thơm đấy.

Tôi nhớ mãi có lần bà nói:

- Khi con lớn, là một thanh niên, biết đi xe máy, biết phóng vù vù, thì chắc lúc ấy bà cũng không còn nữa.

Thời gian trôi đi nhanh quá. Tôi đã trưởng thành, đã là một thanh niên, đã có công ăn việc làm, đã có xe máy, đã phóng vù vù qua khắp phố phường, thì tôi vẫn cứ nhớ mãi những kỉ niệm thời ấu thơ. Tôi cứ nhớ mãi về bà, về sự thương yêu của bà, và lòng tôi cứ ngậm ngùi thương nhớ...

(Theo Huy Hoàng)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Người bà trong câu chuyện đã “chiều” cháu như thế nào?

- a. Dạy cháu học.
- b. Mua quần áo đẹp cho cháu.
- c. Mua quà mang đến lớp cho cháu và đón cháu vào buổi chiều.

2. Tại sao bạn nhỏ không muốn bà đến thăm mình vào buổi trưa?

- a. Vì bạn xấu hổ sợ các bạn trông thấy bà gầy gò, hốc hác quá.
- b. Vì bạn ngưỡng vọng với các bạn là mình đã lớn rồi mà còn để bà phải lo lắng.
- c. Vì cả hai ý trên.

3. Tại sao bạn nhỏ muốn tự mình tằm lấy?

- a. Vì bạn cho rằng mình lớn rồi.
- b. Vì bạn thương bà vất vả.
- c. Cả hai ý trên.

4. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

- a. Phải biết giúp bà mọi việc cho bà đỡ vất vả.
- b. Trẻ con không nên làm nũng người lớn.
- c. Phải biết yêu thương, trân trọng những tình cảm của người thân dành cho mình.

5. Em hãy viết hộ Hoàng những lời thương yêu đó gửi đến bà.

II. LUYỆN TỪ VÀ CẤU

1. Các từ được gạch dưới trong đoạn văn sau là danh từ, động từ, tính từ, đại từ hay quan hệ từ?

Thời gian trôi đi nhanh quá. Tôi đã trưởng thành, đã là một thanh niên, đã có công ăn việc làm, đã có xe máy, đã phóng vù vù qua khắp phố phường, thì tôi vẫn cứ nhớ mãi những kỉ niệm thời ấu thơ. Tôi cứ nhớ mãi về bà, về sự thương yêu của bà, và lòng tôi cứ ngậm ngùi thương nhớ...

2. Tìm 2 từ đồng nghĩa với từ *ngậm ngùi*.

3.

a) Hai câu cuối trong đoạn văn trên là câu đơn hay câu ghép?

b) Tìm cặp quan hệ từ thích hợp để viết lại câu thứ hai thành câu ghép chính phụ.

4. Điền *r, d* hoặc *gi* vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ sau:

Tiếng ...ừa làm ... ịu nắng trưa
Gọi đàn ...ó đến cùng ...ừa mùa ...eo.
Trời trong đầy tiếng ...ì ...ào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ...a.

5. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Sau một hồi len lách mãi miết rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây khộp. Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cảnh mùa thu. Tôi dụi mắt, những sắc vàng động dậy. Mấy con mang vàng hết như màu lá khộp đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng giẫm lên thảm lá vàng và sắc nắng cũng rực vàng trên lưng nó. Chỉ có mấy bặt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái giang sơn vàng rợi.

(Theo Nguyễn Phan Hách)

a) Gạch dưới các câu ghép trong đoạn văn trên, dùng gạch chéo phân cách các vế của mỗi câu ghép vừa xác định được.

b) Viết lại các câu ghép vừa tìm được ở phần a rồi xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi vế câu.

6. Viết tiếp một vế câu vào chỗ trống để tạo câu ghép:

a) Bé Minh nhà tôi đã tròn một tuổi,.....

Mùa xuân đã về trên quê hương tôi,.....

 Vì Phương luôn chăm chú nghe cô giảng bài.....

 Trong truyện cổ tích tấm Cám, cô Tấm chăm chỉ, hiền lành còn.....

7. Các vế trong từng câu ghép dưới đây được nối với nhau bằng cách nào?
(Dùng từ có tác dụng nối hay dùng dấu câu để nối trực tiếp?)

Câu ghép	Cách nối các vế câu
a) Cô giáo kể chuyện Tấm Cám, chúng em chăm chú lắng nghe.	
b) Đêm đã khuya nhưng mẹ vẫn cặm cụi làm việc.	
c) Mặt trời mọc và sương tan dần.	
d) Cả nhà lo lắng: anh tôi về muộn.	

III. TẬP LÀM VĂN

Hãy tả người mẹ thân yêu của em.

* Viết mở bài theo cách trực tiếp:

* Viết mở bài theo cách gián tiếp:

* Viết mở bài theo cách không mở rộng:

* Viết mở bài theo cách mở rộng:

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – c; 2. – b; 3. – a, 4. – c
5.

Tham khảo: Bà ơi, cháu Hoàng của bà đây! Đứa cháu mà năm xưa bà dành hết tình âm yêu thương nhất cho nó đây mà. Giờ cháu đã trưởng thành rồi bà ạ! Cháu đã tự làm được mọi việc rồi. Cháu đã là một kĩ sư đang làm việc cho một công ti lớn. Mỗi chiều ta, dắt xe ra khỏi cơ quan cháu vẫn bồi ngùi nhớ tới hình ảnh của bà đứng đợi cháu những buổi tan trường năm xưa. Ước gì bà còn sống, cháu sẽ đèo bà đi chơi và sẽ lại được bà săn sóc an ủi những lúc mệt nhọc.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Thời gian trôi đi nhanh quá. Tôi đã trưởng thành, đã là một thanh niên đã có công ăn

DT DT TT Đại từ DT DT
việc làm, đã có xe máy, đã phóng vu vu qua khắp phố phường, thì tôi vẫn cứ nhớ mãi

DT DT TT QHT DT QHT Đại từ DT
những kỉ niệm thời ấu thơ. Tôi cứ nhớ mãi về bà, về sự thương yêu của bà,

DT DT DT DT QHT DT QHT DT
QHT DT

và lòng tôi cứ ngâm ngùi thương nhớ.

QHT DT Đại từ DT DT

2. VD: bồi ngùi, bồi hồi.

3. a) Là hai câu ghép;

b) Tuy... nhưng...; mặc dầu... nhưng...

4. Điền *r, d* hoặc *gi* vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ sau:

Tiếng dừa làm dịu nắng trưa
Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo.
Trời trong đầy tiếng rì rào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra.

5. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Sau một hồi len lách mãi miết rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây khộp. Rừng khộp/ hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng/ như cảnh mùa thu. Tôi/ dụi mắt, những sắc vàng/ động đây. Mấy con mang vàng hệt như màu lá khộp đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng/ giẫm lên thảm lá vàng và sắc nắng/ cũng rực vàng trên lưng nó. Chỉ có mấy bặt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái gang sơn vàng rọi.

6. Viết tiếp một vế câu vào chỗ trống để tạo câu ghép:

b) Bé Minh nhà tôi đã tròn một tuổi, *bé bắt đầu vịn giường tập đi.*

c) Mùa xuân đã về trên quê hương tôi, *cỏ cây như được phủ một tấm áo màu xanh non đầy sức sống.*

d) Vì Phương luôn chăm chú nghe cô giảng bài nên *Phương hiểu bài rất cặn kẽ.*

e) Trong truyện cổ tích tấm Cám, cô Tấm chăm chỉ, hiền lành còn *cô Cám lười biếng, góm ghê.*

7. Các vế trong từng câu ghép dưới đây được nối với nhau bằng cách nào?

(Dùng từ có tác dụng nối hay dùng dấu câu để nối trực tiếp?)

Câu ghép	Cách nối các vế câu
a) Cô giáo kể chuyện Tấm Cám, chúng em chăm chú lắng nghe.	<i>Dùng dấu câu để nối trực tiếp</i>
b) Đêm đã khuya nhưng mẹ vẫn cặm cụi làm việc.	<i>Dùng từ có tác dụng nối</i>
c) Mặt trời mọc và sương tan dần.	<i>Dùng từ có tác dụng nối</i>
d) Cả nhà lo lắng: anh tôi về muộn.	<i>Dùng dấu câu để nối trực tiếp</i>

III. TẬP LÀM VĂN

Mở bài trực tiếp: Mẹ em là người em yêu thương và kính trọng nhất trong cuộc đời này.

Mở bài gián tiếp:

Có lẽ khi còn nhỏ ai cũng được nghe câu hát ru, hay những vần thơ: “Con dù lớn vẫn là con của mẹ. Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con”. Em cũng có người mẹ tuyệt vời như vậy – người mẹ luôn yêu thương con mình bằng cả tấm lòng.

Kết bài không mở rộng:

Em rất kính yêu mẹ của mình, người cho em tất cả tình yêu thương. Em mong mẹ luôn vui vẻ, mạnh khỏe và hạnh phúc.

Kết bài mở rộng:

Tấm lòng yêu thương chồng con của mẹ thật bao la, bây giờ em mới hiểu phần nào tấm lòng bao la ấy. Em sẽ cố gắng học giỏi, vâng lời thầy cô, ba mẹ để đền đáp công ơn nuôi dưỡng của mẹ. Ôi! Người mẹ hiền yêu dấu của em.

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 20– MÔN TIẾNG VIỆT

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Thái sư Trần Thủ Độ: Ca ngợi thái sư Trần Thủ Độ - một người cư xử gương mẫu, nghiêm minh, không vì tình riêng mà làm sai phép nước.

Nhà tài trợ đặc biệt của Cách mạng: Biểu dương một công dân yêu nước, một nhà tư sản đã trợ giúp Cách mạng rất nhiều tiền bạc, tài sản trong thời kì Cách mạng gặp khó khăn về tài chính.

2. Luyện từ và câu

a. Mở rộng vốn từ công dân

Công dân là người dân của một nước, có quyền lợi và nghĩa vụ đối với đất nước.

Những từ đồng nghĩa với công dân: nhân dân, dân chúng, dân.

Công là của nhà nước, của chung	Công là không thiên vị	Công là thợ
Công dân, công cộng, công chúng, công sở,...	Công bằng, công lí, công minh, công tâm...	Công nhân, công nghiệp, công cán, nhân công...

b. Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ

Các vế câu trong câu ghép có thể được nối với nhau bằng một quan hệ từ hoặc một cặp quan hệ từ.

Các quan hệ từ thường được dùng là: và, rồi, thì, nhưng, hay, hoặc.....

Các cặp quan hệ từ thường được dùng là:

- vì... nên....; do.... nên....; nhờ....mà....;
- nếu...thì....; giá....thì....; hễ....thì....
- tuy....nhưng....; mặc dù....nhưng
- chẳng những.... mà.....; không chỉ..... mà.....

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. ĐỌC HIỂU

NGƯỜI ĐI TÌM “CHÂN TƯỚNG” SỰ SỐNG

“Tôi còn có thể sống được bao lâu nữa?” – Đó hầu như là câu hỏi đầu tiên của rất nhiều người sau khi biết mình mắc bệnh nan y, không thể qua khỏi. Năm 1981, lúc 40 tuổi, Xti – phen Guôn – đơ, nhà sinh vật học người Mĩ, cũng đã thốt lên với các bác sĩ câu hỏi này khi ông biết mình đã bị ung thư...

Những người mắc bệnh giống ông đều biết rằng khoảng một nửa trong số họ sẽ bị tử thần “rước đi” chỉ sau 8 tháng nữa. Họ than vãn đầy tuyệt vọng: “Thế là hết, tôi chỉ còn có 8 tháng nữa thôi!”. Nhưng Guôn – đơ thì khác, suy nghĩ của ông lúc đó là: “Chẳng phải ta vẫn còn tới 50% hi vọng đó sao?”

Để có thể “gia nhập” vào nhóm người sống quá 8 tháng, Guôn – đơ đã ham khảo ý kiến của các chuyên gia miễn dịch học về phương thức chữa trị tốt nhất. Ông nhận được từ họ câu trả lời: “Trong cuộc chiến với ung thư, yếu tố quan trọng nhất là tinh thần. Có được lòng tin, ắt sẽ chiến thắng mọi thứ!”

Vậy là Xti – phen Guôn – đơ quyết tâm dùng ý chí để chiến đấu với căn bệnh quái ác ấy. Ông vẫn tiếp tục công việc giảng dạy về địa chất, sinh vật học và khoa học lịch sử ở Đại học Ha – vớt. Ngoài ra, Guôn – đơ còn đảm nhiệm cương vị chủ biên tạp chí Khoa học – một tạp chí có uy tín nhất trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và là Chủ tịch Hội xúc tiến khoa học Mỹ. Năm 1982, dựa vào những phát hiện khảo cổ, Guôn – đơ đã cùng những người cộng tác với mình cho ra đời lí luận về nguồn gốc tiến hóa với các loài khác hẳn với thuyết tiến hóa truyền thống của Đác – uyn. “Lí thuyết tiến hóa cân bằng giai đoạn” – tên công trình nghiên cứu của ông – có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của khoa học sinh vật đương đại. Và sau này, những phát hiện mới, phong phú của ngành khảo cổ đã càng chứng minh tính đúng đắn trong quan điểm tiến hóa có tính nhảy vọt của Xti – phen Guôn – đơ...

Cuối cùng, sau khi hoàn thành tác phẩm nổi tiếng dày 1500 trang có tên “Kết cấu của lí luận tiến hóa”, Xti – phen Guôn – đơ – nhà sinh vật học uyên bác của thế giới, đã qua đời tại Niu Ốc ngày 20-5-2001, hưởng thọ 60 tuổi. Như vậy, ông đã không chỉ “lọt” vào danh sách những người “sống quá 8 tháng” mà còn có thêm 20 năm cống hiến hết mình cho khoa học. Cuộc đời của Xti- phen Guôn – đơ là tấm gương sáng về một nghị lực phi thường.

(Theo Vũ Bộ Tuyền)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Giáo sư Xti – phen Guôn – đơ đã dùng “loại thuốc” nào để chiến đấu với căn bệnh ung thư quái ác?

- a. Dùng một loại thuốc đặc trị cực mạnh.
- b. Dùng ý chí kiên cường.
- c. Tự chế ra một loại thuốc đặc biệt cho riêng mình.

2. Ông đã sống thêm được bao lâu nữa kể từ khi phát hiện ra bệnh?

- a. 8 tháng.
- b. 10 năm.
- c. 20 năm.

3. Những việc Xti – phen Guôn – đơ đã làm được sau khi bị ung thư là gì?

- a. Giảng dạy về địa chất, sinh học, lịch sử ở trường Đại học Ha – vớt.
- b. Chủ biên tạp chí Khoa học, Chủ tịch Hội xúc tiến khoa học Mỹ.
- c. Viết công trình khoa học “Lí thuyết tiến hóa cân bằng giai đoạn”.
- d. Viết các báo cáo về cách phòng ngừa và chữa trị bệnh ung thư.
- e. Viết tác phẩm “Kết cấu của lí luận tiến hóa” dày 1500 trang.

4. Xti – phen Guôn – đơ là người nổi tiếng vì:

- a. Ông là người bị bệnh ung thư sống rất lâu nhất.
- b. Là tấm gương sáng về nghị lực phi thường, không những vượt qua bệnh tật để sống mà còn có những đóng góp lớn lao cho xã hội.
- c. Là người viết được công trình khoa học có số trang nhiều nhất.

5. Những từ nào có thể thay thế từ *chân tướng* trong tên bài *Người đi tìm “chân tướng” của sự sống*?

- a. ý nghĩa
- b. lí lẽ
- c. nguồn gốc
- d. giá trị

6. Viết một vài câu nói lên suy nghĩ của em về Xti – phen Guôn – đơ.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ nào sau đây trái nghĩa với từ *tuyệt vọng*?

- a. vô vọng b. hi vọng c. thất vọng

2. Từ *y chí* thuộc từ loại nào?

- a. Tính từ b. Động từ c. Danh từ

3. Có những quan hệ từ nào trong câu sau?

Cuộc đời của Xti-phen Guôn – đơ là tấm gương sáng về một nghị lực phi thường.

.....

4. Trạng ngữ sau đây chỉ gì?

Năm 1982, dựa vào những phát hiện khảo cổ, Guôn – đơ đã cùng những người cộng tác với mình cho ra đời lí luận về nguồn gốc tiến hóa với các loài khác hẳn với thuyết tiến hóa truyền thống của Đác – uyn.

- a. Chỉ thời gian và phương tiện.
b. Chỉ thời gian và mục đích.
c. Chỉ thời gian và địa điểm.

5. Câu nào sau đây là câu ghép? Những quan hệ từ nào được dùng trong câu đó?

a. *Vậy là Xti – phen Guôn – đơ quyết tâm dùng ý chí để chiến đấu với căn bệnh quái ác ấy.*

b. *Ông vẫn tiếp tục công việc giảng dạy về địa chất, sinh vật học và khoa học lịch sử ở Địa học Ha – vớt.*

c. *Như vậy, ông đã không chỉ “lọt” vào danh sách những người “sống quá 8 tháng” mà ông còn có thêm 20 năm cống hiến hết mình cho khoa học.*

6. Câu “Ngoài ra, Guôn – đơ còn đảm nhiệm cương vị chủ biên tạp chí khoa học” thuộc kiểu câu gì?

- a. Câu kể *Ai là gì?*
b. Câu kể *Ai làm gì?*
c. Câu kể *Ai thế nào?*

7. Điền *r, d* hoặc *gi* vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn sau:

Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh, như ...âng cao lên, chắc nịch. Trời ...ải mây trắng nhạt, biển mơ màng ...ịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời âm ỉm ...ông ...ó, biển đục ngầu, ...ận ...ũ.

8. Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ trống trong mỗi câu sau cho phù hợp:

(công nhân, công dân, công chức)

- a) Trong cơ quang, anh ấy là một mẫu mực.
b) Các cô, chúđang tích cực làm việc trong nhà máy.
c) Tôi luôn tự hào là một.....Việt Nam.

9. Tìm một số từ có tiếng *công* theo mỗi nghĩa sau:

- a) **Công** có nghĩa là “của nhà nước, của chung”.
b) **Công** có nghĩa là “không thiên vị”.
c) **Công** có nghĩa là “thợ”.

Đặt câu với một trong các từ vừa tìm được:

10. Gạch dưới quang hệ từ được dùng để nối các vế câu trong mỗi câu ghép sau:

- a) Hôm nay là giỗ cụ tổ năm đời của thân nhưng thân không có mặt ở nhà để cúng giỗ.
- b) Qua khỏi thềm nhà, người đàn ông vừa té quy thì một cây dâm sập xuống.
- c) Quan lập tức cho bắt chú tiểu vì chỉ kẻ có tội mới giật mình.
- d) Làng mạc bị tàn phá nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa nếu tôi có ngày trở về.

11. Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống trong từng câu sau:

- a) Cò thì chăm chỉ học hành Vạc lại lười biếng, ham chơi.
- b) Cô giáo đã nhắc Đạt nhiều lần Đạt vẫn nói chuyện trong giờ học.
- c) Trời hạn hán mấy năm liền.....muông thú trong rừng bắt đầu thiếu nước.
- d) Cuối tuần, tôi có thể đi hiệu sách.....tôi sẽ đến thư viện.

III. TẬP LÀM VĂN

1. Hãy tả lại một người mà em có ấn tượng tốt.

2. Hãy lập chương trình liên hoan văn nghệ của lớp chào mừng ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

- I. Mục đích:
- II. Phân công chuẩn bị:
- III. Chương trình cụ thể:

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – b; 2. – c; 3. – a; 4. – b; 5. – a, d.
6.

Tham khảo: Em rất khâm phục Xti-phen Guôn-đơ, nhà sinh vật học người Mỹ. Khi biết mình bị bệnh nan y, ông không hề bi quan như những người khác mà vẫn lạc quan tin tưởng: “Có được lòng tin ắt sẽ chiến thắng mọi thứ”. Bằng nghị lực phi thường, ông không những sống thêm được hai mươi năm mà còn đóng góp cho khoa học những công trình đồ sộ - ngay chính những người khỏe mạnh bình thường cũng không thể làm nổi. Ông chính là người đã tìm được sự sống, chân tướng giá trị của sự sống. Ông đã trở thành tấm gương cho tất cả mọi người.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. – b; 2. – c; 3: của, về; 4. – b; 5. – c, 6. – b
9. Tìm một số từ có tiếng *công* theo mỗi nghĩa sau:
d) **Công** có nghĩa là “của nhà nước, của chung”: công quỹ, công viên, công chúng, công sở,
e) **Công** có nghĩa là “không thiên vị”: công tâm, công bằng, công lí, công minh.....
f) **Công** có nghĩa là “thợ”: công nhân, công nghiệp, công cán, nhân công.....

III. TẬP LÀM VĂN

1. Tả một người mà em có ấn tượng tốt.

Em có rất nhiều người bạn thân. Nhưng người em yêu quý nhất và ấn tượng rất tốt là bạn Hương.

Em và Hương chơi với nhau lâu lắm rồi, chúng tôi quen nhau khi hai đứa được xếp vào cùng một lớp hai. Từ hồi ấy đến bây giờ đã mấy năm rồi nhỉ? Chà! cũng lâu thật rồi đấy, tuy vậy nhưng tình bạn của chúng em vẫn thắm thiết như ngày nào. Em và Hương bằng tuổi nhau, nghĩa là năm nay hai đứa chúng em đều mười một tuổi. Tuy thế nhưng khi đi với Hương em thấy Hương trông có vẻ chững chạc và lớn hơn em nhiều. Hương đến lớp trong bộ áo đồng phục với chiếc áo trắng và chiếc váy kẻ ca rô cùng chiếc khăn quàng đỏ được thắt ngay ngắn trước ngực. ở nhà bạn thường mặc những bộ đồ rất mát mẻ, còn khi đi chơi bạn hay chọn các bộ đồ khoẻ khoắn với chiếc áo phông cùng với cùng với chiếc quần jeans. Hương có dáng đi thật uyển chuyển, nhẹ nhàng. Làn da trắng hồng, mịn màng làm tôn lên khuôn mặt bầu bĩnh, đáng yêu của bạn. Chao ôi! Đôi mắt của bạn thật là đẹp. Đôi mắt to, đen láy, sâu thẳm và trong đôi mắt đó luôn ánh lên cái nhìn nghịch ngợm của tuổi học trò nhưng cũng rất dịu hiền. Mái tóc đen óng, mượt mà, luôn được bạn cặp gọn ra đằng sau gáy bằng chiếc cặp nhỏ, xinh xinh. Em yêu nhất là khuôn mặt bạn mỗi khi vui hay mỗi khi bạn được điểm 10, khi đó khuôn mặt bỗng trở nên tươi tắn, rạng rỡ hẳn lên, đôi môi đỏ hồng hé nở một nụ cười để lộ hàm răng trắng, đều tăm tắp.

Em quý Hương không chỉ vì nét đẹp đáng yêu của bạn mà là những nét tốt của bạn để em và các bạn noi theo. Ở lớp Hương luôn tỏ ra là một người học sinh xuất sắc, lực học về các môn của bạn rất đều. Trong lớp bạn còn rất chăm giờ tay phát biểu, những bài toán khó chưa thấy bạn nào giải được thì đã thấy cánh tay búp măng của Hương giơ lên rồi. tuy học giỏi nhưng Hương không hề kiêu căng mà rất khiêm tốn, những hôm có bài khó các bạn học kém thường nhờ bạn ấy giảng hộ và Hương vui

về nhận lời, hôm nay Hương giảng các bạn chưa hiểu thì hôm sau Hương lại giảng tiếp cho đến khi các bạn thật hiểu mới thôi. Không những thế Hương còn là một cây văn nghệ của lớp, giọng hát của bạn như trời phú: sao mà ấm áp, thiết tha đến thế khi hát về tình thầy trò, mà cũng thật là nhí nhảnh, vui tươi khi hát về tình bạn thơ ngây trong sáng của tuổi học trò. Bạn còn rất lễ phép với người lớn, khi gặp các thầy cô trong trường bạn đều đứng nghiêm chào hỏi đâu ra đấy.

Sau một thời gian được cùng học, cùng chơi với bạn em đã học được ở bạn rất nhiều tính tốt. Và em sẽ cố gắng noi gương học tập ở bạn để trở thành một người học sinh xuất sắc

Họ và tên:

Lớp: 5.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 21- MÔN TIẾNG VIỆT



A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Trí dũng song toàn: Ca ngợi sứ thần Giang Văn Minh trí dũng song toàn, bảo vệ được quyền lợi và danh dự của đất nước khi đi sứ nước ngoài.

Tiếng rao đêm: Ca ngợi hành động cao đẹp của một thương binh, bất chấp mọi hiểm nguy, dám xông vào đám cháy để cứu 1 em bé thoát nạn.

2. Luyện từ và câu

a. Mở rộng vốn từ công dân

Quyền công dân	Điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho người dân được hưởng, được làm, được đòi hỏi.
Ý thức công dân	Sự hiểu biết về nghĩa vụ và quyền lợi của người dân đối với đất nước.
Nghĩa vụ công dân	Điều mà pháp luật hay đạo đức bắt buộc người dân phải làm đối với đất nước, đối với người khác.

b. Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ

Để thể hiện quan hệ nguyên nhân-kết quả giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng

Một quan hệ từ: vì, bởi vì, nhờ, nên, cho nên, do vậy,...

Hoặc một cặp quan hệ từ: vì ... nên, bởi vì ... cho nên, tại vì ... cho nên, nhờ ... mà, do ... mà

Lưu ý:

- Tại: Từ biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân cho một sự việc không tốt, không hay xảy ra.
- Nhờ: Từ biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân cho một sự việc tốt xảy ra.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. ĐỌC HIỂU

NHỮNG ĐIỀU VÔ GIÁ

Người mẹ đang bận rộn nấu bữa tối trong bếp, bất ngờ cậu con trai bé bỏng chạy ủa vào và đưa cho mẹ một mẫu giấy nhỏ. Sau khi lau tay vào chiếc tạp dề, người mẹ mở tờ giấy ra và đọc:

Cắt cỏ trong vườn	5 đô la
Dọn dẹp phòng của con	1 đô la
Đi chợ cùng với mẹ	50 xu
Trông em giúp mẹ	25 xu
Đổ rác	1 đô la
Kết quả học tập tốt	5 đô la
Quét dọn sân	2 đô la

Sau khi đọc xong, người mẹ nhìn cậu con trai đang đứng chờ với vẻ mặt đầy hi vọng. Bà cầm bút lên, lật mặt sau của tờ giấy và viết:

- Chín tháng mười ngày con nằm trong bụng mẹ: Miễn phí.
- Những lúc mẹ bên cạnh chăm sóc, cầu nguyện mỗi khi con ốm đau: Miễn phí
- Những giọt nước mắt của con làm mẹ khóc trong những năm qua: Miễn phí.
- Những đêm mẹ không ngủ vì lo lắng cho tương lai của con: Miễn phí.
- Tất cả những đồ chơi, thức ăn, quần áo mà mẹ đã nuôi con trong suốt mấy năm qua: Miễn phí.
- Và đắt hơn cả chính là tình yêu của mẹ dành cho con: Cũng miễn phí luôn con trai ạ.

Khi đọc những dòng chữ của mẹ, cậu bé vô cùng xúc động, nước mắt lưng tròng. Cậu nhìn mẹ và nói: “Con yêu mẹ nhiều lắm!”. Sau đó, cậu đặt bút viết thêm vào những tờ giấy dòng chữ thật lớn: “MẸ SẼ ĐƯỢC NHẬN LẠI TRỌN VẸN.”

(M. A- đam)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Những điều vô giá có nghĩa là gì?

- a. Những điều không có giá trị.
- b. Những điều rất quý, có giá trị, có ý nghĩa to lớn, không gì sánh được.
- c. Những điều chưa xác định được giá trị.

2. Dòng nào nêu đúng và đầy đủ những việc tốt cậu bé trong câu chuyện đã làm được và ghi lại để tính công?

- a. Cắt cỏ trong vườn, dọn dẹp phòng của mình, đi chợ cùng mẹ, trông em, đổ rác, kết quả học tập tốt, quét dọn sân.
- b. Nấu cơm chiều, quét dọn sân, đi chợ cùng mẹ, quét nhà lau nhà, đổ rác, rửa bát, học tập tốt.
- c. Kết quả học tập tốt, dọn dẹp phòng của mình, đi chợ cùng mẹ, trông cây trong vườn.

3. Những gì mà người mẹ đã làm cho con được kể ra trong bài?

- a. Chín tháng mười ngày nằm trong bụng mẹ, chăm sóc cầu nguyện mỗi khi con ốm đau.
- b. Những giọt nước mắt khóc khi con cái làm mẹ buồn phiền, những đêm lo lắng không ngủ.
- c. Đưa con đi chơi, dạy con học.

4. Và đắt hơn cả chính là tình yêu của mẹ dành cho con nghĩa là gì?

- a. Tình yêu của người mẹ dành cho con phải mua bằng rất nhiều tiền.
- b. Tình yêu của người mẹ dành cho con là vô giá, không gì sánh được.
- c. Tình yêu của người mẹ dành cho con được bán đắt hơn tất cả mọi thứ.

5. Em hiểu cậu bé muốn nói điều gì khi viết “Mẹ sẽ được nhận lại trọn vẹn”.

a. Mẹ sẽ được nhận từ con tất cả lòng biết ơn và tình yêu xứng đáng với công ơn và tình yêu thương mà mẹ đã dành cho con.

b. Con sẽ tính toán để trả lại tiền cho mẹ đầy đủ.

6. Những điều vô giá trong câu chuyện trên là gì? Việc người mẹ liệt kê rất nhiều điều mình đã làm vì con và sử dụng điệp từ “miễn phí” có tác dụng gì?

.....

.....

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Các vế câu trong câu ghép sau được nối với nhau bằng cách nào? Chúng có thể nối với nhau bằng một từ nào khác?

Người mẹ đang bận rộn nấu cơm tối trong bếp, bất ngờ cậu con trai bé bỏng chạy ủa vào và đưa cho mẹ một mẫu giấy nhỏ.

2. Thêm vào chỗ trống một vế câu thích hợp:

a) *Khi đọc những dòng chữ của mẹ, cậu bé vô cùng xúc động vì...*

b) *Khi đọc những dòng chữ của mẹ, cậu bé rất ân hận vì...*

3. Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống để có câu ghép:

... cậu bé hiểu được tình yêu của mẹ dành cho mình là vô giá... cậu bé vô cùng xúc động.

... cậu bé hiểu được tình yêu lớn lao của mẹ dành cho mình... cậu đã không tính công những việc mình làm cho mẹ.

4. Dấu hai chấm trong những câu sau có tác dụng gì?

- *Chín tháng mười ngày con nằm trong bụng mẹ: Miễn phí.*

- *Những lúc mẹ bên cạnh chăm sóc, cầu nguyện mỗi khi con ốm đau: Miễn phí*

- *Những giọt nước mắt của con làm mẹ khóc trong những năm qua: Miễn phí.*

- *Những đêm mẹ không ngủ vì lo lắng cho tương lai của con: Miễn phí.*

- *Tất cả những đồ chơi, thức ăn, quần áo mà mẹ đã nuôi con trong suốt mấy năm qua: Miễn phí.*

- *Và đắt hơn cả chính là tình yêu của mẹ dành cho con: Cũng miễn phí luôn con trai ạ.*

5. Tìm từ chứa tiếng bắt đầu bằng *d, r, gi* có nghĩa sau:

- Chỉ màu sắc tươi sáng, đẹp đẽ và nổi bật hẳn lên:

- Nước mắt chảy tràn ra nhiều và không cầm giữ nổi:

- Liên tiếp rất nhiều lần trong một thời gian ngắn:

6. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã trên các chữ in đậm để hoàn chỉnh đoạn thơ sau:

Dâu quen nhiều trái lạ

Vân nhớ gốc sầu xưa

Đa cho ngọt cho chua

Ca một thời thơ bé.

7. Gạch dưới các cặp quan hệ từ của mỗi câu ghép sau:

- a) Vì trời mưa suốt mấy ngày qua nên con đường nhỏ đến trường bị ngập nước.
b) Nhờ bạn bè giúp đỡ mà Hà đã vượt qua được khó khăn.
c) Do HẰNG chủ quan nên bạn đã bị điểm kém trong kì kiểm tra vừa qua.

8. Điền cặp quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ghép sau:

- a) Phương hay quan tâm giúp đỡ bạn bè trong lớp Bạn bè ai cũng quý mến Phương.
b) Việt chăm chỉ học Kết quả học tập của cậu ấy tiến bộ nhiều.
c) Hà gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống Hà vẫn là học sinh giỏi nhất lớp.

III. TẬP LÀM VĂN

1. Lập chương trình cho hoạt động chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ của lớp em.

Gợi ý: - Lớp em dự định tổ chức hoạt động này vào dịp nào?

- Mục đích của hoạt động là gì?
- Kế hoạch phân công mỗi công việc cần làm thế nào?
- Từng bước tiến hành của hoạt động?

2. Viết đoạn văn 5 – 6 câu tả về một công dân gương mẫu ở khu phố, thôn xóm (bán tổ trưởng, chú công an khu vực, bác hàng xóm,...) nơi em ở.

[illegible]

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – b; 2. – a; 3. – a; 4. – b; 5. –
a.
6.

Tham khảo: Những điều vô giá trong câu chuyện chính là những việc mẹ làm cho con, những tình cảm mẹ dành cho con. Đó là những thứ mà tiền không thể mua được. Người mẹ sử dụng điệp từ “miễn phí”, mục đích nhằm muốn nhấn mạnh cho con hiểu mẹ dành cho con tất cả mà không bao giờ tính toán.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Được nối với nhau bằng “dấu phẩy”; có thể thay thế bằng từ “thì”.
2. a) Nhận ra mẹ rất yêu thương mình.
b) Đã tính toán với mẹ những điều nhỏ nhất trong khi tình yêu của mẹ dành cho mình là vô giá.
3. a) Vì... nên...; b) Nếu... thì...
4. Có tác dụng giải thích cho bộ phận đứng trước.

III. TẬP LÀM VĂN

2. Bác Thành là một công dân gương mẫu của tổ dân phố em. Bác đã bốn mươi bốn tuổi, bằng tuổi ba em. Vóc dáng cao ráo, dáng đi nhanh nhẹn. bác rất năng nổ trong việc xóm giềng. Bác ấy có khuôn mặt chữ điền, đôi mắt sáng, tinh anh và mái tóc muối tiêu do gội nước thời gian sương gió dãi dàu. Ngoài giờ làm việc tại một phân xưởng sản xuất, bác Thành thường lui tới thăm nom những gia đình neo đơn như nhà cụ Hơ, cụ Chiên, chú Hiệu v.v... Đó là các gia đình thương binh liệt sĩ. Công việc của bác rất cụ thể và luôn đạt hiệu quả cao. Năm ngoái, nhờ sự can thiệp và lòng kiên trì của bác Thành mà má Năm, người mẹ liệt sĩ đã có được căn nhà tình nghĩa khang trang cùng số tiết kiệm do ủy ban quận tặng. Xóm em, ai cũng tin tưởng và kính trọng bác.

Họ và tên:

Lớp: 5.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 22– MÔN TIẾNG VIỆT



A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Lập làng giữ biển: Phản ánh rõ khát vọng và quyết tâm của người dân chài, muốn xây dựng và phát triển một làng quê mới trù phú, đông vui trên đảo.

Cao Bằng: Ca ngợi Cao Bằng - mảnh đất có địa thế đặc biệt, có những người dân mến khách, đôn hậu đang gìn giữ biên cương của Tổ quốc.

2. Luyện từ và câu

a. Để thể hiện quan hệ điều kiện – kết quả; giả thiết – kết quả giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một quan hệ từ: nếu, hễ, giá, thì,...

- Hoặc một cặp quan hệ từ: nếu... thì...; nếu như ... thì...; hễ... thì...; hễ mà... thì...; giá... thì...

b. Để thể hiện mối quan hệ tương phản giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một quan hệ từ: tuy, dù, mặc dù, nhưng..

- Hoặc một cặp quan hệ từ: tuy... nhưng...; mặc dù... nhưng...; dù... nhưng...

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. ĐỌC HIỂU

AN – MI RÔ – DƠ

Khi còn đến hai tháng trước lễ Giáng sinh, cô con gái An – mi Rô – dơ 9 tuổi của chúng tôi mới bảo rằng cô bé muốn có một chiếc xe đạp mới. Nhưng gần đến Giáng sinh, dường như cô bé quên bằng ước muốn đó. Chúng tôi mua cho cô bé bộ búp bê Bảo mẫu – món đồ chơi đang rất thịnh hành, cùng với một căn nhà búp bê. Thế nhưng, trái với suy nghĩ của chúng tôi, trước Giáng sinh hai ngày, An – mi Rô – dơ vẫn bày tỏ rằng cô bé thích chiếc xe đạp hơn bất cứ thứ đồ chơi nào khác trên đời.

Lúc đó đã quá trễ, với hàng trăm thứ cần phải chuẩn bị cho bữa tiệc Giáng sinh và mua những món quà vào phút cuối, chúng tôi không còn thời gian để chọn mua một chiếc xe đạp đúng như mong muốn cho An – mi Rô – dơ. Thế là, vào 9 giờ tối đêm Giáng sinh, khi An – mi Rô – dơ và em trai Đi – lă 6 tuổi đã nằm cuộn tròn yên ấm trong chăn, cả hai vợ chồng tôi vẫn còn thao thức vì ước muốn của con gái. Chúng tôi cảm thấy như có lỗi vì đã làm con mình thất vọng.

- Hay là anh sẽ nặn một chiếc xe đạp bằng đất sét và viết một mảnh giấy nói rằng: Con sẽ có thể đổi chiếc xe bằng đất sét này để lấy một chiếc xe đạp thực sự? – Chồng tôi đề nghị.

Có thể đó là một cách hay vì xe đạp là một món hàng khá khó mua và cô bé cũng đã là một “người lớn” không còn mè nheo đòi quà. Thế là chồng tôi đã cặm cùi suốt bốn tiếng đồng hồ để nặn một chiếc xe đạp thu nhỏ.

Sáng ngày Giáng sinh, chúng tôi thực sự hồi hộp chờ giây phút An – mi Rô – dơ mở món quà nhỏ hình trái tim có chiếc xe đạp bằng đất sét với hai màu trắng và đỏ bên trong. Cuối cùng thì cũng đến lúc cô bé mở quà và đọc to mảnh giấy mà tôi đã viết.

- Có thật là con sẽ có thể dùng chiếc xe đạp mà bố đã nặn này để đổi lấy chiếc xe thật hả mẹ?

- Đúng thế, con yêu! – Tôi mỉm cười rạng rỡ.

Nước mắt lấp lánh trên khóe mắt An – mi Rô – dơ khi cô bé trả lời:

- Con sẽ không bao giờ đổi chiếc xe đạp mà bố đã làm cho con đâu. Con thích giữ chiếc xe này hơn là đổi lấy chiếc xe thật.

Lúc ấy, chúng tôi cảm thấy hạnh phúc đến nỗi có thể đi cùng trời cuối đất để mua cho con gái bất cứ chiếc xe đạp nào trên đời.

(Mi – xeo Lô – răn)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:

1. Cô bé An – mi Rô – dơ muốn được tặng quà gì nhân dịp lễ Giáng sinh?

- a. Bộ búp bê Bảo mẫu.
- b. Một chiếc xe đạp mới.
- c. Một chiếc xe đạp nặn bằng đất sét.

2. Vì sao bố mẹ An – mi Rô – dơ lại tặng cô bé một chiếc xe đạp nặn bằng đất sét?

- a. Vì họ không còn thời gian để mua một chiếc xe đạp thật.
- b. Vì họ không đủ tiền để mua một chiếc xe đạp thật.
- c. Vì họ nghĩ tặng xe đạp thật sẽ lãng phí.

3. Tại sao cô bé An – mi Rô – dơ lại thích giữ chiếc xe đạp nặn bằng đất sét hơn là đổi lấy một chiếc xe thật?

- a. Vì chiếc xe đạp nặn bằng đất sét đẹp quá.
- b. Vì chính tay bố em đã nặn chiếc xe ấy với tất cả tình yêu thương con gái.
- c. Vì chiếc xe đạp nặn bằng đất sét thật ra không thể đổi lấy chiếc xe đạp thật được.

4. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

- a. Cần phải tặng đúng món quà mà người tặng thích nhất.
- b. Cần phải hỏi ý kiến trẻ em trước khi mua quà và giữ đúng lời hứa với trẻ em.
- c. Món quà tặng quý giá nhất là món quà gửi gắm tràn đầy tình yêu thương của người tặng.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ có thể thay thế các từ in đậm trong các câu sau:

- a) Đó là món đồ chơi đang rất **thịnh hành** hồi ấy.
- b) Bố An – mi đã **cặm cùi** suốt bốn tiếng đồng hồ để nặn một chiếc xe đạp cho con.
- c) Nước mắt **lấp lánh** trên khóa mắt An – mi Rô – dơ.

2. Tìm các quan hệ từ có trong đoạn văn sau:

- Hay là anh sẽ nặn một chiếc xe đạp bằng đất sét và viết một mảnh giấy nói rằng: Con sẽ có thể đổi chiếc xe bằng đất sét này để lấy một chiếc xe thật sự? –
Chồng tôi đề nghị.

Có thể đó là một cách hay vì xe đạp là một món hàng khá khó mua và cô bé cũng đã là một “người lớn” không còn mê nheo đòi quà. Thế là chồng tôi đã cặm cụi suốt bốn tiếng đồng hồ để nặn một chiếc xe đạp thu nhỏ.

3. Điền tiếp về câu vào chỗ trống:

a) Vì trước lễ Giáng sinh hai ngày An – mi Rô – đơ vẫn nói rằng em thích chiếc xe đạp hơn bất kì đồ chơi nào khác nên...

b) Vì bố mẹ An – mi không kịp mua chiếc xe đạp thật nên...

4. Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống:

a) ... đó không phải là chiếc xe đạp thật ... An – mi Rô – đơ rất thích... đó chính là món quà bố đã làm tặng em với tất cả tình yêu thương.

b) ... chiếc xe đạp bằng đất sét không phải do bố nặn tặng... An – mi đã không cảm động như vậy khi nhận nó.

5. Gạch dưới những tên riêng viết sai rồi viết lại cho đúng tên người và tên địa lí trong đoạn văn dưới đây:

Lên tam đảo có cái thú lặn lội giữa miền xưa non nước vừa hùng. Nhìn ra bốn bề xung quanh là những địa danh dễ làm xao xuyến như mê linh, việt tri, ba vì, ngã ba hạc, sông lô, sông hồng.

6. Tìm quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo ra câu ghép chỉ quan hệ điều kiện – kết quả hoặc giả thiết – kết quả.

a) chiều nay không mưalớp em sẽ đi picnic.

b)cô diễn viên xiếc bay một vòng trên khôngkhán giả lại vỗ tay rào rào.

c)ta có chiến lược tốt.....trận đấu đã giành thắng lợi.

7. Gạch dưới quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ trong các câu ghép sau:

a) Mặc dù nhà An xa trường nhưng bạn không bao giờ đi học muộn.

b) Tuy Hằng bị đau chân nhưng bạn vẫn đi học.

c) Dù trời mưa to nhưng trận đấu bóng vẫn diễn ra rất quyết liệt.

8. Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép chỉ quan hệ tương phản.

a) Tuy gia đình gặp khó khăn

b)nhưng các cô bác vẫn miệt mài trên đồng ruộng.

c) Tôi vẫn cố gắng thuyết phục mẹ.....

III. TẬP LÀM VĂN

1. Đọc câu truyện sau và trả lời câu hỏi:

MỘT NGƯỜI ANH NHƯ THẾ

Tôi được tặng một chiếc xe đạp rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần đạp xe ra công viên dạo chơi, có một cậu bé cứ quần quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ.

Chiếc xe này của bạn đấy à? – Cậu bé hỏi.

- Anh trai mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy. – Tôi trả lời, không giấu vẻ tự hào và mãn nguyện.

- Ô, ước gì tớ... - Cậu bé bỗng ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang ước điều gì. cậu ấy hẳn đang ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói của cậu thật bất ngờ đối với tôi.

- Ước gì tớ có thể trở thành một người anh như thế! – Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm.

Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi đứa em trai nhỏ tàn tật của cậu đang ngồi và nói: “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn, em nhé!”

a) Các nhân vật trong câu chuyện trên là ai?

b) Cậu bé trong truyện có tính cách như thế nào? Tại sao?

c) Nêu ý nghĩa của câu chuyện:

2. Hãy kể một câu chuyện mà em thích nhất trong những câu chuyện em đã từng đọc.

Handwriting practice lines consisting of multiple sets of three horizontal lines (top, middle, and bottom lines) for letter formation.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – b; 2. – a; 3. – b; 4. – c.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. a) được ưa chuộng, phổ biến.

b) miệt mài.

c) long lanh, trào ra.

2) Hay là, và, rằng, để, vì, và (thế là), để.

3. a) VD: Bố mẹ em rất ro lắng.

b) VD: ... họ đã làm tặng em một chiếc xe đạp bằng đất sét.

4. a) Tuy... nhưng... vì

b) Nếu... thì....

III. TẬP LÀM VĂN

2. Em đã được đọc rất nhiều truyện cổ tích nhưng em nhớ mãi là câu chuyện *Miệng nói ra hoa ra ngọc*. Chuyện kể rằng:

Ngày xưa, có một cô gái hiền lành tốt bụng. Cha mẹ cô đều mất sớm nên cô phải đi ở cho hai mẹ con nhà giàu nọ. Mẹ con chủ nhà thật là độc ác, chua ngoa. Họ chửi mắng cô gái đi ở tồi tệ, mặc dù cô chăm chỉ làm việc, thật thà, chất phác.

Một hôm, ra bờ suối để múc nước gánh về, cô gái gặp một cụ già rách rưới xin ngụm nước. Cô thấy thương cụ quá nên vội rửa sạch thùng rồi chạy ra ngoài xa múc nước trong, hai tay dâng thùng nước cho bà cụ uống.

Uống xong, cụ già bảo:

- Con tốt bụng lắm. Con thật đáng khen. Ta ban phép lành cho con đây. Từ nay con mở miệng nói thì ra hoa, ra ngọc. Cô gái cúi đầu cảm ơn bà cụ, lúc nhìn lên thì bà cụ đã biến mất. Cô gái vội gánh nước trở về. Đến nhà, mẹ con chủ nhà quát mắng. Cô gái chấp tay van xin:

- Con xin bà tha lỗi cho con!

Vừa nói dứt lời thì hai đóa hoa thơm ngát và hai viên ngọc lấp lánh từ trong miệng cô bay ra.

Mẹ con chủ nhà vô cùng kinh ngạc. Khi nghe cô kể lại sự việc, mẹ chủ vội giục con gái ra suối lấy nước. Cô ta mang bình đi. Đến nơi, bỗng một em bé rách rưới, bẩn thỉu đến xin nước uống. Cô ta bĩu môi nói rằng:

- Cái con bé dơ bẩn này! Để tao đến đây múc nước cho mày uống à? Muốn uống thì tự xuống suối mà uống!

Em bé lúc đó bỗng biến thành một bà tiên. Người bà tỏa ánh sáng lấp lánh. Bà tiên bảo rằng:

- Mày xấu bụng lắm. Đáng bị trừng phạt. Từ rày, mày mở miệng ra nói thì nhả ra rắn, ra cóc vậy. Nói rồi bà tiên biến mất, cô ả ngoai ngoai về nhà. Thấy con gái về, mẹ mẹ sẵn đón hỏi han từ cổng vào:- Thế nào hả con? Có gặp bà tiên không?

Cô ta vừa đáp:

- Mẹ ạ!

Bỗng hai con rắn và con cóc từ miệng cô bò ra thật khiếp đảm! Mẹ mẹ hoảng hốt la hét:

- Trời ơi! Sao lại thế này? Con ranh ác độc kia. Hại con tao phải không? Vừa nói mụ vừa lấy cây đánh cô bé đi ở. Cô gái sợ quá chạy một mạch vào rừng xanh, oan ức và buồn tủi. Giữa lúc ấy thì hoàng tử đi săn về ngang qua đây. Nhìn thấy cô gái khóc, hoàng tử dừng lại xuống ngựa, lại gần cô và hỏi:

- Vì sao cô khóc? Cô gái thỏn thức trả lời:

- Em bị bà chủ đánh...

Hoàng tử thấy miệng cô gái hoa và ngọc bay ra, rất lấy làm lạ. Biết chuyện, hoàng tử đưa cô gái về cung, xin vua cha cho cưới nàng làm vợ. Còn ả con gái mụ chủ thì ngày càng khiếp sợ về mình. ả đi lang thang khắp nơi, không ai dám làm bạn và hỏi chuyện với ả. Còn mẹ ả thì sống thui thủi một mình, chẳng bao lâu thì chết.

Qua câu chuyện trên em mới thấm thía một điều: "Ở hiền thì gặp lành, ở ác thì gặp dữ". Tấm lòng nhân hậu sẽ giúp cho người có có được hạnh phúc.

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 23– MÔN TIẾNG VIỆT

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Phân xử tài tình: Ca ngợi trí thông minh, tài xử kiện của vị quan án.

Chú đi tuần: Các chiến sĩ công an yêu thương các cháu học sinh, sẵn sàng chịu gian khổ, khó khăn để bảo vệ cuộc sống bình yên và tương lai tươi đẹp của các cháu.

2. Luyện từ và câu

a. Mở rộng vốn từ trật tự-an ninh

1. Khái niệm Trật tự - An ninh

a. Trật tự

- Tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỉ luật là Trật tự

b. An ninh

An ninh là từ ghép Hán Việt, an có nghĩa là yên, yên ổn, an bình. Ninh có nghĩa là yên lặng, bình lặng.

-> An ninh là yên ổn về chính trị và trật tự xã hội

2. Mở rộng vốn từ Trật tự - An ninh

a. Một số từ liên quan tới Trật tự - An ninh

Chi người, cơ quan, tổ chức thực hiện công việc bảo vệ trật tự, an ninh	công an, đồn biên phòng, tòa án, cơ quan an ninh, thẩm phán
Chi hoạt động bảo vệ trật tự, an ninh hoặc yêu cầu của việc bảo vệ trật tự, an ninh	xét xử, bảo mật, cảnh giác, giữ bí mật

b. Một số số điện thoại của đơn vị giữ gìn Trật tự - An ninh

- số điện thoại của lực lượng công an thường trực chiến đấu: 113

- số điện thoại của lực lượng công an phòng cháy chữa cháy: 114

- số điện thoại của đội thường trực cấp cứu y tế: 115

b. Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ

Để thể hiện quan hệ tăng tiến giữa các vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng một trong các cặp quan hệ từ: không những... mà...; chẳng những... mà...; không chỉ... mà...

VD:

- Hoa không những chăm học mà cô bé còn rất chăm làm việc nhà.

- Trung chẳng những đánh nhau mà anh ta còn hút thuốc và uống rượu bia

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. ĐỌC HIỂU

CHO VÀ NHẬN

Một cô giáo đã giúp tôi hiểu rõ ý nghĩa phức tạp của việc cho và nhận.

Khi nhìn thấy tôi cầm sách trong giờ tập đọc, cô đã nhận thấy có gì không bình thường, cô liền thu xếp cho tôi đi khám mắt. Cô không đưa tôi đến bệnh viện, mà dẫn tôi tới bác sĩ nhãn khoa riêng của cô. Ít hôm sau, như với một người bạn, cô đưa cho tôi một cặp kính.

- Em không thể nhận được! Em không có tiền trả đâu thưa cô! – Tôi nói, cảm thấy ngượng ngùng vì nhà mình nghèo.

Thấy vậy, cô liền kể một câu chuyện cho tôi nghe. Chuyện rằng: “Hồi cô còn nhỏ, một người hàng xóm đã mua kính cho cô. Bà ấy bảo, một ngày kia cô sẽ trả cho cặp kính đó bằng cách tặng kính cho một cô bé khác. Em thấy chưa, cặp kính này đã được trả tiền từ trước khi em ra đời”. Thế rồi, cô nói với tôi những lời nồng hậu nhất, mà chưa ai khác từng nói với tôi: “Một ngày nào đó, em sẽ mua kính cho một cô bé khác”.

Cô nhìn tôi như một người cho. Cô làm cho tôi thành người có trách nhiệm. Cô tin tôi có thể có một cái gì để trao cho người khác. Cô chấp nhận tôi như thành viên của cùng một thế giới mà cô đang sống. Tôi bước ra khỏi phòng, tay giữ chặt kính trong tay, không phải như kẻ vừa được nhận một món quà, mà như người chuyển tiếp món quà đó cho người khác với tấm lòng tận tụy.

(Xuân Lương)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Vì sao cô giáo lại dẫn bạn học sinh đi khám mắt?

- a. Vì bạn ấy bị đau mắt.
- b. Vì cô đã thấy bạn ấy cầm sách đọc một cách không bình thường.
- c. Cả hai ý trên.

2. Việc làm đó chứng tỏ cô giáo là người thế nào?

- a. Cô là người rất quan tâm đến học sinh.
- b. Cô rất giỏi về y học.
- c. Cả hai ý trên.

3. Cô giáo đã làm gì để bạn học sinh vui vẻ nhận kính?

- a. Nói rằng đó là cặp kính rất rẻ tiền, không đáng là bao nên bạn không phải bận tâm.
- b. Nói rằng có ai đó nhờ cô mua tặng cho bạn.
- c. Kể cho bạn nghe một câu chuyện để bạn hiểu rằng bạn không phải là người được nhận quà mà chỉ là người chuyển tiếp món quà cho người khác.

4. Việc cô giáo thuyết phục bạn học sinh nhận kính của mình cho thấy cô là người thế nào?

- a. Cô là người thường dùng phần thưởng để khuyến khích học sinh.
- b. Cô là người hiểu rất rõ ý nghĩa của việc cho và nhận và là người luôn cố gắng vì người khác.
- c. Cô là người rất cương quyết.

5. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

- a. Cần thường xuyên tặng quà cho người khác để thể hiện sự quan tâm.
- b. Sống không chỉ biết nhận mà phải biết cho.
- c. Cần sẵn sàng nhận quà tặng cho người khác.

6. Theo em, vì sao qua việc tặng kính, cô giáo đã làm cho bạn học sinh cảm thấy mình như một người cho, mình thành người có trách nhiệm?

.....

.....

.....

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ nào sau đây trái nghĩa với từ *phức tạp*?

- a. đơn giản b. đơn sơ c. đơn cử

2. Tìm các từ nổi trong câu sau:

Tôi bước ra khỏi phòng, tay giữ chặt kính trong tay, không phải như kẻ vừa được nhận một món quà, mà như người chuyển tiếp món quà đó cho người khác với tấm lòng tận tụy.

3. Trạng ngữ trong câu sau chỉ gì?

Ít hôm sau, như với một người bạn, cô đưa tôi một cặp kính.

- a. Chỉ thời gian và sự so sánh.
b. Chỉ thời gian và phương tiện.
c. Chỉ thời gian và nguyên nhân.

4. Câu nào sau đây chỉ là câu ghép?

- a. Một cô giáo đã giúp tôi hiểu rõ ý nghĩa phức tạp của việc cho và nhận.
b. Khi nhìn thấy tôi cầm sách trong giờ tập đọc, cô đã nhận thấy có gì không bình thường, cô liền thu xếp cho tôi đi khám mắt.
c. Thấy vậy, cô liền kể một câu chuyện cho tôi nghe.

5. Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì?

- Em không thể nhận được! Em không có tiền trả đâu thưa cô!

- a. Đánh dấu những ý liệt kê.
b. Đánh dấu bộ phận giải thích.
c. Đánh dấu những từ đứng sau nó là lời nói trực tiếp của nhân vật.

6. Câu sau đây thuộc loại câu gì?

Cô làm cho tôi trở thành người có trách nhiệm.

- a. Câu kể Ai là gì?
b. Câu kể Ai làm gì?
c. Câu kể Ai thế nào?

7. Điền cặp từ hô ứng vào các chỗ trống cho thích hợp:

- a) Tôi ... cầm sách để đọc, cô giáo ... nhận ra là mắt tôi không bình thường.
b) ... cho nhiều ... nhận được nhiều.
c) Người ta càng biết cho nhiều ... thì họ càng nhận lại được nhiều...

8. Viết lại cho đúng tên người, tên địa lí có trong đoạn văn dưới đây:

Lê hữu trác có tên hiệu là hải thượng lãn ông. Sinh thời ông được gọi là cậu ấm bảy hay chiêu bảy, con ruột của một gia đình danh gia vọng tộc ở đường hầu, trấn hải dương (nay là huyện yên mỹ hưng yên).

8. Hãy viết tên 5 đương phố thuộc thành phố (tỉnh) nơi em ở.

.....

.....

.....

.....

.....

9. Nêu ý nghĩa của ba từ sau:

Yên tĩnh:.....

Trật
tự:.....
Trình
tự:.....

10. Gạch dưới các từ ngữ có liên quan tới việc giữ gìn trật tự an ninh trong đoạn thơ sau:

Gió hun hút lạnh lùng
Trong đêm khuya phổ vẳng
Súng trong tay im lặng
Chú đi tuần đêm nay
Hải Phòng yên giấc ngủ say
Cây rung theo gió, lá bay xuống đường.

(Theo Trần Ngọc)

11. Gạch dưới các cặp quan hệ từ trong các câu sau:

- a) Không những Hà học giỏi mà bạn ấy còn rất yêu lao động.
- b) Không chỉ gió rét mà trời còn mưa lâm thâm.
- c) Gió biển không chỉ đem lại cảm giác mát mẻ cho con người mà nó còn là liều thuốc quý tăng cường sức khỏe.

III. TẬP LÀM VĂN

- 1. Ban chỉ huy Liên đội trường em dự kiến tổ chức triển lãm về an toàn giao thông. Em hãy lập chương trình cho hoạt động này.
- 2. Viết đoạn văn 6 – 8 câu kể một kỉ niệm khó quên về tình bạn.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – b; 2. – a; 3. – c; 4. – b; 5. – b.

6. *

Gợi ý:

- Khi được cô giáo tặng kính, bạn nhỏ đã hiểu được gì qua việc cho và nhận?

- Từ việc tặng kính của cô giáo, bạn nhỏ cảm nhận được điều gì?

Tham khảo: Câu chuyện mà cô kể cho bạn nhỏ nghe thật xúc động. Nó không hề đơn giản mà có ý nghĩa biết nhường nào. Bạn nhỏ hiểu rằng việc cô trao kính cho bạn chứng tỏ cô rất yêu thương, tin tưởng bạn, muốn giúp bạn nhìn rõ hơn. Và hơn thế nữa chính là cô muốn giúp bạn trở thành người tốt: người biết cho, biết sống vì người khác. Bạn nhỏ không chỉ là người nhận kính mà còn là người chuyển tiếp món quà đó cho người khác. Bạn trở thành người có trách nhiệm và đầy tình yêu thương.

(Chu Thị Miên)

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. – a; 2: ra, trong, như, mà, như, cho, với; 3. – a; 4. – b; 5. – c.

6. – b; 7. – a: vừa... đã..., b: càng... càng..., c: bao nhiêu... bấy nhiêu.

III. TẬP LÀM VĂN

2. Thời gian thấm thoát trôi đi, đã ba năm rồi, tôi vẫn còn nhớ kỉ niệm khó phai với Quỳnh, cô bạn thân của tôi. Hồi học lớp Hai, tôi và Quỳnh rủ nhau ra vườn hoa trong trường chơi vào giờ giải lao. Buổi sáng hôm ấy là một buổi sáng mùa xuân, không khí ấm áp, chúng tôi tha hồ hít thở bầu không khí trong lành. Vườn trường có nhiều sắc hoa. Tôi thích nhất là cây hoa cúc vàng. Nó nhiều cánh, nhị ở giữa, cánh hoa mềm mại xếp đều vào nhau; hương hoa thơm thoang thoảng và trông thật dễ thương, sắc hoa màu vàng rực rỡ. Tôi nói:

- Quỳnh ơi, xem kia, hoa cúc mới đẹp làm sao!

Quỳnh bĩu môi:

- Ồ đẹp thật! Nhưng làm sao đẹp bằng hoa hồng. Hoa hồng là bà chúa của các loài hoa.

Tôi và Quỳnh mãi tranh cãi với nhau, ai cũng cho ý mình là đúng và có lí cả. Suốt thời gian đầu Quỳnh vẫn bảo vệ ý đúng của mình. Quỳnh giận tôi thật rồi! Từ góc vườn, bác bảo vệ lại gần chúng tôi:

- Này hai cháu, từ nãy đến giờ bác đã nghe hai cháu tranh cãi với nhau việc hoa nào đẹp hơn rồi. Bây giờ bác nói cho hai cháu nghe nhé: “Hoa nào cũng đẹp, mỗi hoa có một vẻ đẹp riêng. Cái chính là chúng ta phải biết chăm sóc cho hoa đẹp hơn, tươi hơn và đảm bảo để nở ra nhiều hoa khác”. Tôi và Quỳnh nghe bác nói mới hiểu ra. Lúc bấy giờ chúng tôi nhìn nhau với ánh mắt vui vẻ như ban đầu. Vườn hoa trước mắt chúng tôi lúc bấy giờ như đẹp hơn. Bây giờ chúng tôi đã lớn. Ba năm qua, kỉ niệm thời thơ ấu vẫn đọng mãi trong tôi: Một tình bạn đẹp, một kỉ niệm khó quên

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 24– MÔN TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRẬT TỰ - AN NINH NÓI CÁC VỀ CÂU GHÉP BẰNG CẶP TỪ HÔ ỨNG ÔN TẬP VỀ TẢ ĐỒ VẬT

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Luật tục xưa của người Ê-đê: Người Ê-đê từ xưa đã có luật tục quy định, xử phạt rất nghiêm minh, công bằng để bảo vệ cuộc sống yên lành của buôn làng. Từ luật tục của người Ê-Đê, chúng ta hiểu rằng: xã hội nào cũng có luật pháp và mọi người phải sống và làm việc theo pháp luật.

Hộp thư mật: Ca ngợi ông Hai Long và những chiến sĩ tình báo hoạt động trong lòng địch đã dũng cảm, mưu trí giữ vững đường dây liên lạc, góp phần xuất sắc vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

2. Luyện từ và câu

Cặp từ hô ứng là gì?

Cặp từ hô ứng là những cặp phó từ, chỉ từ, hay đại từ thường đi đôi với nhau, và hay dùng để nối vế trong các câu ghép.

Nói các về câu ghép bằng cặp từ hô ứng

Để thể hiện quan hệ về nghĩa giữa các vế câu, ngoài quan hệ từ, ta còn có thể nối các vế câu ghép bằng một số cặp từ hô ứng như:

- vừa...đã...; chưa...đã...; mới...đã...; vừa...vừa...; càng...càng...
- đâu...đấy; nào... ấy; sao... vậy; bao nhiêu ...bấy nhiêu

VD:

- Cô giáo vừa ra ngoài lớp đã ồn ào như cái chợ
- Mưa càng lớn bao nhiêu lòng mẹ Lan càng lo lắng bấy nhiêu

3. Tập làm văn

a, Các bước làm bài văn miêu tả đồ vật

- Quan sát đồ vật cần miêu tả
- Chọn lọc các chi tiết tiêu biểu từ việc quan sát
- Sắp xếp các chi tiết đó thành một dàn bài theo một trình tự hợp lí
- Từ dàn bài đã lập triển khai thành các đoạn văn có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn
- Đọc lại và sửa những lỗi sai trong bài

b. Dàn bài cho bài văn miêu tả đồ vật

Mở bài

- Giới thiệu đồ vật em định tả

Thân bài

- Tả bao quát hình dáng của đồ vật (nhìn từ xa, nhìn gần có gì đặc biệt về kích thước, màu sắc,...)
- Tả chi tiết các bộ phận của đồ vật (hình thù, màu sắc, kích thước của từng bộ phận; có thể tả từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới hoặc từ trong ra ngoài, từ

dưới lên trên)

- Nêu công dụng của đồ vật

Kết bài

Cảm nghĩ về đồ vật

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC HIỂU

CHIẾC Bİ ĐÔNG CỦA ÔNG TÔI

Ông tôi có một cái bİ đông đựng nước được dùng từ “ngày xưa ngày xưa, tức là từ khi chưa có tôi. Đạo ấy ông đi bộ đội, hành quân dọc dãy núi Trường Sơn vào miền Nam đánh Mĩ. Ông bảo cái bİ đông ấy đã từng theo ông như hình với bóng: lúc xông ra trận, khi ở trong hầm, khi cả lúc xem văn công bộ đội biểu diễn nữa...

Giờ thì cái bİ đông ấy đã cũ lắm rồi. Nó to như quả dứa nhưng tròn dẹt, đựng được đến hơn một lít nước. Cái vỏ bằng nhôm cứng của nó được sơn màu xanh lá cây, nhiều chỗ đã móp mép, lộ ra màu bạc xın của nhôm. Cái nắp nhựa rất cứng có một sợi dây xích nhỏ buộc chặt vào cổ bİ đông, ông bảo để nó khỏi rơi mất. Khi mời ai uống nước, cái nắp nhựa sẽ trở thành một cái cốc, rất tiện. Bao bọc bên ngoài “quả dứa dẹt” ấy là một cái giỏ đeo đan bằng những sợi dây dù, có quai dài đủ vắt qua vai. Những lúc ông treo cái bİ đông trên tường, tôi cứ hình dung ra quả thị nằm trong cái túi lưới xinh xắn của chị Thắm. Chỉ khác là quả thị thì màu vàng...

Có lần tôi hỏi ông:

- Ông ơi, ông thích màu xanh lá cây lắm à?

Ông tôi mỉm cười:

- Thích cháu ạ. Nhưng cái bİ đông này phải sơn màu lá cây là để nó lẫn với màu quân phục, lẫn với lá rừng, che mắt thằng giặc!

Lại có lần được ông đèo đi chơi xa, lúc hai ông cháu trú nắng bên đường, tôi mân mê cái bİ đông và chợt phát hiện bên sườn nó có một lỗ thủng bằng hạt ngô đã được hàn rất khéo. Tôi chưa kịp hỏi thì ông đã giải thích:

- Cái bİ đông này đã cứu ông khỏi bị thương đấy. Trong một trận chiến đấu, một mảnh đạn văng vào người ông, máy quá nó bị găm đúng vào cái bİ đông ông đeo bên người. Ông không có việc gì nhưng nó thì “bị thương”.

Ồ thế mà mãi bây giờ ông mới kể! Nhưng cũng từ đấy, tôi đã hiểu vì sao ông tôi lại nâng niu cái bİ đông cũ đến thế. Ông nghỉ hưu đã lâu, nhưng ông vẫn dùng nó để đựng nước mỗi khi ra đồng hoặc lúc có việc đi xa. Về nhà ông lại treo ngay ngắn ở đầu giường, như chị Thắm vẫn thích thú treo quả thị hay trái ổi trước bàn học...

(Hò Thị Mai Quang)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Bạn nhỏ đã tả chiếc bİ đông bằng những chi tiết nào?

- Nó to như quả dứa nhưng tròn dẹt.
- Vỏ bằng nhôm cứng sơn màu xanh lá cây.
- Nó được đeo vào người bằng một sợi dây vàng.
- Cái nắp nhựa có một sợi dây xích nhỏ buộc vào cổ bİ đông.

2. Bạn nhỏ trong bài đã so sánh chiếc bi đông của ông mình với vật gì?

- a. Quả dưa. b. Quả thị. c. Cả hai ý trên.

3. Vì sao ông ban nhỏ lại nâng niu cái bi đồng cũ đến thế?

- Vì cái bi đồng này rất quý không thể tìm mua ở đâu được.
- Vì cái bi đồng này rất tiện lợi, giúp ông đi đâu xa khỏi khát nước.
- Vì đó là vật kỉ niệm gắn bó thân thiết với những ngày chiến đấu của ông.

4. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Đặt 2 câu có từ *son* là từ đồng âm, trong đó một câu có từ *son* là danh từ, một câu có từ *son* là động từ.

2. Dấu hai chấm trong câu sau có tác dụng gì?

Ông bảo cái bi đông ấy đã từng theo ông như hình với bóng: lúc xông ra trận, khi ở trong hầm, lại cả lúc xem văn công bố đôi biểu diễn nữa...

3. Dấu ngoặc kép trong câu sau có tác dụng gì?

Ông không việc gì, nhưng nó thì “bị thương”.

4. Câu “Chỉ khác là quả thị màu vàng” thuộc kiểu câu *Ai làm gì?* Hay *Ai thế nào?*

5. Tìm cặp từ hô ứng điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a) Trong những ngày chiến đấu, ông đi đến thì chiếc bi đông cũng theo ông đến.....

b) biết nhiều chuyện về chiếc bi đông tôi quý nó.

c) Chị Thắm thích thú với mấy quả thị thì ông lại gắp bỏ với chiếc bi đông.....

6. Viết 3 danh từ theo yêu cầu sau:

a) Danh từ chỉ tên người, tên dân tộc Việt Nam:

b) Danh từ chỉ tên các tỉnh (thành phố) của Việt Nam:

Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ trống trong mỗi câu cho phù hợp:

(an ninh, an toàn, bình yên)

a) Những cánh đồng bát ngát với những đàn trâu thung thảng gập cò trông như một bức tranh về cuộc sống.....ở quê hương tôi.

b) Đểcho mình và cho mọi người, chúng ta cần đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.

c) Các anh bộ đội biên phòng luôn chắc tay súng bảo vệ.....cho cuộc sống những vùng đất biên giới của Tổ quốc.

7. Xếp các từ sau đây vào nhóm thích hợp:

điều tra, xét xử, công an, viện kiểm soát, tòa án, cơ quan an ninh, Bộ nội vụ, bảo mật, chánh án, luật sư, đồn biên phòng, giữ bí mật.

a) Chỉ người, cơ quan, tổ chức thực hiện công việc bảo vệ an ninh:

.....

Chỉ hoạt động bảo vệ trật tự, an ninh hoặc yêu cầu của việc bảo vệ trật tự, an ninh:

.....

Gạch dưới những cặp từ hô ứng trong các câu ghép sau:

- a) Bố mẹ chưa đi làm về, tôi đã nấu cơm xong và dọn dẹp nhà cửa tinh tươm.
- b) Bà bảo sao tôi làm vậy.
- c) Gió càng to, mưa càng lớn.
- d) Tôi vừa về đến nhà, mẹ cũng vừa nấu cơm xong.

8. Điền các cặp từ hô ứng thích hợp vào mỗi chỗ trống:

- a) Tôidỗ, bé.....khóc
- b) Trời.....sáng, nông dân.....ra đồng.
- c) Bà con dân làng nấu.....cơm,Gióng ăn hết.....

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Nhờ chiếc bi đông mà bạn nhỏ trong câu chuyện hiểu thêm được những gì về người ông của mình? Đặt mình vào vai bạn ấy để viết đoạn văn kể về điều đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

IV. TẬP LÀM VĂN

Hãy viết một đoạn văn tả một đồ vật gắn bó thân thiết với em.

.....

.....

.....

Handwriting practice lines consisting of multiple sets of three horizontal lines (top, middle, and bottom lines) for letter formation.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – a,b,d; 2. – a; 3. – c;
4. Tham khảo: *Cần trân trọng những đồ vật gắn bó với những kỉ niệm thân thương của mình.*

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. VD: - Giờ cái bi đồng đã cũ rồi, màu sơn đã bạc.
- Cái vỏ của ó được sơn màu xanh lá cây.
2. Dấu hai chấm có tác dụng báo hiệu lời giải thích.
3. Dấu ngoặc kép ở đây đánh dấu một từ được dùng theo nghĩa đặc biệt.
4. Kiểu câu *Ai thế nào?*
5. a) đầu... đó (đấy); b) Càng... càng...; c) bao nhiêu... bấy nhiêu.
9. Gạch dưới những quan hệ từ nối các vế câu trong các câu ghép sau:
a) Bố mẹ chưa đi làm về, tôi đã nấu cơm xong và dọn dẹp nhà cửa tinh tươm.
b) Bà bảo sao tôi làm vậy. c) Gió càng to, mưa càng lớn.
c) Tôi vừa về đến nhà, mẹ cũng vừa nấu cơm xong.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Tham khảo: Trước đây khi thấy ông nâng niu chiếc bi đồng, tôi thường thầm nghĩ: “Chiếc bi đồng cũ rích, móp méo vứt đi được rồi, sao mà ông tiết kiệm thế cứ dùng mãi và lại còn nâng niu cẩn thận nữa chứ”. Thế rồi tôi được nghe ông kể về nó. Ôi! Chiếc bi đồng cũ kĩ nhưng quý giá biết chừng nào. Nó đã theo ông trong suốt những năm kháng chiến chống Mĩ. Nó như một người bạn thân thiết gắn bó với ông chia sẻ niềm vui nỗi buồn cùng ông. Nó lại như một người bạn dũng cảm, trung thành, sẵn sàng đứng ra hứng đạn để bảo vệ ông, để rồi nó thì “bị thương” còn ông lại may mắn thoát chết. Tôi thấy thật trân trọng nó và tôi cũng thấy thật khâm phục và tự hào về ông tôi – một người lính đã vượt qua bao khó khăn gian khổ để chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược, giành độc lập, tự do cho đất nước.

IV. TẬP LÀM VĂN

Tham khảo: Chiếc đồng hồ treo tường nhà em do bố em mua cách đây ba năm, trong dịp bố đi công tác ở Hà Nội. Đồng hồ hình tròn, bán kính khoảng 15 cm. Mặt đồng hồ làm bằng nhựa trong, sáng bóng, nổi rõ chữ GIMIKO – tên hãng sản xuất đồng hồ. Xung quanh đồng hồ được trang trí đường viền phát dạ quang sáng xanh. Đồng hồ được ghi mười hai số từ 1 đến số 12 đều đặn. Ở chính giữa mặt đồng hồ có gắn một trục nối ba kim giờ, phút, giây. Cứ đến đúng giờ, nó lại phát ra một bản nhạc nghe thật vui tai. Thế mà nó chẳng đòi hỏi gì, sau sáu tháng bố mới thay bốn quả pin và tra dầu vào phần máy phía sau mặt đồng hồ. Đồng hồ thật chăm chỉ “tích tắc, tích tắc” làm việc suốt ngày đêm không ngừng nghỉ, nhắc nhở em học tập nghỉ ngơi có khoa học và phải biết quý trọng thời gian

Họ và tên:

Lớp: 5.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 25– MÔN TIẾNG VIỆT



LIÊN KẾT CÂU TRONG BÀI BẰNG CÁCH LẬP TỪ NGỮ LIÊN KẾT CÁC CÂU TRONG BÀI BẰNG CÁCH THAY THẾ TỪ NGỮ TẢ ĐỒ VẬT. TẬP VIẾT ĐOẠN ĐỐI THOẠI A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Phong cảnh đền Hùng: Ca ngợi vẻ đẹp tráng lệ của đền Hùng và vùng đất Tổ, đồng thời bày tỏ niềm thành kính thiêng liêng của mỗi con người đối với tổ tiên.

Cửa sông: Qua hình ảnh cửa sông, tác giả ngợi ca tình cảm thủy chung, uống nước nhớ nguồn.

2. Luyện từ và câu

a. Liên kết các câu trong bài bằng cách lập từ ngữ

- Trong bài văn, đoạn văn, các câu phải có liên kết chặt chẽ với nhau.
- Để liên kết một câu đứng trước nó, ta có thể lặp lại trong câu ấy những từ ngữ đã xuất hiện ở các câu đứng trước.

VD: Đền Thượng nằm chót vót trên núi Nghĩa Lĩnh. Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt, xòe hoa.

Lưu ý: Việc liên kết các câu trong bài bằng cách lập từ ngữ ngoài khả năng kết nối các câu của bài văn, đoạn văn lại với nhau, còn có thể đem lại những ý nghĩa tu từ như nhấn mạnh gây cảm xúc, gây ấn tượng...

Ví dụ:

Tuy nhiên, khi sử dụng cách liên kết câu trong bài bằng cách lập từ ngữ, nếu sử dụng không khéo léo, sử dụng liên tục, không đúng lúc, đúng chỗ sẽ dẫn đến câu văn bị lặp từ, gây nhàm chán.

Ví dụ: Ông em năm nay 70 tuổi. Ông em có mái tóc bạc. Ông em rất thương yêu chúng em.

Việc sử dụng nhiều lần từ ông em trong đoạn văn đã khiến cho đoạn văn bị lặp từ, làm cho đoạn văn thiếu tính sáng tạo và không đạt được

b. Liên kết các câu trong bài bằng cách thay thế từ ngữ:

Khi các câu trong đoạn văn cùng nói về một người, một vật, một việc ta có thể dùng đại từ hoặc những từ ngữ đồng nghĩa thay thế cho những từ đã dùng ở câu đứng trước để tạo thành mối liên hệ giữa các câu và tránh lặp từ nhiều lần.

VD: Mẹ của Lan là cô Nga. Cô là bác sĩ ở bệnh viện này.

Lưu ý: Dùng phép thế không chỉ có tác dụng tránh lặp đơn điệu, mà còn có tác dụng tu từ nếu chọn được những từ ngữ thích hợp cho từng trường hợp dùng.

3. Tập làm văn

a. Dàn bài văn tả đồ vật

1. Mở bài gián tiếp: (3-4 dòng)

Giới thiệu đồ vật (Đồ vật em định tả là gì? Tại sao em có nó? Có nó vào thời gian nào?)

2. Thân bài

a. Tả bao quát: (3-4 dòng): Hình dáng, kích thước, màu sắc

b. Tả chi tiết: (10 – 15 dòng): Tả các bộ phận của đồ vật (khoảng 3-5 bộ phận, mỗi bộ phận tả từ 2-3 câu)

c. Tả công dụng của đồ vật (5-10 dòng): từ 2-3 công dụng

d. Hoạt động hoặc kỉ niệm của em với đồ vật đó (3-4 dòng)

3. Kết bài mở rộng: (2-4 dòng)

Nêu cảm nghĩ của em với đồ vật (Em hãy coi nó như là một người bạn của mình).

b. Cách viết đoạn đối thoại

- *Tìm hiểu tính cách nhân vật; và quan trọng hơn là hiểu tính cách đó thể hiện ra như thế nào trong hoàn cảnh cụ thể của câu chuyện.*

Đây là yếu tố đặc biệt không thể bỏ qua khi viết lời thoại, để có lời thoại đúng và hay, phù hợp với nội dung đoạn kịch là phải biết dựa vào tính cách nhân vật.

- *Nắm được cách sử dụng từ hô ứng.*

Xung hô trong lời thoại chính là sự bộc lộ trực tiếp tính cách riêng, thái độ, vị thế xã hội, mối quan hệ,... của nhân vật.

Sau khi nghe xong lời thoại, ta có thể hiểu và thấy rõ về hoàn cảnh, tính cách, nếp sống, thái độ cư xử... của từng nhân vật trong kịch bản.

- *Vận dụng các kĩ năng: Dùng từ, sử dụng dấu câu, đặt câu, nghĩa từng câu, chỗ ngắt nghỉ, nhấn giọng,...*

+ Câu thoại phải viết ngắn gọn, súc tích, chính xác mà dễ hiểu về mặt ngữ pháp và từ, ý; lời thoại phải bộc lộ nét riêng, hình tượng riêng của từng nhân vật, trước câu thoại thường đặt dấu gạch ngang để thể hiện đó là tiếng nói của nhân vật. Ngoài ra, các lời thoại trong một màn kịch có sự liên kết chặt chẽ với nhau: lời thoại sau là sự tiếp diễn về kết cấu, nội dung, mục đích, thái độ, hành động, sự việc... được nêu ra trong lời thoại trước.

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC HIỂU

CÓ NHỮNG DẤU CÂU

Có một người chẳng may đánh mất dấu phẩy. Anh ta trở nên sợ những câu phức tạp và chỉ tìm những câu đơn giản. Đằng sau những câu đơn giản là những ý nghĩa đơn giản.

Sau đó, không may, anh ta lại làm mất dấu chấm than. Anh bắt đầu nói khe khẽ, đều đều, không ngữ điệu. Anh không cảm thán, không xuýt xoa. Không có gì có thể làm anh ta sung sướng, mừng rỡ hay phẫn nộ nữa cả. Đằng sau đó là sự thờ ơ đối với mọi chuyện.

Kế đó, anh ta đánh mất dấu chấm hỏi và chẳng bao giờ hỏi ai điều gì nữa. Mọi sự kiện xảy ra ở đâu, dù trong vũ trụ hay trên mặt đất hay ngay trong nhà

mình, anh ta cũng không biết. Anh ta đã đánh mất khả năng học hỏi. Đằng sau đó là sự thiếu quan tâm với mọi điều.

Một vài tháng sau, anh ta đánh mất dấu hai chấm. Từ đó anh ta không liệt kê được nữa, không còn giải thích được hành vi của mình nữa. Anh ta đổ lỗi cho tất cả, trừ chính mình.

Cứ mất dần các dấu, cuối cùng anh ta chỉ còn lại dấu ngoặc kép mà thôi. Anh ta không phát biểu được ý kiến nào của riêng mình nữa, lúc nào cũng chỉ trích, dẫn lời của người khác. Thế là anh ta hoàn toàn quên mất tư cách tư duy. Cứ như vậy, anh ta đi đến dấu chấm hết.

Thiếu những dấu câu trong một bài văn, có thể bạn chỉ bị điểm thấp vì bài văn của bạn không hay, không ý nghĩa, nhưng đánh mất những dấu câu trong cuộc đời, tuy không ai chấm điểm nhưng cuộc đời bạn cũng vô vị, cũng mất ý nghĩa như vậy.

Mong bạn hãy giữ gìn những dấu câu của mình, bạn nhé!

(Theo Hồng Phương)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Trong câu chuyện trên, người “đánh mất dấu phẩy” trong cuộc đời sẽ như thế nào?

- a. Trở thành một người không biết cách dùng dấu phẩy.
- b. Trở thành một người lười suy nghĩ, ngại vất vả.
- c. Trở thành một người viết văn kém.

2. Nếu anh ta “đánh mất dấu chấm than”, anh ta sẽ ra sao?

- a. Trở thành một người suốt ngày buồn rầu, ủ rũ.
- b. Trở thành một người vui sướng, nói cười suốt ngày.
- c. Trở thành một người thờ ơ, mất hết cảm xúc.

3. Nếu “đánh mất dấu chấm hỏi”, anh ta sẽ như thế nào?

- a. Trở thành một người ích kỉ chỉ biết mình.
- b. Trở thành một người hiểu biết hết mọi điều.
- c. Mất khả năng học hỏi, không quan tâm đến mọi điều.

4. Tiếp tục “đánh mất dấu hai chấm” sẽ ra sao?

a. Trở thành một người không còn khả năng giải thích, hay đổ lỗi cho người khác và sống vô trách nhiệm.

- b. Trở thành một người vụng về, hay làm hỏng mọi việc.
- c. Trở thành một người hay quên, không nhớ những việc mình làm.

5. Đến khi “chỉ còn dấu ngoặc kép” điều gì sẽ xảy ra?

a. Trở thành một người uyên thâm, nhớ hết mọi điều.

b. Trở thành một người hay trích dẫn lời của người khác, không có chính kiến riêng, chỉ biết nói dựa theo người khác, không chịu độc lập suy nghĩ.

- c. Trở thành một người nói năng rõ ràng, chính xác.

6. Câu “cứ như vậy, anh ta đi đến dấu chấm hết.” có kết thúc ra sao?

- a. Trở thành một người không có giá trị, sống một cuộc đời vô nghĩa.
- b. Trở thành một người nghèo khổ, mất hết tiền bạc của cải.
- c. Trở thành một người cô đơn, không ai thân thích.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ *tư duy* cùng nghĩa với từ nào?
 - a. học hỏi
 - b. suy nghĩ
 - c. tranh luận
2. Chủ ngữ trong câu “Đằng sau những câu đơn giản là những ý nghĩa đơn giản.” là gì?
 - a. Đằng sau
 - b. Đằng sau những câu đơn giản
 - c. Những câu đơn giản
3. Dấu phẩy trong câu “Anh bắt đầu nói khe khẽ, đều đều, không ngừng điệu.” có nhiệm vụ gì?
 - a. Ngăn cách các vị ngữ.
 - b. Ngăn cách các vế câu ghép.
 - c. Ngăn các các bộ phận giữ cùng chức vụ bổ trợ cho động từ *nói*.
4. “Thiếu những dấu câu trong một bài văn, có thể bạn chỉ bị điểm thấp vì bài văn của bạn không hay, không ý nghĩa, nhưng đánh mất những dấu câu trong cuộc đời, tuy không ai chấm điểm nhưng cuộc đời bạn cũng vô vị, cũng mất ý nghĩa như vậy.” Dựa vào ý đầu của câu văn trên, viết câu ghép chính phụ theo từng mẫu câu sau;
 - a. Nếu C – V thì C – V.

b. Vì C – V nên C – V.

5. Các câu trong đoạn văn sau được nối với nhau bằng cách nào?

Có một người chẳng may đánh mất dấu phẩy. Anh ta trở nên sợ những câu phức tạp và chỉ tìm những câu đơn giản. Đằng sau những câu đơn giản là những ý nghĩa đơn giản.

7. Viết lại những tên riêng sau theo đúng quy tắc.

- a) (sông) hồng:.....
- b) (nước) an giê ri:.....
- c) (đảo) cát bà:.....
- d) (nhà bác học) niu tơn:.....

8. Gạch dưới những từ ngữ được lặp lại để liên kết câu trong các đoạn văn sau:

- a) Người đặt hộp thư lần nào cũng tạo cho anh sự bất ngờ. Bao giờ hộp thư cũng được để tại một nơi dễ tìm mà lại ít bị chú ý nhất.
- b) Thảo quả trên rừng Đản Khao đã vào mùa. Gió tây lướt thướt bay qua rừng quấy hương thảo quả đi rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lựng, thơm nồng vào những thông xóm Chín San.
- c) Con dê rực lên một màu vàng của đàn bò đung đỉnh bước. Ngõ đây là một con dê vàng uổng lượn.

9. Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để liên kết các câu sau theo cách lập từ ngữ:

a) Mấy chục năm đã qua, còn nguyên như ngày nào mặc dù cuộc sống của chúng tôi đã có nhiều thay đổi.....đã trở thành kỉ vật thiêng liêng của tôi và cả gia đình tôi. (*chiếc áo, chiếc cà vạt, chiếc bình*)

b) Bữa cơm,thường nhất hết.....cho em. Hằng ngày,.....đi câu cá bóng về bữa sả, hoặc đi lượm vỏ đạn ngoài gò về cho mẹ. (*Bé, em, thức ăn*)

10. Tìm từ thay thế cho từ in đậm viết vào chỗ trống để đoạn văn không bị phạm lỗi lập từ.

Chuột ta gặm vách nhà. Một cái khe hở hiện ra. **Chuột**chui qua khe và tìm được rất nhiều thức ăn. Là một con chuột tham lam nên **chuột** (2).....ăn nhiều quá, nhiều đến mức bụng **chuột** (3).....phình to ra. Đến sáng, **chuột** (4).....tìm đường trở về tổ, nhưng bụng to quá, **chuột** (5).....không sao lách qua khe hở được.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Em viết tiếp vào chỗ trống có đoạn văn khoảng từ 3 – 4 câu:

Mong bạn hãy giữ gìn những dấu câu của cuộc đời mình. Nếu đánh mất chúng thì...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

IV. TẬP LÀM VĂN

1. Dựa vào nội dung bài ca dao, em hãy viết thành đoạn đối thoại.

Cái cò, cái vạc, cái nông

Sao mày giẫm lúa nhà ông hời cò?

Không, không tôi đứng trên bờ

Mẹ con cái diệc đồ ngờ cho tôi

Chẳng tin ông đến mà coi

Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Viết đoạn văn tả một đồ vật hoặc món quà có ý nghĩa sâu sắc đối với em.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – b; 2. – a; 3. – c; 4. – a; 5. – b; 6. – a.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. – b; 2. – b; 3. – c.

4. VD:

a) – Nếu bạn đánh mất những dấu câu trong cuộc đời thì cuộc sống của bạn sẽ mất hết ý nghĩa.

- Nếu bài văn thiếu những dấu câu thì nó sẽ mất hết ý nghĩa.

- Nếu bài văn bị thiếu những dấu câu thì bạn sẽ bị điểm thấp.

b) – Vì bài văn thiếu những dấu câu nên nó mất hết ý nghĩa.

- Vì bài văn của bạn thiếu những dấu câu nên bạn bị điểm kém.

- Vì bạn đánh mất những dấu câu trong cuộc đời nên cuộc sống của bạn mất hết ý nghĩa.

5. – Câu 1 và câu 2 nối bằng cách thay thế cụm từ “một người” bằng từ “anh ta”.

- Câu 2 và câu 3 nối với nhau bằng cách lặp từ ngữ: “những câu đơn giản”.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Gợi ý:

- Nếu bài văn không có dấu câu thì bài văn đó sẽ như thế nào?

- Nếu đánh mất những dấu câu trong cuộc đời, con người sẽ ra sao?

Tham khảo: Mong bạn hãy giữ gìn những dấu câu của đời mình. Trong viết văn, nếu không có những dấu câu, bài văn của bạn sẽ không hay, không ý nghĩa, bạn sẽ bị điểm thấp. Nếu đánh mất những dấu câu trong cuộc đời, bạn sẽ trở thành một con người vô dụng đơn giản. Lúc đầu, có thể bạn sẽ lấy làm thích thú lắm vì bạn chẳng phải suy nghĩ gì cả. Nhưng rồi bạn sẽ chẳng thể vui mừng hay tức giận trước bất cứ ai hoặc bất cứ việc gì. Cuộc sống vô vị, tẻ nhạt của bạn cứ thế trôi đi: không tư duy, không cảm giác; bạn thờ ơ với tất cả mọi người, mọi việc. Thậm chí, bạn còn chẳng biết mình là ai? Tồn tại trên đời này để làm gì? Bạn sống như chết, một cái xác không hồn. Chao ôi! Không giữ gìn được những dấu câu cho mình mới đáng sợ làm sao!!!

IV. TẬP LÀM VĂN

1. Một con cò bay qua ruộng lúa của một người nông dân. Người nông dân đang chăm lúa thấy có nhiều cây lúa bị đổ nên trách mắng cò:

- Con cò kia, sao mày dẫm lúa của ông?

Cò lễ phép đáp:

- Không, tôi chỉ đứng trên bờ thôi ạ. Mẹ con cái diệc đòi oan cho tôi.

Ông không tin thì đến đây này, mẹ con nhà nó còn ngồi ở đây.

2. Tham khảo:

Nhân dịp sinh nhật lần thứ mười của em, em được bố tặng một con rô-bốt đồ chơi rất tuyệt.

Con rô-bốt này trông ngộ nghĩnh như một chú bé tí hon. Chú chỉ cao chừng hai gang tay em, được làm bằng một loại nhựa cứng và nhẹ màu xanh dương bóng loáng. Cái đầu to như cái hộp vuông được đặt lên thân, trông không

thấy cổ khiến chú trông bướng bình lạ! Trên đầu có hai sợi ăng-ten mọc rẽ ra hai bên như hình chữ C. hai tai to như hai nửa quả cam gắn úp vào hai bên đầu bằng hai con ốc vít tròn rất to. Thân chú cũng như cái hộp hình chữ nhật dựng đứng, có những đường vẽ trang trí nổi cộm lên trông như chú mặc chiếc áo giáp sắt. Sau lưng có một ngăn trống nhỏ đựng vừa hai viên pin, sát gần cúi núm công tắc nhựa màu đen. Hai bàn tay và hai chân cũng do những cái hộp vuông nhỏ nối vào nhau và gắn vào thân bởi những con ốc vít to. Nhờ vậy, tay chân chú có thể xoay về các hướng dễ dàng.

Em bật núm công tắc lên, lập tức chú rô-bốt hoạt động ngay. Từ trong bụng chú, những tiếng rè rè phát ra cùng lúc hai chân chú bắt đầu bước đi. Chân bước từng bước oai vệ, tay chú cũng vung vẩy theo nhịp bước. Buồn cười nhất là cái đầu cứ quay nhìn bên phải, rồi lại quay sang bên trái như tìm kiếm truy bắt kẻ địch. Đang đi, chợt phải chân bàn hay góc tủ, chú tự động tránh sang hướng khác. Tiếng rè rè và bước chân của chú khiến lũ gián trong góc nhà hốt hoảng chạy trốn.

Em rất thích chơi với chú rô-bốt này, em xem chú như là một người bạn nhỏ hiếu động và thông minh.

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 26– MÔN TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRUYỀN THỐNG LUYỆN TẬP THAY THẾ TỪ NGỮ ĐỂ LIÊN KẾT CÂU TRẢ BÀI VĂN TẢ ĐỒ VẬT A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Nghĩa thầy trò: Ca ngợi truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta, nhắc nhở mọi người cần giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp đó.

Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân: Qua việc mô tả lễ hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân, tác giả thể hiện tình cảm yêu mến và niềm tự hào đối với một nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa của dân tộc.

2. Luyện từ và câu

Khái niệm

- Truyền thống: là một từ ghép Hán Việt, truyền có nghĩa là trao lại, để lại cho đời sau, thống có nghĩa là nối tiếp nhau không dứt.

-> Lối sống và nếp nghĩ đã hình thành từ lâu đời và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác

VD: Tôn sư trọng đạo, tương thân tương ái, uống nước nhớ nguồn,... đó là những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam ta.

Mở rộng vốn từ truyền thống

- Một số từ có tiếng truyền

Truyền có nghĩa là trao lại cho người khác (thường thuộc thế hệ sau):	truyền thống, truyền ngôi, truyền nghề
Truyền có nghĩa là lan rộng hoặc làm lan rộng ra cho nhiều người biết	truyền bá, truyền tụng, truyền tin, truyền hình
Truyền có nghĩa là nhập vào hoặc đưa vào cơ thể	truyền máu, truyền nhiễm

- Một vài truyền thống của dân tộc

Uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo, tương thân tương ái, hiếu học, anh hùng bất khuất,...

- Một số câu ca dao tục ngữ nói về truyền thống tốt đẹp của dân tộc

"Muốn sang thì bắc cầu Kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy"

Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ

Lá lành đùm lá rách

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng

Dù ai nói đông nói tây

Lòng ta vẫn vững như dây giữa rừng

3. Tập làm văn

Cách viết đoạn đối thoại

- *Tìm hiểu tính cách nhân vật; và quan trọng hơn là hiểu tính cách đó thể hiện ra như thế nào trong hoàn cảnh cụ thể của câu chuyện.*

Đây là yếu tố đặc biệt không thể bỏ qua khi viết lời thoại, để có lời thoại đúng và hay, phù hợp với nội dung đoạn kịch là phải biết dựa vào tính cách nhân vật.

- *Nắm được cách sử dụng từ hô ứng.*

Xung hô trong lời thoại chính là sự bộc lộ trực tiếp tính cách riêng, thái độ, vị thế xã hội, mối quan hệ,... của nhân vật.

Sau khi nghe xong lời thoại, ta có thể hiểu và thấy rõ về hoàn cảnh, tính cách, nếp sống, thái độ cư xử... của từng nhân vật trong kịch bản.

- *Vận dụng các kĩ năng: Dùng từ, sử dụng dấu câu, đặt câu, ngắt câu, nghỉ, nhấn giọng,...*

+ Câu thoại phải viết ngắn gọn, súc tích, chính xác mà dễ hiểu về mặt ngữ pháp và từ, ý; lời thoại phải bộc lộ nét riêng, hình tượng riêng của từng nhân vật, trước câu thoại thường đặt dấu gạch ngang để thể hiện đó là tiếng nói của nhân vật. Ngoài ra, các lời thoại trong một màn kịch có sự liên kết chặt chẽ với nhau: lời thoại sau là sự tiếp diễn về kết cấu, nội dung, mục đích, thái độ, hành động, sự việc... được nêu ra trong lời thoại trước.

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC HIỂU

BA CON BÚP BÊ ĐẦU TIÊN

Ngày đó, gia đình tôi con rất nghèo. Ba làm thợ mộc, mẹ làm ở vườn ươm, nuôi anh trai tôi đi học và tôi – một cậu bé lên 5 tuổi.

Anh em tôi không có nhiều đồ chơi: vài mẫu đồ gỗ ba cho để xếp hình, mấy lộn tơ rồi làm tóc giả để chơi biểu diễn thời trang mẹ xin ở xưởng. Hôm nào mà ba mẹ không bắt ngủ trưa là tôi phóng vọt sang nhà cái Ngọc hàng xóm chơi kè. Nhà nó rất giàu, có nhiều đồ chơi và đương nhiên, có cả những con búp bê. Lúc nào tôi cũng mong ước có một cô búp bê như thế. Một hôm cha tôi bảo:

- Hôm nay là ngày Nô – en, trước khi đi ngủ, con hãy cầu nguyện xin ông già Nô – en cho con một con búp bê. Điều ước sẽ thành sự thật.

Sáng hôm sau, tôi hét toáng lên sung sướng khi thấy trong chiếc tất tôi treo ở đầu giường lộ ra một cái đầu búp bê. Tôi bóc ngược chiếc tất ra, không phải là một đầu nhé, mà có tới ba em búp bê: một bé trai bằng gỗ, một bé gái bằng vải tóc xoắn bạch kim và một bé gái nhỏ mũm mĩm bằng giấy bìa bồi. Có một mẫu giấy nhỏ rơi ra từ em búp bê bé trai và anh tôi đã đọc cho tôi nghe những lời như sau:

“Bé Giang thân mến!

Dù cháu chỉ xin một con búp bê nhưng vì cháu là một em bé ngoan nên ông đã cho cháu một gia đình búp bê. Hãy luôn ngoan và hiếu thảo cháu nhé!

Ông già Nô – en”

Mười lăm năm sau, tôi đã lớn khôn, đã trưởng thành. Anh tôi cho tôi biết sự thật về sự ra đời của những con búp bê.

Thì ra chẳng có một ông già Nô – en áo đỏ nào tặng quà cho tôi, mà có tới ba... ông già Nô – en mặc áo màu đỏ là ba, mẹ và anh tôi. Tối hôm ấy, ba đã tỉ mỉ gọt đều khúc gỗ thành con búp bê trai; mẹ cẩn thận chắp những mảnh vải vụn thành bé búp bê; còn anh tôi, loay hoay cả buổi tối để làm xong con búp bê bằng bìa bồi...

Những ông già Nô – en của con ơi, con thương mọi người nhiều lắm!

(Theo Nguyễn Thị Trà Giang)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Vì sao bạn nhỏ cầu xin ông già Nô – en một con búp bê?

- a. Vì bạn thấy bạn Ngọc nhà hàng xóm có búp bê.
- b. Vì đây là phong tục trong đêm Giáng sinh.
- c. Vì gia đình bạn nghèo, không có đồ chơi mà bạn lại rất thích búp bê.

2. Bạn nhỏ đã nhận được gì?

- a. Một con búp bê thật xinh.
- b. Một gia đình búp bê.
- c. Một chiếc tất chứa đầy đồ chơi đẹp.

3. Ai đã gửi món quà cho bạn?

- a. Bố, mẹ và anh trai.
- b. Ông già Nô – en.
- c. Những ông già Nô – en.

4. Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?

- a. Muốn được quà Nô – en hãy cầu nguyện xin ông già Nô – en.
- b. Muốn được quà Nô – en hãy là một người con hiếu thảo.
- c. Thật là hạnh phúc khi được sống trong sự quan tâm, yêu thương của mọi người trong gia đình.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Chỉ ra các từ nổi trong câu sau và nêu tác dụng của từ nổi thứ nhất và từ nổi thứ ba:

Thì ra chẳng có ông già Nô – en áo đỏ nào tặng quà cho tôi, mà có tới ba... ông già Nô – en mặc áo màu đỏ là ba, mẹ và anh tôi.

2. a) Tìm bốn phần chủ ngữ, bộ phận vị ngữ, và trạng ngữ trong câu sau:

Tối hôm ấy, ba đã tỉ mỉ gọt đều khúc gỗ thành con búp bê trai; mẹ cẩn thận chắp những mảnh vải vụn thành bé búp bê; còn anh tôi, loay hoay cả buổi tối để làm xong con búp bê bằng bìa bồi...

b) Đặt một câu với từ *loay hoay* và một câu với từ *hì hục*.

3. Nêu tác dụng của dấu hai chấm trong những trường hợp sau:

a) Tôi dốc ngược chiếc tất ra, không phải là một đầu nhé, mà có tới ba em búp bê: một bé trai bằng gỗ, một bé gái bằng vải tóc xoắn bạch kim và một bé gái nhỏ mũm mĩm bằng giấy bìa bồi.

.....

b) Ông cười, bảo tôi:

- Nín đi con. Hôm nay là ngày Nô – en, trước khi ngủ, con hãy cầu nguyện xin ông già Nô – en cho con một con búp bê. Điều ước sẽ thành sự thật.

.....

4. Chỉ rõ các từ ngữ được thay thế để nối câu 1 và câu 2 và các từ ngữ được lặp lại để nối câu 2 với câu 3 trong đoạn văn sau:

Hôm nào mà ba mẹ không bắt ngủ trưa là tôi phóng vọt sang nhà cái Ngọc hàng xóm chơi kè. Nhà nó rất giàu, có nhiều đồ chơi và đương nhiên, có cả những con búp bê. Lúc nào tôi cũng mong ước có một cô búp bê như thế.

.....

.....

5. Viết lại cho đúng tên người và tên địa lí có trong đoạn văn sau:

Lần thứ nhất tôi gặp lạc đà ở vườn giô – vườn bách thú mat xcova. Lần thứ hai tôi gặp lạc đà thật sự trong quang cảnh hùng tráng sa mạc ... Lần thứ ba tôi gặp lạc đà ở chợ thủ đô kabun nước Apganixtan.

.....

.....

6. Gạch dưới từ ngữ có tiếng *truyền* có nghĩa là “trao lại cho người khác” trong các từ dưới đây:

truyền nghề, truyền bá, truyền ngôi, truyền hình, truyền tin, truyền tụng, truyền nhiễm, truyền thống, truyền máu.

Đặt câu với một từ vừa tìm được

.....

.....

7. Kể một số truyền thống tốt đẹp của ông cha ta mà em biết.

.....

.....

8. Tìm những từ ngữ thích hợp thay thế các danh từ đã đánh số rồi viết lại đoạn văn.

Mùa xuân năm 542, cuộc khởi nghĩa của Lý Bí đã quét sạch ách đô hộ của nhà Lương ra khỏi bờ cõi. Hai cuộc phản kích của nhà Lương (1) vào tháng 4 năm 542 vào đầu năm 543 đều bị nghĩa quân Lý Bí (2) đánh cho tan tác. Tháng giêng năm 544, Lý Bí (3) lên ngôi, xưng là Nam Việt Đế. Lý Bí (4) dựng lên nhà nước Vạn Xuân. Lý Bí (5) đã cho xây dựng cung điện Vạn Xuân và chùa Khai Quốc bên bờ sông Nhị Hà thuộc Yên Phụ ngày nay.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Vì sao bạn nhỏ trong câu chuyện lại nói: “Những ông già Nô – en nhận được trong đêm Giáng sinh.

IV. TẬP LÀM VĂN

1. Em hãy viết từ 3 – 4 câu tả một trong ba con búp bê mà bé Giang nhận được trong đêm Giáng sinh.

2. Dựa vào nội dung truyện *Lang Sói* dưới đây, em hãy viết một đoạn đối thoại giữa Ngựa mẹ và Sói.

Trưa hè, sói gặp hai mẹ con Ngựa đang lê bước trên đường. Ngựa con bị đau chân, khập khiễng theo mẹ. Sói chào hai mẹ con Ngựa rồi khoe mới học được phương thuốc chữa sai khớp và muốn giúp ngựa con. Ngựa mẹ rất cảnh giác. Nó bảo là chính nó cũng đang đau chân bên phải, nếu được thì Sói chữa cho nó trước đã.

Sói tưởng thật, giả vờ cúi xuống thăm nom cái chân đau của Ngựa mẹ. Đợi cho Sói cúi xuống vừa tầm, Ngựa mẹ bất ngờ tung ra một cú đá hậu. trúng đòn, răng hàm trên của Sói rụng là tả xuống đất.

Con Sói gian ác với cái miệng đầy máu vừa chạy vừa rên la thảm thiết.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Viết đoạn văn có lời đối thoại giữa em và bạn về một câu chuyện mà em thích.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – c; 2. – b; 3. – a; 4. – c.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Các từ nối: “thì ra” có tác dụng liên kết câu; “mà”, “và” nối hai từ *mẹ - anh*.

2. a) Các bộ phận của câu là:

Tối hôm ấy, ba / đã tỉ mỉ gọt đều khúc gỗ thành con búp bê trai; mẹ/ cẩn thận chấp

TN

CN

VN

CN

những mẫu vải vụn thành bé búp bê; còn anh tôi, loay hoay cả buổi tối để làm xong con

VN

CN

VN

búp bê bằng bìa bồi...

b) VD: - Hương loay hoay chiếc áo mãi mà không xong.

- Bác Ba làm hì hục suốt ngày.

3. Dấu hai chấm trong câu a có tác dụng báo hiệu sự liệt kê, trong câu b báo hiệu lời nói trực tiếp.

4. – Các từ ngữ được thay thế để tạo sự liên kết giữa câu 1 và câu 2: *Cái Ngọc – nó*.

- Các từ ngữ được lặp lại để nối câu 2 với câu 3: *Con búp bê*.

6.

truyền nghề, truyền bá, truyền ngôi, truyền hình, truyền tin, truyền tụng, truyền nhiễm, truyền thống, truyền máu.

7. Kể một số truyền thống tốt đẹp của ông cha ta mà em biết.

- *Truyền thống yêu nước*

- *Truyền thống anh hùng, bất khuất chống giặc ngoại xâm*

- *Truyền thống cần cù lao động*

- *Truyền thống tôn sư trọng đạo*

- *Truyền thống hiếu học*

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Gợi ý:

- Vì sao bạn nhỏ lại gọi mọi người trong gia đình mình là “những ông già Nô – en”? (Vì những người thân mang niềm vui đến cho bạn nhỏ giống như “những ông già Nô – en”).

- Qua câu nói, em biết được tình cảm của bạn nhỏ với gia đình như thế nào? (Rất xúc động, rất yêu thương mọi người trong gia đình).

- Câu nói thể hiện tình yêu thương của bạn nhỏ với mọi người khi biết được sự thật về món quà vô giá ấy.

IV. TẬP LÀM VĂN

1. Gợi ý:

- Đề bài đã cho thuộc thể loại văn miêu tả, kiểu bài tả đồ vật.

- Cần dựa vào những đoạn văn miêu tả ba con búp bê trong bài và vào vốn sống, óc tưởng tượng để viết.

Tham khảo: Trong gia đình búp bê mà Giang được nhận thì anh chàng búp bê bằng gỗ trông khá khỏe mạnh. Anh ta được gọt đều cẩn thận từ một khúc gỗ nhãn. Thân hình anh chỉ chừng một gang tay người lớn. Trên đầu anh, bố Giang

đã khéo léo tạo ra một chiếc nón cho anh đội. Trông anh ra đáng một anh “tốt” trong bộ bài tam cúc. Bộ quần áo xanh đang mặc chính là được tạo ra từ một thứ phẩm màu xanh mà bố Giang đã khéo pha và nhuộm. Nhưng đặc biệt nhất là cái mũi nhỏ như một cục bông hơi nhô ra phía trước. Càng nhìn kĩ ta càng thấy anh rất ngộ nghĩnh.

2. Tham khảo:

Trưa hè, sói gặp hai mẹ con Ngựa đang lê bước trên đường. Ngựa con bị đau chân, khập khiễng theo mẹ. Sói bắt chuyện:

- Hai mẹ con đi đâu vậy?

Ngựa mẹ lễ phép trả lời:

- Dạ, thưa anh! Tôi đưa cháu nó đi khám chân ạ!

Sói niềm nở:

- Ô! trùng hợp quá. Tôi có một phương thuốc chữa sai khớp chân hay lắm! hay để tôi khám cho cháu nhé.

Ngựa mẹ nhanh trí đáp:

- Vậy anh khám cho tôi trước nhé. Tôi cũng bị đau chân. Cái chân bên phải ấy

Sói vui vẻ nhận lời:

- Được rồi, để tôi khám cho.

3. Trong giờ ra chơi, tôi hỏi Lan:

- Lan này, bạn đã đọc truyện Những người khốn khổ của Vích - to Huy - gô chưa ?

Lan đáp :

- Mình chưa được đọc, chuyện đó có hay ko ?

Tôi khoe :

- Hay lắm bạn ạ ! Có một chương nói về chú bé Ga - vơ - rôt ở Pa-ri, chú đã gan dạ, vượt qua mặt trận và cuối cùng chú bé đã hi sinh , đó là cái chết của thiên thần đó . Đọc câu chuyện mình rất cảm động!

Lan thích thú reo lên:

- Tuyệt thật! Cảm ơn bạn nhiều nhé , mình sẽ tìm đọc cuốn truyện đó !

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 27– MÔN TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRUYỀN THỐNG LIÊN KẾT CÁC CÂU TRONG BÀI BẰNG TỪ NGỮ NÓI TẢ CÂY CỐI

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Tranh làng Hồ: Ca ngợi những nghệ sĩ dân gian đã tạo ra những vật phẩm văn hoá truyền thống đặc sắc của dân tộc và nhắn nhủ mọi người hãy biết quý trọng, giữ gìn những nét đẹp cổ truyền của văn hoá dân tộc.

Đất nước: Thể hiện niềm vui, niềm tự hào về đất nước tự do, tình yêu tha thiết của tác giả đối với đất nước, với truyền thống bất khuất của dân tộc.

2. Luyện từ và câu

a, Mở rộng vốn từ: Truyền thống

Một số câu ca dao tục ngữ nói về truyền thống của dân tộc Việt Nam

Yêu nước	Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh - Con ơi, con ngủ cho lành. Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi Muốn coi lên núi mà coi Coi bà Triệu tướng cưỡi voi đánh công
Lao động cần cù	Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ. - Có công mài sắt, có ngày nên kim. - Có làm thì mới có ăn - Không dung ai dễ đem phần cho ai - Trên đồng cạn dưới đồng sâu Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa. - Cày đồng đang buổi ban trưa Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày. Ai ơi bưng bát cơm đầy Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.
Đoàn kết:	Khôn ngoan đối đáp người ngoài Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau. - Một cây làm chẳng nên non Ba cây chụm lại nên hòn núi cao. - Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn - Nhiều điều phụ lấy giá gương Người trong một nước phải thương nhau cùng...

Nhân ái:	- Thương người như thể thương thân - Lá lành đùm lá rách - Máu chảy ruột mềm. - Môi hở răng lạnh - Anh em như thể chân tay Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần - Chị ngã, em nâng - Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.
----------	--

b. Liên kết các câu trong bài bằng từ ngữ nối

Để thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu trong bài, ta có thể liên kết các câu ấy bằng quan hệ từ hoặc một số từ ngữ các tác dụng kết nối như: *nhưng, tuy nhiên, thậm chí, cuối cùng, ngoài ra, mặt khác, trái lại, đồng thời, ...*

VD:

Em sẽ giúp anh lần này. Tuy nhiên anh phải nghe lời em, xin lỗi bố mẹ nhé.

3. Tập làm văn

a. Dàn ý chung tả cây cối

1. Mở bài: Giới thiệu cây định tả

- Chủng loại (cây gì ?)
- Vị trí, địa điểm (trồng ở đâu ?)
- Nguồn gốc (ai trồng ?)
- Thời gian (trồng vào dịp nào ?)

2. Thân bài: Tả cây

a) Tả bao quát: Hình dáng của cây

- Nhìn từ xa, cây có hình dáng ra sao ?
- Khi đến gần, cây thế nào ?

b) Tả chi tiết từng bộ phận:

- Gốc, rễ, thân, nhánh, cành, tán lá, chồi non.
- Hoa : cuống hoa, đài hoa, cánh hoa, nhụy hoa.
- Thời tiết, những điều kiện cho cây phát triển ?

c) Các yếu tố tác động và có ảnh hưởng đến cây.

- Con người
- Chim chóc, ong bướm.

3. Kết bài

- Cảm nhận của bản thân về ích lợi của cây.
- Suy nghĩ về cây đã tả.

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC HIỂU

RAU KHÚC

Sau Tết Nguyên đán, dù trời còn lạnh, sương xuống nhiều nhưng cũng bắt đầu của những trận mưa xuân, thế nào cũng phải rủ nhau đi hái rau khúc. Khúc mọc nhiều nhất ở những chân ruộng mạ bỏ rơm, dọc theo bờ sông.... Khúc có hai loại: khúc tẻ và khúc nếp. Chúng chỉ khác nhau ở chỗ, khúc nếp mập hơn, lá to bản hơn, nhiều lông hơn. Mùa rau khúc kéo dài nhưng thời gian có rau ngon lại ngắn. Khi đó mặt ruộng lấp ló màu trắng bạc.

Rau khúc vừa dai lại vừa dẻo. Khúc nếp đưa lên miệng chẳng khác nào kẹo cao su bây giờ. Rau khúc hái từ ruộng về phải chế biến ngay. Món trứ danh nhất, quái lạ nhất từ rau khúc là bánh khúc. Như bất cứ món bánh dân dã nào, nguyên liệu làm bánh khúc chỉ gồm: bột gạo, đỗ xanh, thịt lợn cùng với gia vị. Nó khác với tất cả các loại bánh khác chính là có thêm rau khúc. Rau khúc giã nhuyễn với bột gạo làm vỏ bánh, màu xanh nhạt, dẻo, dai...

Vào mùa bánh khúc nhà nào cũng như có cỗ đám. Người đốt lò, người xay bột, người giã khúc.... Tiếng thậm thình to nhỏ, thanh trầm, trong đục... rộn rã khắp làng. Người ta mời đổi nhau để thưởng thức tài nghệ của nhau.

Cho đến bây giờ tôi vẫn giữ y nguyên trong kí ức, cái háo hức, cái sống động của những đêm làng giã khúc. Hồi hộp và mong mỏi nhất là lúc mẻ bánh đầu tỏa hương thơm như khứa vào con tim, con vị. Chỗ bánh hơi nóng bốc ngùn ngụt. Ấy thế mà những bàn tay lành nghề vẫn thoăn thoắt đưa từng lượt bánh ra ngoài. Mỗi chiếc bánh được dính bởi những hạt xôi nếp căng mọng. Thôi thì xuyết xoa, thôi nóng phù phù, xoa tay lên tai... nhưng nhất định phải đưa được bánh ra khi còn nóng hôi hổi. Phải vừa ăn vừa thổi mới cảm nhận được hết hương vị và cảm giác lạ lùng từ cây rau khúc.

Bạn có thể lấy làm khó hiểu trước sự gắn bó bền chặt của người nông dân với cuộc sống quá đơn sơ của họ. Còn tôi thì không. Bởi vì ngay giờ đây tôi vẫn có thể sống lại cái cảm giác hạnh phúc tuyệt vời khi buổi sáng nào đó tỉnh dậy đã thấy mẹ đặt sẵn phần một đĩa bánh khúc – thứ bánh mà giờ đây đối với tôi thực sự chỉ còn lại trong nỗi hoài niệm.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Rau khúc thường có vào thời gian nào?

- a. Tết Nguyên đán.
- b. Sau Tết Nguyên đán.
- c. Vào mùa đông.

2. Nguyên liệu làm bánh khúc gồm những gì?

- a. Bột gạo, đỗ xanh, thịt lợn cùng với gia vị, gạo nếp.
- b. Bột gạo, lá chuối, đỗ xanh cùng gia vị, gạo nếp.
- c. Bột gạo, đỗ xanh, thịt lợn cùng gia vị, rau khúc, gạo nếp.

3. Dấu hiệu nào cho biết mùa bánh khúc đã bắt đầu?

- a. Tiếng chày giã khúc thậm thình to nhỏ, thanh trầm, trong đục... rộn rã khắp làng.
- b. Mặt ruộng lấp ló màu trắng bạc của rau khúc.

- c. Mẻ bánh đầu tỏa hương thơm như khứa vào con tim, con vị.
4. Trong bài văn này, tác giả tập trung viết về điều gì?
- a. Tả cây rau khúc là một loại cây có vẻ đẹp đặc biệt.
- b. Vì rau khúc làm nên bánh khúc – một loại bánh ngon gắn với những kỉ niệm thân thương của quê hương, của những người thân yêu của tác giả.
- c. Vì rau khúc có nhiều công dụng.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Trong các câu sau, câu nào là câu ghép?
- a. Rau khúc vừa dai, vừa dẻo.
- b. Mùa rau khúc kéo dài nhưng thời gian có rau ngon lại ngắn.
- c. Rau khúc hái từ ruộng về phải chế biến ngay.
2. Dấu gạch ngang trong câu “Bởi vì ngay giờ đây tôi vẫn có thể sống lại cái cảm giác hạnh phúc tuyệt vời khi buổi sáng nào đó tỉnh dậy đã thấy mẹ đặt sẵn phần một đĩa bánh khúc – thứ bánh mà giờ đây đối với tôi thực sự chỉ còn lại nỗi hoài niệm”. có tác dụng gì?
- a. Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.
- b. Đánh dấu phần chú thích trong câu.
- c. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
3. Hai câu “Mùa rau khúc kéo dài nhưng thời gian có rau ngon lại ngắn. Vào những ngày đó mặt ruộng lấp lánh màu trắng bạc.” liên kết với nhau bằng cách nào?
- a. Lặp từ ngữ. b. Thay thế từ ngữ. c. Từ nối.
4. Sau Tết Nguyên đán, dù trời còn lạnh, sương xuống nhiều nhưng cũng bắt đầu của những trận mưa xuân, thế nào cũng phải rủ nhau đi hái rau khúc. Khúc mọc nhiều nhất ở những chân ruộng mạ bỏ rơm, dọc theo bờ sông...
- Nếu thay thế từ *khúc* ở câu thứ hai bằng từ *cỏ* thì hai câu văn trên không còn liên kết với nhau, vì sao?
-
-

5. Hai câu “Chỗ bánh hơi nóng bốc ngùn ngụt. Nhưng những bàn tay lạnh ngắt vẫn thoăn thoắt đưa từng lượt bánh ra ngoài.” Liên kết với nhau bằng cách nào?
- a. Thay thế từ ngữ, lặp từ ngữ.
- b. Dùng từ nối, lặp từ ngữ.
- c. Thay thế từ ngữ, dùng từ nối.
6. Một bạn học sinh đã viết sai chính tả một số tên riêng dưới đây, em hãy gạch dưới những chữ viết sai rồi viết lại cho đúng:
- Cri-xtô-phô cô-lôm-bô, Ê-vơ-rét, Italia, Ấn Độ, A-Mê-Ri-Gô Ve-Xpu-Xi, A-mê-ri-ca, Hi-ma-lay-a, ét-mâ-Hin-la-ri, Niu-di-lân, Ten-sinh-No-rơ-gay
-
-

7. Điền các thành ngữ, tục ngữ phù hợp với truyền thống của dân tộc ta. Truyền thống tôn sư trọng đạo:

Truyền thống kiên cường, bất khuất:

Truyền thống đoàn kết:

Truyền thông nhân ái:

(nhưng, vì thế, rồi, ngoài ra)

Trên con đường từ nhà đến trường, tôi phải đi qua bờ Hồ Gươm. Lúc có bạn thì chuyện trò tíu tít, có khi đuổi nhau suốt dọc đường.khi đi một mình, tôi thích ôm cặp vào ngực, nhìn lên các vòm cây, vừa đi vừa lẩm nhẩm ôn bài.

....., tôi thường là đứa phát hiện ra bông hoa gạo đầu tiên nở trên cây gạo trước đền Ngọc Sơnbông nọ gọi bông kia, bông nọ ganh bông kia, chỉ vài hôm sau, cây gạo đã như một cây đuốc bốc cháy rừng rực giữa trời.

.....khi lửa ở cây gạo sắp lụi thì nó lại bén sang những cây vông cạnh cầu Thê Húc. Rồi thì cả một bãi vông bùng lên, đỏ gay, đỏ gắt suốt cả tháng tư.

(Theo Vân Long)

III. CẢM THU VĂN HỌC

Hãy viết một đoạn văn nói về sự gắn bó của tác giả với chiếc bánh khúc quê hương.

IV. TẬP LÂM VĂN

1. Hãy tả một loài hoa mà em thích bằng một vài câu sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hóa.

2. Hãy chọn và viết một trong những đoạn văn tả cây cối với những câu thơ mở đầu sau:

a) Hè về! Hè về rồi! Hoa phượng nở đỏ rực.

b) Tán lá bàng xum xuê

c) Vị của sầu thật lạ

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – b; 2. – c; 3. – a; 4. – b; 5. – b.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. – b; 2. – b; 3. – b.

4. Vì từ *khúc* ở câu sau lặp lại từ *khúc* ở câu trước để liên kết, thay nó bằng từ *cỏ* sẽ mất sự liên kết này.

5. – b.

7. Xem phần tóm tắt lí thuyết.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Tham khảo: Bánh khúc là đặc sản của quê hương tác giả. Hương vị của nó thơm ngậy. Bánh được làm từ gạo nếp trộn lẫn với lá cây rau khúc, nhân bánh là một viên đậu xanh giã nhỏ vườn ương, xem một thỏi mỡ nhỏ pha hạt tiêu. Người ta đưa bánh vào chảo, hấp lên... rồi đưa bánh ra, hơi nóng bốc nghi ngút. Để tận hưởng hết hương vị từ cây rau khúc bạn phải vừa ăn vừa thổi. Quả là hấp dẫn. Nhưng chỗ bánh khúc gắn bó với tác giả không chỉ có thế. Giờ đây tác giả cảm thấy như vẫn còn mới nguyên cái cảm giác hạnh phúc, sung sướng tốt cùng khi được mẹ phần cho đĩa bánh khúc khi ngủ dậy. Một thứ bánh ngon như thể gắn bó với những kỉ niệm quê hương và những người thân của tác giả, giờ đây chỉ còn lại như một nỗi hoài niệm.

(Theo Trần Thị Thu Thủy)

VI. TẬP LÀM VĂN

1. Thân của cây hoa hồng màu xanh, chỉ to hơn ngón tay một chút, mảnh mai nhưng dẻo dai và khỏe khoắn. Thân cây có **nhều gai nhọn như một bộ giáp che chở cho nàng hồng đồng đẳng**. Những chiếc lá già xanh bóng và có những răng cưa ở viền lá nhỏ xinh như những đồng xu. Sau bao ngày tháng mong đợi, từ những chùm lá non hồng dịu đã bật ra những cái nụ đầu tiên, dần dần những cái nụ ấy nở thành những bông hoa rực rỡ. Hương hoa thơm ngát mời gọi **những chú ong mật chăm chỉ về rù rì trong cành lá**.

Họ và tên:

Lớp: 5.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 28– MÔN TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

Họ và tên:.....Lớp.....

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

2. Luyện từ và câu

a. Ôn lại kiến thức về câu đơn, câu ghép

1. Câu đơn:

Xét về cấu tạo chỉ gồm một nòng cốt câu (bao gồm 2 bộ phận chính là CN và VN).

Câu đơn có thể chia thành 3 loại: câu đơn bình thường, câu đơn đặc biệt và câu rút gọn.

- Câu đơn bình thường là câu đơn có đủ 2 bộ phận chính làm nòng cốt câu.

- Câu đơn rút gọn là câu đơn không có đầy đủ cả 2 bộ phận chính làm nòng cốt câu (một bộ phận, đôi khi cả 2 bộ phận của câu đã bị lược bỏ trong khi đối thoại. Song khi cần thiết, ta có thể hoàn thiện lại các bộ phận đã bị lược bỏ).

Ví dụ:

+ Lan ơi, bao giờ lớp ta lao động?

+ Sáng mai. (Nòng cốt câu đã bị lược bỏ. Hoàn thiện lại: Sáng mai, lớp ta lao động)

- Câu đơn đặc biệt là câu chỉ có một bộ phận làm nòng cốt, không xác định được đó là bộ phận gì. Khác với câu rút gọn, người ta không thể xác định được bộ phận làm nòng cốt của câu đặc biệt là CN hay VN. Câu đặc biệt dùng để biểu lộ cảm xúc hoặc nêu nhận xét về một sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

+ Tâm! Tâm ơi! (kêu, gọi)

+ Ôi! Vui quá! (biểu lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ)

2. Câu ghép:

Là câu do nhiều vế ghép lại. Mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn (có đủ CN, VN \) và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác.

Có 2 cách nối các vế câu trong câu ghép:

- Cách 1: Nối bằng các từ có tác dụng nối.

- Cách 2: Nối trực tiếp (không dùng từ nối). Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

. Nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ

2. 1. Trong mối quan hệ điều kiện – kết quả, giả thiết – kết quả

Để thể hiện quan hệ điều kiện – kết quả; giả thiết – kết quả giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một quan hệ từ: nếu, hễ, giá, thì,...

- Hoặc một cặp quan hệ từ: nếu... thì...; nếu như ... thì...; hễ... thì...; hễ mà... thì...; giá... thì...



VD:

- Em sẽ được bố đưa đi chơi nếu năm học này em đạt học sinh giỏi.
- Hễ Lan cất giọng thì cả hội trường đều im lặng và trật tự lắng nghe.

2.2. Trong mỗi quan hệ tương phản

Để thể hiện mỗi quan hệ tương phản giữa hai vế câu ghép, ta có thể nói chúng bằng:

- Một quan hệ từ: tuy, dù, mặc dù, nhưng..
- Hoặc một cặp quan hệ từ: tuy... nhưng...; mặc dù... nhưng...; dù... nhưng...

VD:

- Mặc dù không phục nhưng anh ấy vẫn cúi đầu nhận lỗi.
- Tuy nhà xa nhưng Lan chưa bao giờ đi học muộn.

2.3. Trong quan hệ tăng tiến

Để thể hiện quan hệ tăng tiến giữa các vế câu ghép, ta có thể nói chúng bằng một trong các cặp quan hệ từ: không những... mà...; chẳng những... mà...; không chỉ... mà...

VD:

- Hoa không những chăm học mà cô bé còn rất chăm làm việc nhà.
- Trung chẳng những đánh nhau mà anh ta còn hút thuốc và uống rượu bia

3. Nối các vế câu ghép bằng cặp từ hô ứng

Để thể hiện quan hệ về nghĩa giữa các vế câu, ngoài quan hệ từ, ta còn có thể nối các vế câu ghép bằng một số cặp từ hô ứng như:

- vừa...đã...; chưa...đã...; mới...đã...; vừa...vừa...; càng...càng...
- đâu...đấy; nào...ấy; sao...vậy; bao nhiêu...bấy nhiêu

VD:

- Cô giáo vừa ra ngoài lớp đã ồn ào như cái chợ
- Mưa càng lớn bao nhiêu lòng mẹ Lan càng lo lắng bấy nhiêu

b. Các cách kết các câu trong bài

	Cách liên kết	Lưu ý
Liên kết các câu trong bài bằng cách lặp từ ngữ	Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng cách dùng bằng cách lặp lại trong câu ấy những từ ngữ đã xuất hiện ở câu đứng trước nó. Ví dụ: <i>Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt xoè hoa.</i>	Khi sử dụng phép lặp cần lưu ý phối hợp với các phép liên kết khác để tránh lặp lại từ ngữ quá nhiều, gây ấn tượng nặng nề.

Liên kết các câu trong bài bằng phép thay thế từ ngữ	Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng cách dùng đại từ hoặc những từ ngữ đồng nghĩa thay thế cho các từ ngữ đã dùng ở câu đứng trước . Ví dụ: <i>Người đặt hộp thư lần nào cũng tạo cho anh sự bất ngờ. Bao giờ hộp thư cũng được đặt tại một nơi dễ tìm mà lại ít bị chú ý nhất. Nhiều lúc, người liên lạc còn gửi gắm vào đây một chút tình cảm của mình, thường bằng những vật gọi ra hình chữ V mà chỉ anh mới nhận thấy.</i>	Việc sử dụng đại từ hoặc từ đồng nghĩa liên kết câu làm cho cách diễn đạt thêm đa dạng , hấp dẫn.
Liên kết các câu trong bài bằng phép nối	- Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng quan hệ từ hoặc một số từ ngữ có tác dụng kết nối như: nhưng, tuy nhiên, thậm chí, cuối cùng, ngoài ra, mặt khác, trái lại, đồng thời,... Ví dụ: <i>Miêu tả một em bé hoặc một chú mèo, một cái cây, một dòng sông mà ai cũng miêu tả giống nhau thì không ai thích đọc. Vì vậy ngay trong quan sát để miêu tả, người viết phải tìm ra cái mới, cái riêng.</i>	Việc sử dụng quan hệ từ hoặc những từ ngữ có tác dụng kết nối giúp ta nắm được mối quan hệ về nội dung giữa các câu trong đoạn văn, bài văn.

c. Từ đồng nghĩa

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

+ Phân loại: 2 loại

1. Từ đồng nghĩa hoàn toàn:

Là những từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau, có thể thay thế cho nhau trong lời nói.

Ví dụ: xe lửa với tàu hỏa, con lợn với con heo,...

2. Từ đồng nghĩa không hoàn toàn

Là những từ tuy cùng nghĩa với nhau nhưng vẫn khác nhau phần nào đó về thái độ, tình cảm hoặc cách thức hành động

Ví dụ: chết, hi sinh, toi mạng, ra đi,...

3. Tập làm văn

a. Cách làm bài văn tả người lớp 5

1. Mở bài

Giới thiệu người được tả, chú ý đến mối quan hệ của người viết với nhân vật được tả, tên, giới tính và ấn tượng chung về người đó.

2. Thân bài

+ Miêu tả khái quát hình dáng, tuổi tác.

+ Tả chi tiết: các nét trên gương mặt, bàn tay, dáng đi, cử chỉ, hành động, lời nói, tính cách,... (chú ý tả người trong công việc cần quan sát tinh tế vào các động tác của từng bộ phận: đôi tay, cơ thể, khuôn mặt thay đổi, trạng thái cảm xúc, ánh mắt...).

+ Thông qua tả để khơi gợi tính cách nhân vật: giúp người đọc có thể cảm nhận được tính cách của đối tượng và thái độ của người miêu tả đối với đối tượng đó.

3. Kết bài

Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được miêu tả.

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC HIỂU

HOA ĐỎ

Đất nước ta xanh tươi bốn mùa, có hoa quả quanh năm. Nếu quả là phần ngon nhất thì hoa là phần đẹp nhất của cây.

Chỉ nói riêng màu đỏ cũng có bao nhiêu thứ hoa đẹp.

Đỏ tía là hoa chuối. Đỏ tươi là hoa vông, hoa gạo. Màu đỏ của hoa hồng nhưng có quanh năm, ai mà chẳng thích. Hoa mặt trời có nhiều loại, loại cánh đơn màu đỏ cờ, cánh sen, loại cánh kép màu hồng và còn có màu đỏ rực như tiết.

Mùa hè hoa mào gà đỏ đến chói mắt. Hoa lựu như những đóm lửa lập lòe về mùa hè. Mùa thu hoa lộc vùng như những tràng pháo đỏ nhỏ treo khá kín đáo trên cành lá nhiều tầng, phải nhìn thấy thắm đỏ dưới dốc ta mới biết trên cành hoa đang nở rộ.

Đương nhiên mùa xuân là mùa hoa đẹp. Thược dược to bằng chiếc đĩa. Thu hải đường như những chùm hoa mọng, nhìn mà muốn ăn. Hải đường lại như những ngọn lửa nhen lóe lên từ nách lá. Cây thu hải đường trồng trong chậu. Còn cây hải đường lại to như cây bưởi. Màu đỏ của hoa đỗ quyên làm ta tưởng như cây không biết mọc lá, cây không có lá bao giờ.

Tết đến hoa đào nở thắm. Nó cũng là mùa xuân đấy.

Sau Tết những cây gạo, rồi sau đó là cây vông, sau nữa nhiều ngày mới đến lượt hoa xoan tây thi nhau nở đỏ, xem ai rực rỡ hơn. Cả cây gạo và cây vông khi ra hoa đều không có lá, trông xa tưởng như cảnh đào ngày Tết đã vụt lớn lên, trở

thành khổng lồ để kéo dài mùa xuân ra. Hoa gạo, hoa vông cứ mọc sáng chói ở đầu làng ven núi hoặc ngay cả trong những thị xã, thành phố.

Ai mà chẳng yêu hoa. Còn nhiều thứ hoa màu đỏ nữa, với nhiều sắc thái đậm nhạt khác nhau, có thứ có hương, có thứ không thơm, nhưng đều làm đất nước và cuộc sống của chúng ta thêm tươi đẹp, thêm đáng yêu, đáng quý.

(Theo *Băng Sơn*)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Trong đoạn: “Đỏ tía là... màu đỏ rực như tiết.”, tác giả đã dùng những từ ngữ chỉ màu đỏ nào để tả các loài hoa?

- a. đỏ tía, đỏ tươi, đỏ cờ, đỏ rực.
- b. đỏ thắm, đỏ ôi, đỏ hồng.
- c. đỏ ong, đỏ chót, đỏ mọng.

2. Đoạn văn tả hoa mùa hè được sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- a. So sánh.
- b. Nhân hóa.
- c. Cả so sánh và nhân hóa.

3. Hoa nào nở vào mùa thu?

- a. Hoa thược dược b. Hoa lựu c. Hoa lộc vừng

4. Hoa nào gợi cho ta cảm giác ngon lành?

- a. Hoa lộc vừng b. Hoa thu hải đường c. Hoa hải đường

5. Cây gạo và cây vông được so sánh như cái gì?

- a. Những chiếc đèn lồng
- b. Cây đào ngày Tết
- c. Ngọn lửa hồng tươi

6. Bài văn trên giới thiệu về điều gì?

- a. Những loài hoa nở vào mùa xuân
- b. Các loài hoa màu đỏ trên đất nước ta
- c. Vẻ đẹp của cây trái nước ta

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Từ nào sau đây không đồng nghĩa với từ *đương nhiên*.

- a. tất nhiên b. mặc nhiên c. ngẫu nhiên

2. Các từ *xanh tươi, hoa quả, đậm nhạt, tươi đẹp* thuộc kiểu cấu tạo gì?

- a. Từ ghép có nghĩa tổng hợp
- b. Từ ghép có nghĩa phân loại
- c. Từ láy

3. Trong câu “Còn nhiều thứ hoa màu đỏ nữa, với nhiều sắc thái đậm nhạt khác nhau, có thứ có hương, có thứ không thơm, nhưng đều làm đất nước và cuộc sống của chúng ta thêm tươi đẹp, thêm đáng yêu, đáng quý.” có những quan hệ từ nào?

- a. còn, với, có, nhưng
- b. còn, với, nhưng, và, thêm
- c. còn, với, nhưng, và

4. Câu sau đây thuộc kiểu câu gì?

Màu đỏ của hoa đỗ quyên làm ta tưởng như cây không biết mọc lá, cây không có lá bao giờ.

- a. Câu kể Ai là gì?
 - b. Câu kể Ai làm gì?
 - c. Câu kể Ai thế nào?
5. Chủ ngữ trong câu “Màu đỏ của hoa đỗ quyên làm ta tưởng như cây không biết mọc lá, cây không có lá bao giờ” là gì?
- a. Màu đỏ
 - b. Màu đỏ của hoa đỗ quyên
 - c. Hoa đỗ quyên
6. Dấu phẩy trong câu sau có tác dụng gì?
Màu đỏ của hoa hồng nhưng có quanh năm, ai mà chẳng thích.
- a. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.
 - b. Ngăn cách các vị ngữ trong câu.
 - c. Ngăn cách các trạng từ trong câu.
7. Có thể thay thế dấu phẩy thứ nhất trong câu sau bằng dấu câu nào?
Hoa mặt trời có nhiều loại, loại cánh đơn màu đỏ cò, cánh sen, loại cánh kép màu hồng và còn có màu đỏ rực như tiết.
- a. Dấu chấm
 - b. Dấu chấm phẩy
 - c. Dấu hai chấm
8. Câu nào sau đây là câu ghép?
- a. *Đất nước ta xanh tươi bốn mùa, có hoa quả quanh năm.*
 - b. *Nếu quả là phần ngon nhất thì hoa là phần đẹp nhất của cây.*
 - c. *Chỉ nói riêng màu đỏ thì cũng có bao nhiêu thứ hoa đẹp.*
9. Hai câu sau liên kết với nhau bằng cách nào?
Tết đến hao đào nở thắm. Nó cũng là mùa xuân đấy.
- a. Lặp các từ ngữ
 - b. Dùng từ ngữ nối
 - c. Thay thế từ ngữ

10. Đọc các bài tập đọc tuần 19, 20, 21 rồi thực hiện các yêu cầu sau:

a) Tìm các từ ngữ thuộc chủ đề công dân có trong các bài tập đọc đó.

b) Tìm ví dụ điền vào chỗ trống sau:

Câu đơn:

Câu ghép không dùng từ nối:

Câu ghép dùng từ nối bằng quan hệ từ:

Câu ghép dùng cặp từ hô ứng:

10. Đọc các bài tập đọc tuần 22, 23, 24 rồi nêu những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam được thể hiện qua các bài tập đọc đó.

11. Đọc các bài tập đọc tuần 25, 26, 27 rồi kể những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua các bài tập đọc đó.

12. Chọn những từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để liên kết các câu trong những đoạn văn dưới đây.

(nhưng, chúng, tất cả, nắng, chị, Sứ)

a) Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau,rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa tím. Lúc về, tay đứa nào cũng đầy một nắm hoa.

(Theo Trần Nhật Thu)

b) Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. Nắng đã chiếu sáng lòa cửa biển. Xóm lưới cũng ngập trongđó. Sứ nhìn những làn khói bay lên từ các mái nhà chen chúc của bà con làng biển.còn thấy rõ những vạt lưới đan bằng sợi ni lông óng ánh phát phơ bên cạnh những vạt lưới đen ngăm trụi trụi.sớm đắm chiếu người sứ. Ánh nắng chiếu vào đôi mắt....., tắm mượt mái tóc, phủ đầy đôi bờ vai tròn trịa của

10. Hai câu văn sau liên kết với nhau bằng cách nào?

“Chúng cứ hát mãi, hát mãi cho đến lúc những ngọn khói tan biến vào không gian mênh mông. Không gian như một cái chuông lớn vô cùng treo suốt mùa thu, âm vang mãi tiếng ca của bọn trẻ con và tiếng cựa mình của cây cối, đất đai.”

a) Bằng cách thay thế từ ngữ. Đó là từthay thế cho từ.....

b) Bằng cách lặp từ. Đó là từ.....

c) Bằng cả hai cách thay thế và lặp từ.....

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Ở hai đoạn văn tả mùa hè và mùa xuân, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Biện pháp nghệ thuật đó giúp em cảm nhận được những gì về vẻ đẹp của các loài hoa.

IV. TẬP LÀM VĂN

1. Dựa vào đoạn văn “Đỏ tía là hoa chuối. Đỏ tươi là hoa hồng, hoa gạo. Màu đỏ của hoa hồng nhưng có quanh năm, ai mà chẳng thích. Hoa mặt trời có nhiều loại, loại cánh đơn màu đỏ cò, cánh sen, loại cánh kép màu hồng và còn có màu đỏ rực như tiết.”, hãy viết một trong hai đoạn văn miêu tả màu vàng khác nhau của các loài hoa hoặc màu xanh khác nhau của các loài rau.

Gợi ý: *Vàng... là... Vàng... là... Màu vàng của*

Xanh... là... Xanh... là... Màu xanh của

2. Em hãy viết đoạn văn tả một loài hoa được nhắc đến trong bài.

[illegible]

3. Em hãy tả người bạn thân của em ở trường.

[illegible]

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. - a; 2. - a; 3. - c; 4. - b; 5. - b; 6. - b.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. - c; 2. - a; 3. - c; 4. - c; 5. - b; 6. - a; 7. - c; 8. - b; 9. - c.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Bằng những biện pháp nghệ thuật như so sánh, liên tưởng, tác giả đã dẫn dắt người đọc vào một rừng hoa nhiều sắc đỏ. Mào gà đỏ chói mắt, hoa lựu như đóm lửa lập lòe, lộc vùng như những tràng pháo đỏ, hải đường như ngọn lửa nhen. Với sự so sánh liên tưởng, các loài hoa với các sắc đỏ khác nhau hiện lên thật sinh động, đẹp đẽ

(Đinh Thị Huyền)

IV. TẬP LÀM VĂN

1. *Tham khảo:* Màu vàng là màu của các loại hoa đẹp. Vàng tươi là hoa cúc, vàng rực là hoa dã quỳ. Cái thứ vàng mềm mượt, mịn như nhung là màu vàng của hồng kiêu sa. Xu xi vàng thắm như những đồng tiền vắn nhỏ rập rờn trước gió. Xuân đến, những cánh mai vàng rực rỡ như đem hơi thở của mùa xuân đến cho lòng người thêm náo nức. Hè về, những cánh bướm vàng xinh, mỏng tang, nhẹ nhàng, rung rinh trong nắng. Những chùm điệp vàng óng đua nhau khoe sắc dưới ánh nắng vàng như mật ong rót của mùa hè.

(Nguyễn Thanh Thùy)

2. *Tham khảo 1:* Thu đến, bầu trời tự nhiên cao bỗng lên và xanh trong – một màu xanh trũng sáo ngọt ngào, êm dịu. Dòng sông như một tấm gương trắng thủy ngân xanh, soi rõ trời cao với những cánh cò trắng muốt hai bên bờ sông. Những bãi mía bạt ngàn cao lút đầu người. Lá mía sắc như lưỡi gươm, xanh đậm. Trong hồ rộng, những tàu lá sen to như cái sàng màu xanh sẫm, đã quần mép đang khô dần. Họa hoằn lắm mới có vài lá xanh non, nhỏ nhoi xòe trên mặt nước. Trên cánh đồng, lúa tốt mượt, xanh ngợp đang ngậm dòng, gọi cho mọi người nghĩ đến những chén cơm xanh dẻo quẹo, thơm lừng.

Tham khảo 2: Xuân sang, cha mua về trưng trong nhà một cây bích đào tuyệt đẹp. Gốc đào to xù xì, đùn ra những u, những cục thâm sì. Thân đào uốn lượn, gân guốc tựa như dáng một con rồng trong thế vươn lên. Trên những cành đào mốc thêch, đâm ra bao nhiêu là lộc non xanh nõn. Chao ôi! Những bông hoa đào mới đẹp làm sao! Một thứ màu hồng thắm xao xuyến. Những cánh đào bé xíu, mỏng, xếp nếp lên nhau như muốn nâng đỡ nhụy hoa bé xíu, yếu ớt, màu vàng sẫm. Vô số những nụ đào chum chim như còn ngượng ngùng trước chúa xuân, chưa dám phô ra sắc thắm của mình. Một vài quả xanh bé xíu với những lớp lông tơ như phấn rắc bên ngoài. Cây đào làm sáng bừng cả căn nhà tôi đầu xuân.

3. *Tham khảo:*

Nếu ai hỏi tôi rằng người bạn thân nhất của bạn là ai? Tôi sẽ không ngần ngại mà trả lời rằng đó chính là Lan - Cô bạn lớp trưởng lớp tôi.

Lan năm nay 11 tuổi, bằng tuổi tôi. Bạn có dáng người cân đối, khỏe mạnh cùng với cách ăn mặc trang nhã, gọn gàng cộng với tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát nên trông bạn thật xứng đáng là con chim đầu đàn của lớp.

Lan thật xinh đẹp, luôn nổi bật trong đám bạn gái lớp tôi bởi bạn có khuôn mặt trái xoan, nước da trắng hồng cùng với mái tóc dài đen nhánh. Đôi mắt tròn, đen lộ rõ vẻ thông minh. Cái mũi dọc dừa xinh xắn càng làm cho khuôn mặt của bạn thêm thanh tú. Mỗi lúc vui đùa hay nói chuyện Lan luôn nở ra nụ cười rất tươi, để lộ hai hàm răng trắng đều như hạt bắp. Ai gặp Lan cũng phải trầm trồ khen ngợi vì vẻ đẹp dịu dàng, ít ai có được.

Còn tính tình của Lan thì khỏi phải nói. Tuy bằng tuổi tôi nhưng bạn chính chắn hơn tôi rất nhiều. Lan sống chan hòa, cởi mở với bạn bè. Về học tập Lan luôn đứng đầu lớp, không những thế bạn còn luôn đi đầu trong các hoạt động của lớp cũng như của trường. Con người bạn thật mẫu mực. Vừa xinh đẹp lại giỏi giang nhưng bạn không hề kiêu căng mà sống hết mình về tập thể. Ở lớp, có việc gì khúc mắc, bạn bình tĩnh khéo léo giải quyết. Đối với những bạn học yếu bạn tận tâm giúp đỡ, chỉ bảo đến nơi, đến chốn. Nhờ có bạn mà lớp tôi luôn luôn đi đầu trong các hoạt động của liên đội. Vì thế trong trường thầy cô nào cũng yêu quý Lan.

Ở lớp Lan như vậy đấy còn về nhà Lan lại càng tuyệt vời hơn. Ngoài giờ học, Lan còn rất chăm chỉ làm việc nhà. Đối với ông bà cha mẹ Lan còn là một đứa cháu hiếu thảo, một người con ngoan ngoãn. Đối với mọi người xung quanh Lan luôn kính trọng, lễ phép. Vì thế mọi người đã đặt cho Lan một cái tên thật thân mật: "Cô Tấm chăm làm". Tình bạn giữa tôi và Lan ngày càng thân thiết. Tôi và Lan cùng vui chơi, truy bài, học nhóm. Nhiều lần tôi chưa hiểu bài Lan đến tận nhà giảng bài cho tôi. Tôi thật ngưỡng mộ bạn. Không chỉ với tôi mà tất cả các bạn trong lớp, trong trường đều ngưỡng mộ bạn.

Chơi với Lan tôi thấy rất thỏa mái. Tôi thật tự hào khi có một người bạn như vậy. Tôi mong ước sẽ được học cùng bạn để học tập những phẩm chất tốt của Lan.

10 ĐỀ GIỮA HỌC KÌ II- LỚP 5

ĐỀ 1

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. *Kiểm tra đọc thành tiếng:* (3điểm)

2. *Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt:* (7điểm)

Đọc bài văn sau:

TRIỀN ĐÊ TUỔI THƠ

Tuổi thơ tôi với con đê sông Hồng gắn liền như hình với bóng, tựa hai người bạn thân thiết suốt ngày quấn quýt bên nhau. Từ lúc chập chững biết đi, mẹ đã dắt tôi men theo bờ có chân đê. Con đê thân thuộc đã nâng bước, dìu dắt và tôi luyện cho những bước chân của tôi ngày một chắc chắn để tự tin lớn lên, tự tin bước vào đời.

Chẳng riêng gì tôi, mà hầu hết những đứa nhỏ sinh ra ở trong làng đều coi con đê là bạn. Chúng cũng nô đùa, chơi trò đuổi bắt, chơi ô ăn quan trên đê mỗi khi bố mẹ vắng nhà ra đồng, ra bãi làm việc. Tuổi học trò, cứ sáng cắp sách đến trường, chiều về lại lùa tất cả trâu, bò lên đê cho chúng gặm cỏ và tha hồ vui chơi đợi khi hoàng hôn xuống trở về làng. Những đêm trăng thanh gió mát lên đê trải chiếu nằm

đếm sao trời mới tuyệt và thú làm sao. Tôi nhớ nhất là những đêm Trung thu, người lớn trong làng tổ chức bày cỗ cho thiếu nhi trên mặt đê rất vui và không khí của lễ hội trẻ em kéo dài tưởng như bất tận...

Năm tháng qua đi, những lối mòn chạy xéo ngoằn ngoèo từ chân lên tới mặt đê đã in dấu biết bao bàn chân của các thế hệ sớm hôm đi về. Đời người ai cũng có nhiều đổi thay qua thời gian, song con đê vẫn gần như nguyên vẹn, vẫn sừng sững chở che bao bọc lấy dân làng tôi cũng như cả một vùng rộng lớn. Những trận lũ lớn do ngẫu phù sa hung dữ, con đê lại gồng mình lên để không chỉ bảo vệ cho tính mạng con người, gia súc mà còn bảo vệ cả mùa màng...

Theo NGUYỄN HOÀNG ĐẠI

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: (0,5 đ) Hình ảnh nào ở làng quê gắn bó thân thiết với tác giả như hình với bóng?

- A. Con đê B. Đêm trăng thanh gió mát C. Tết Trung thu.

Câu 2(0,5 đ): Tại sao tác giả coi con đê là bạn?

- A. Vì trên con đê này, trẻ em trong làng nô đùa, đuổi bắt, chơi ô ăn quan, chăn trâu, nằm đếm sao trời, bày cỗ Trung thu.
B. Vì con đê đã ngăn nước lũ cho dân làng.
C. Vì ai vào làng cũng phải đi qua con đê.

Câu 3(0,5 đ): Tại sao tác giả cho rằng con đê “che chở, bao bọc lấy dân làng tôi cũng như cả một vùng rộng lớn”?

- A. Vì con đê đã nâng bước, dìu dắt, tôi luyện cho những bước chân của tác giả ngày một chắc chắn để tự tin lớn lên, tự tin bước vào đời.
B. Vì những đêm tết Trung thu, người lớn trong làng tổ chức bày cỗ cho thiếu nhi trên mặt đê rất vui.

C. Vì trong những trận lũ lớn do ngẫu phù sa hung dữ, con dê đã bảo vệ tính mạng con người, gia súc, mùa màng

Câu 4(0,5 đ): Nội dung bài văn này là gì?

A. Kể về sự đổi mới của quê hương.

B. Tả con dê và kể về những kỉ niệm gắn bó với con dê, gắn bó với quê hương.

C. Kể về kỉ niệm của những ngày đến trường.

Câu 5(0,5 đ): Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong câu: *“Những trận lũ lớn do ngẫu phù sa hung dữ, con dê lại gồng mình lên để không chỉ bảo vệ cho tính mạng con người, gia súc mà còn bảo vệ cả mùa màng...”*?

A. So sánh

B. Nhân hoá

C. So sánh và nhân hoá

Câu 6(0,5 đ) : Từ “chúng” trong câu “Chúng cũng nô đùa, chơi trò đuổi bắt, chơi ô ăn quan trên dê mỗi khi bố mẹ vắng nhà ra đồng, ra bãi làm việc.” chỉ những ai?

A. Trẻ em trong làng

B. Tác giả

C. Trẻ em trong làng và tác giả

Câu 7(0,5 đ) : Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ “tuổi thơ”?

A. Trẻ em

B. Thời thơ ấu

C. Trẻ con.

Câu 8 (0,5 đ): Từ “gồng ” thuộc từ loại nào (danh từ, động từ hay tính từ)?

Câu 9(1 đ) : Xác định các thành phần trạng ngữ, chủ ngữ trong câu sau:

a) Trên dê, trẻ em trong làng nô đùa, chơi trò đuổi bắt, chơi ô ăn quan.

b) Con bìm bịp, bằng cái giọng trầm và ấm báo hiệu mùa xuân đã tới.

Câu 10 (0,5 đ): Các câu trong đoạn văn sau được liên kết với nhau bằng cách nào?

“Có một người đánh mất dấu phẩy. Anh ta trở nên sợ những câu phức tạp và chỉ tìm những câu đơn giản. Đằng sau những câu đơn giản là những ý nghĩ đơn giản.”

A. Lặp từ ngữ

B. Thay thế từ ngữ

C. Từ nối

Câu 11(0,5 đ): Câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép?

A. Mấy con chim chào mào từ gốc cây nào đó bay ra hót râm ran.

B. Mưa rào rào trên sân gạch, mưa đồm độp trên phen nứa.

C. Những tia nắng mặt trời nhảy nhót trên cành cây, ngọn cỏ

Câu 12 (1 đ): Viết một câu ghép có sử dụng cặp quan hệ từ “Vì – nên”?

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): Bài viết: (2 điểm) Triền đề tuổi thơ

(Viết đoạn: Từ đầu đến *tự tin bước vào đời.*)

ĐỀ 2

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Ở mục này, các em có thể đọc một đoạn trích trong bài Tập đọc đã học trong SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai và trả lời câu hỏi (TLCH), ví dụ:

(1) **Thái sư Trần Thủ Độ** (từ đầu đến ông mới tha cho.)

* TLCH: Khi có người muốn xin chức câu đương, Trần Thủ Độ đã làm gì?

(2) **Phong cảnh đền Hùng** (từ *Lăng của các vua Hùng...* đến *đồng bằng xanh mát.*)

* TLCH: Tìm những từ ngữ miêu tả cảnh đẹp thiên nhiên nơi đền Hùng.

(3) **Tranh làng Hồ** (từ *Kỹ thuật tranh làng Hồ...* đến *dáng người trong tranh.*)

* TLCH: kỹ thuật tạo màu của tranh làng Hồ có gì đặc biệt?

(4) **Con gái** (từ *Chiều nay...* đến *cũng không bằng.*)

* TLCH: Chi tiết nào cho thấy những người thân của Mơ đã thay đổi quan niệm về “con gái” sau chuyện Mơ cứu em Hoan?

(5) **Sang năm con lên bảy** (hai khổ thơ cuối – *Mai rồi... bàn tay con.*)

* TLCH: Thế giới tuổi thơ thay đổi như thế nào khi ta lớn lên?

Các em cũng có thể đọc một đoạn trích thích hợp ở ngoài SGK hoặc một đoạn trong bài đọc được đưa ra sau đây và trả lời câu hỏi.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Đọc bài văn sau:

TRÁI TIM MANG NHIỀU THƯƠNG TÍCH

Một buổi chiều trong công viên, có một chàng trai đang chăm chú vẽ một trái tim. Trên khung giấy trắng dần dần hiện ra một trái tim thật hoàn hảo khiến mọi người đứng xem đều trầm trồ khen ngợi.

Bỗng một ông lão đi đến. Ông trầm tư ngắm nghía bức tranh của chàng trai một hồi lâu, rồi lặng lẽ mượn bút vẽ một hình thọt nhìn rất lạ, nhìn thật kỹ thì đó là hình một trái tim.

Chàng trai ngạc nhiên nhìn trái tim ông lão vừa vẽ và thắc mắc bởi nó bị chắp vá chẳng chít, nhưng rõ ràng vẫn là một trái tim. Trên trái tim ấy, có chỗ như bị khuyết lõm, có chỗ như bị cắt đi và được ghép nối bởi những mảnh khác nhau.

Ông cụ mỉm cười rồi nói:

- Đúng! Trái tim của tôi có thể không hoàn hảo bởi đó là trái tim đã có thời gian sống và trải nghiệm nhiều hơn trái tim của cậu. Cậu biết không, khi tôi trao một mảnh tim của tôi cho một người thân, cha mẹ, anh chị, bạn bè và cả những người tình cờ mà tôi gặp được thì họ cũng trao cho tôi một mảnh tim của họ để đắp vào chỗ trống ấy.

Ông lão nói tiếp:

- Còn những vết lõm này là phần trái tim tôi trao đi mà chưa được nhận lại. Cậu biết đấy, tình yêu trao đi mà chẳng cần sự đền đáp. Dù những khoảng trống

này nhiều lúc làm tôi đau đớn, nhưng cũng chính nhờ chúng mà tôi có động lực để khao khát được sống và có niềm tin vào một ngày mai tốt đẹp hơn.

Đám đông im lặng, còn chàng thanh trai không giấu được nỗi xúc động của mình.

Theo HẠT GIỐNG TÂM HỒN.

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Vì sao chàng trai ngạc nhiên trước bức tranh trái tim ông lão vẽ?

- a) Vì trái tim ông lão vẽ rất đẹp.
- b) Vì trái tim ông lão vẽ có nhiều vết vá chằng chịt và những vết lõm.
- c) Vì trái tim ông lão vẽ khiến nhiều người xúc động.

2. Những mảnh chấp vá trên trái tim ông lão vẽ có ý nghĩa gì?

- a) Đó là tình yêu thương của ông lão trao cho và nhận được từ mọi người.
- b) Đó là những nỗi đau mà ông lão đã trải qua trong cuộc sống.
- b) Đó là những đường nét sáng tạo của ông lão trên bức tranh.

3. Những vết lõm trên trái tim ông lão vẽ có ý nghĩa gì?

- a) Đó là những tổn thương mà ông lão đã chịu đựng trong cuộc sống.
- b) Đó là những khó khăn, chông gai mà ông lão đã phải trải qua.
- c) Đó là những phần trái tim của ông lão trao đi mà chưa được trả lại.

4. Đặt mình vào vai chàng trai, sau khi nghe ông lão giải thích về trái tim mình vẽ, em cảm thấy như thế nào và sẽ làm gì?

5. Gạch dưới từ không cùng loại trong mỗi nhóm từ sau:

- a) Nhóm từ có tiếng **công** có nghĩa là “thuộc về nhà nước, chung cho mọi người”: *công dân, công cộng, công chúng, công viên, tiếng công, công sở.*
- b) Nhóm từ có tiếng **công** có nghĩa là “không thiên vị”: *công bằng, công tâm, công lí, công minh, công an.*
- c) Nhóm từ có tiếng **công** có nghĩa là “đánh”: *công đồn, công đức, công phá, công phạt, tiến công.*

6. Nối từng vế câu ở cột A với vế câu thích hợp ở cột B để tạo thành câu ghép:

A

1. Mặt trời chiếu những tia nắng rực rỡ,
2. Hồ Đà Lạt như một tấm gương phẳng lặng
3. Tôi đang mơ màng tưởng tượng
4. Minh hoàng anh thon thon,

B

a. lòng muọt, màu vàng nghệ.
b. cả cánh đồng lúa càng vàng rực lên.
c. thì tiếng chim hoàng anh chọt vang lên
d. mặt nước trong phản chiếu đồi núi và rừng thông xanh

7. Chuyển câu có từ ngữ bị lặp sau đây thành các câu liên kết với nhau bằng cách thay thế từ ngữ.

Bác Vinh, bác Bình, bác Chính đều là những người họ hàng của Bắc. Bác Vinh, Bác Bình, Bác Chính đều rất yêu quý Bắc. Bắc thường sang nhà bác Vinh, bác Chính, bác Bình chơi.

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): **Bài viết:** (2 điểm) **Triền đề tuổi thơ**
(Viết đoạn: *Từ đầu đến nhìn thật kĩ thì đó là hình một trái tim.*)

2 . Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Em hãy tả người bạn thân của em ở trường.

Bài làm

[illegible]

ĐỀ 3

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. **Kiểm tra đọc thành tiếng:** (3điểm)

2. **Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt:** (7điểm)

PHẦN QUAN TRỌNG NHẤT TRÊN CƠ THỂ

Mẹ tôi đã ra một câu đố: “Đố con biết phần nào là quan trọng nhất trên cơ thể?”.

Ngày nhỏ, tôi đã nói với mẹ rằng âm thanh là quan trọng nhất đối với con người nên tai là bộ phận quan trọng nhất. Mẹ lắc đầu: “Không phải đâu con. Có rất nhiều người trên thế giới này không nghe được đâu. Con tiếp tục suy nghĩ về câu đố đó đi nhé”.

Vài năm sau, tôi đã nói với mẹ rằng hình ảnh là quan trọng nhất. Mẹ lại nhìn tôi âu yếm nói: “Con đã học được nhiều điều rồi đấy, nhưng câu trả lời của con chưa đúng bởi vì vẫn còn nhiều người trên thế gian này chẳng nhìn thấy gì”. Đã bao lần tôi muốn nghe mẹ nói ra đáp án, và vì thế tôi toàn đoán lung tung. Mẹ chỉ trả lời tôi: “Không đúng. Nhưng con đang tiến bộ rất nhanh, con yêu của mẹ”.

Rồi đến khi bà nội yêu quý của tôi qua đời. Lúc liệm bà xong, mẹ đến cạnh tôi thì thầm: “Con đã tìm ra câu trả lời chưa?”. Tôi như bị sốc khi thấy mẹ đem chuyện đó ra hỏi tôi lúc này. Nhìn về sừng sờ trên khuôn mặt tôi, mẹ liền bảo cho tôi đáp án: “Con trai ạ, phần quan trọng nhất trên cơ thể con chính là cái vai”. Tôi hỏi lại: “Có phải vì nó đỡ cái đầu con không hả mẹ?”. Mẹ lắc đầu: “Không phải thế, bởi vì đó là nơi người thân của con có thể dựa vào khi họ khóc. Mỗi người đều cần có một cái vai để nương tựa trong cuộc sống. Mẹ chỉ mong con có nhiều bạn bè và nhận được nhiều tình thương để mỗi khi con khóc lại có cái vai cho con có thể ngả đầu vào.”

Theo HẠT GIỐNG TÂM HỒN

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. **Vì sao cậu bé lại cho rằng đôi tai là phần quan trọng nhất của cơ thể?**

- a) Vì âm thanh quan trọng nhất với con người mà đôi tai giúp ta nghe được âm thanh.
- b) Vì đôi tai giúp ta biết lắng nghe những chia sẻ của người khác.
- c) Vì cậu muốn nói rằng, với con người, âm thanh quan trọng hơn hình ảnh.

2. **Cậu bé muốn nói gì khi cho rằng hình ảnh là quan trọng nhất?**

- a) Cậu muốn nói rằng mắt là bộ phận quan trọng nhất vì nó giúp ta nhìn thấy hình ảnh.
- b) Cậu muốn nói rằng không có hình ảnh thì chúng ta không thể làm việc được.
- c) Cậu muốn nói rằng, với con người, hình ảnh quan trọng hơn âm thanh.

3. **Vì sao người mẹ cho rằng đôi vai là phần quan trọng nhất của cơ thể?**

- a) Vì đôi vai gánh vác những công việc nặng nhọc trong cuộc sống.
- b) Vì đôi vai để người khác dựa vào mỗi lúc họ gặp khó khăn, cần giúp đỡ.
- c) Vì đôi vai dùng để đỡ cái đầu

4. **Cần hiểu hai điều gì từ lời giải thích của người mẹ trong câu chuyện?**

5. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a) Em tự hào vào(*truyền thống, truyện thụ*) lịch sử của cha ông ta.
b) Mẹ em thường theo dõi *Bản tin thời tiết* trên(*truyền thông, truyền hình*).
c) Trong thời kháng chiến, để che mắt địch, các chiến sĩ cách mạng đã có nhiều cách (*truyền tin, truyền tụng*) rất đặc biệt.
d) Tài năng và đức độ của ông vua đó được nhân dân(*truyền bá, truyền tụng*) đến muôn đời.

6. Nối từng vế câu ở cột A với vế câu thích hợp ở cột B:

A

1. Dù ai nói ngả nói nghiêng
2. Dầu công việc gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại
3. Tuy em chưa một lần được đến Trường Sa
4. Tuy cảnh vật không có gì thay đổi

B

a. nhưng tôi thấy thật bồi hồi, xúc động.
b. nhưng trái tim em luôn hướng về quần đảo đó.
c. thì ta vẫn vững như kiềng ba chân.
d. nhưng Tâm luôn tin rằng rồi sẽ có ngày mình thành công.

7. Nếu tác dụng của mỗi dấu phẩy trong câu sau:

Mùa hè đến, trên những tán phượng dọc con phố nhỏ của tôi, ve đua nhau kêu ra rả.

- a) Dấu phẩy thứ nhất dùng để:.....
b) Dấu phẩy thứ hai dùng để:.....

8. Từ trái nghĩa với từ “kiên trì”?

- a. Nhẫn nại b. chán nản c. Dũng cảm d. Hậu đậu

9. Từ “bằng” trong các từ “bằng giá, bằng bó, bằng qua” có quan hệ với nhau như thế nào?

- a. Đó là một từ nhiều nghĩa. c. Đó là những từ trái nghĩa
b. Đó là những từ đồng nghĩa. d. Đó là những từ đồng âm

10. Viết thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép chỉ quan hệ tương phản:

Mặc dù trời mưa to

11. Hai câu văn sau liên kết với nhau bằng cách nào? Nêu tác dụng của cách liên kết đó.

Trên bậc tam cấp, hoa dạ hương chưa đơm bông, hoa nhài trắng mịn, hoa mộc, hoa ngâu kết chùm đang tỏa hương ngào ngạt. Đường như chúng đang cùng nhau khoe hương, khoe sắc.

12. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ "Truyền thống":

A. Lối sống và nếp nghĩ đã hình thành từ lâu và được truyền từ đời này sang đời khác.

B. Phong tục, tập quán của tổ tiên, ông bà trong một gia đình.

C. Cách sống và nếp nghĩ của nhiều địa phương khác nhau.

D. Khi hưởng thành quả, phải nhớ đến người có công gây dựng nên.

13. Nhóm từ nào dưới đây tiếng "truyền" có nghĩa là trao lại cho người khác?

A. Truyền thanh, truyền hình. B. Gia truyền, lan truyền.

C. Truyền nghề, truyền ngôi. D. Cổ truyền, truyền thống

14. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ "An ninh":

A. Yên ổn hẳn, tránh được tai nạn, tránh được thiệt hại.

B. Yên ổn về chính trị và trật tự xã hội. C. Không có chiến tranh và thiên tai.

II - Phần viết:

1. Chính tả: (Nghe – viết): Bài viết: (2 điểm) Triển đề tuổi thơ

(Viết đoạn: Từ đâu đến nhìn thật kĩ thì đó là hình một trái tim.)

[illegible]

2. Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Em hãy tả đồ vật mà em yêu quý nhất.

Bài làm

[illegible]

ĐỀ 4

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. *Kiểm tra đọc thành tiếng: (3điểm)*

2. *Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7điểm)*

Đọc bài văn sau:

GIỌT SƯƠNG

Có một giọt sương nhỏ đậu trên lá mừngơi. Giọt sương đã ngủ ở đó suốt đêm qua. Đến sáng, những tia nắng mặt trời đầu tiên thức dậy, nhảy nhót chung quanh mà nó vẫn nằm im, lấp lánh như một hạt ngọc.

Thực ra, giọt sương không thích mình được ví như hạt ngọc. Nó chỉ là một giọt nước nhỏ xíu hiền lành. Một giọt nước trong vắt, trong đến nỗi khi soi mình vào đó bạn có thể thấy được cả vườn cây, con đường, dòng sông, bầu trời mùa thu xanh biếc với những cụm mây trắng bay lững lờ.

Giọt sương biết mình không tồn tại được lâu. Chỉ lát nữa thôi, khi mặt trời lên cao nó sẽ lặng lẽ tan biến vào không khí.

“Tờ rích, tờ rích”. Một chị Vành Khuyên bay đến, đậu trên hàng rào. Ông mặt trời vẫn chưa lên khỏi ngọn cây. Nhìn thấy Vành Khuyên, giọt sương mừng quá, suýt nữa thì lăn xuống đất. Nó vội cất giọng thì thầm:

- Chị đến thật đúng lúc! Em sinh ra là để dành cho chị đây!

Chị Vành Khuyên nghiêng ngó nhìn, chị đã nghe những lời thì thầm của giọt sương, hiểu được cái khát vọng thầm kín của nó. Chị cúi xuống, hớp từng giọt nước mát lạnh, tinh khiết mà thiên nhiên có nhã ý ban cho loài chim chăm chỉ có giọng hót hay.

Buổi sáng hôm đó, trong bài hát tuyệt vời của chim Vành Khuyên, người ta lại thấy thấp thoáng hình ảnh của vườn cây, con đường, dòng sông, bầu trời mùa thu.

Giọt sương nhỏ không mất. Nó đã vĩnh viễn hoá thân vào giọng hát của Vành Khuyên.

Theo TRẦN ĐỨC TIẾN

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1 (0,25 đ) Bài văn miêu tả cảnh gì?

A. Giọt sương lúc mặt trời lên.

B. Giọt sương.

C. Chim Vành Khuyên hót.

Câu 2 (0,25 đ): Khi miêu tả, tác giả đã quan sát bằng những giác quan nào?

A. Chỉ bằng thị giác (nhìn).

B. Bằng thị giác và thính giác (nghe).

C. Bằng cả thính giác, thị giác và khứu giác (ngửi).

Câu 3 (0,25 đ): Giọt sương vui sướng vì:

A. Vành Khuyên sẽ giúp mình trở thành giọt nước có ích.

B. Nhìn thấy Vành Khuyên.

C. Được nghe tiếng hót của chim Vành Khuyên.

Câu 4 (0,25 đ): Trong lời bài hát của chim Vành Khuyên có:

A. Hình ảnh giọt sương, con đường, dòng sông.

B. Hình ảnh vườn cây, dòng sông, bầu trời mùa thu.

C. Hình ảnh vườn cây, con đường, dòng sông, bầu trời mùa thu.

Câu 5 (0,25 đ): Trong câu “Đến sáng, những tia nắng mặt trời đầu tiên thức dậy, nhảy nhót chung quanh giọt sương.”, bộ phận nào là chủ ngữ?

A. Đến sáng B. Những tia nắng mặt trời

C. Những tia nắng mặt trời đầu tiên.

Câu 6 (0,25 đ): Từ “nó” trong bài văn dùng để chỉ sự vật nào?

A. Chim Vành Khuyên B. Giọt sương C. Ông mặt trời.

Câu 7 (0,25 đ): Những từ in đậm trong dòng nào dưới đây là từ đồng âm?

A. Bông hoa **nhỏ**. - Nước **nhỏ** từng giọt

B. Lan là người **nhỏ** xinh của lớp - Chuyện nhà bác ấy **nhỏ** thôi.

C. Hải đang **nhỏ** thuốc tra mắt - Nước **nhỏ** từng giọt trong ống truyền.

Câu 8 (0,25 đ): Trong bài có những sự vật nào được nhân hoá?

A. Giọt sương, ông mặt trời.

B. Giọt sương, ông mặt trời, Vành Khuyên.

C. Giọt sương, ông mặt trời, Vành Khuyên, con đường.

Câu 9 (0,5 đ): Dòng nào dưới đây có đủ các từ láy ở trong bài:

A. Lấp lánh, lững thững, tồn tại, lặng lẽ, thì thầm, vĩnh viễn.

B. Lấp lánh, lững thững, lặng lẽ, thì thầm, chăm chỉ, vĩnh viễn.

C. lấp lánh, lững thững, lặng lẽ, thì thầm, chăm chỉ, thấp thoáng.

Câu 10 (0,5đ) Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy?

A. Dập dờn, chót vót, xanh xanh, vội vội, sừng sững, cuộn cuộn, ra xa.

B. Dập dờn, chót vót, xanh xanh, vội vội, Sóc Sơn, cuộn cuộn, xa xa.

C. Dập dờn, chót vót, xanh xanh, vội vội, sừng sững, cuộn cuộn, xa xa.

Câu 11 (0,5đ) Dấu phẩy trong câu “*Trong đền, dòng chữ vàng Nam quốc sơn hà uy nghiêm để ở bức hoành phi treo chính giữa*” có tác dụng gì?

A. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.

B. Ngăn cách trạng ngữ với các thành phần chính của câu.

C. Ngăn cách các trạng ngữ trong câu.

Câu 12(1 đ): Xác định bộ phận câu trong câu sau:

a) Đến sáng, những tia nắng mặt trời đầu tiên thức dậy, nhảy nhót chung quanh

mà nó vẫn nằm im, lấp lánh như một hạt ngọc.

b) Chị Vành Khuyên nghiêng ngó nhìn, chị đã nghe những lời thì thầm của giọt

sương, hiểu được cái khát vọng thầm kín của nó.

Câu 13 (0,5 đ): Câu ghép : “*Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi , nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.*” gồm có mấy vế câu?

A. 2 vế câu

B. 3 vế câu

C. 4 vế câu

Câu 14 (1 đ): Chọn cặp từ hô ứng thích hợp để điền vào chỗ chấm để hoàn thành câu ghép.

- a) Tôihọc nhiều, tôithấy mình biết còn quá ít.
- b) Cún con quần Hưng lắm. Cậu ta đi.....nó theo
- c) Kẻ.....giao gió, kẻ.....phải gặt bão.

Câu 15 (1 đ): Các vế câu ghép sau nối với nhau bằng cách nào?

- a) Trường em không chỉ là trường tiên tiến xuất sắc mà trường còn được công nhận là trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

Các vế câu ghép sau nối với nhau bằng :.....

- b) Trong vườn, cây bích đào bắt đầu nở hoa, chị hồng nhung cũng sửa soạn y phục để chào đón năm mới.

Các vế câu ghép sau nối với nhau bằng :.....

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết)

Bài viết: (2 điểm) Giọt sương

(Viết đoạn: Từ đầu đến *mây trắng bay lững thững.*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 . Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Trong những năm học cấp một, có nhiều thầy cô giáo dạy em, để lại những ấn tượng trong em. Em hãy tả lại thầy cô giáo kính mến đó của em.

Bài làm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 5

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. **Kiểm tra đọc thành tiếng:** (3điểm)

2. **Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt:** (7điểm)

AI GIỐNG MẸ

Sung sướng biết bao nếu mình giống mẹ. Có ba cô bé khoe nhau, đổ nhau xem ai giống mẹ nhất.

Cô bé thứ nhất nói:

- mặt mình này, miệng mình này, rồi chân tay, cả tóc mình nữa giống mẹ mình nhất.

- Tóc cũng thế nhưng còn hơn cậu. áo tớ có hoa y như áo mẹ tớ là một. Tớ cũng có vòng đeo tai như mẹ tớ là hai. Mẹ tớ bảo sẽ uốn tóc tớ y như mẹ tớ là ba.

Cô bé thứ ba má bụ, mắt tròn suốt từ nãy đến giờ chỉ nghe hai bạn nói. Em cũng muốn khoe lắm, nhưng chẳng thể nào hơn những điều mà các bạn ấy đã kể. Vì rằng thỉnh thoảng mẹ lại cứ khen em giống bố cơ. Thế là chịu thua hai bạn ấy.

Sau lúc gặp nhau, ba cô bạn ai lại về nhà nấy. Cô thứ nhất nhớ ngay ra là bụng mình đang đói. Cô thứ hai chỉ mong mẹ chồng về để đi uống tóc. Cô thứ ba thấy đôi dép của em bé dưới gầm giường bố. Em bỗng ngán ngừ. Không, dép của em bé mẹ để ở góc nhà cho em cơ. Cô bé liền đặt lại đôi dép y như mẹ vẫn làm. Rồi em nghiêng cổ ra nhìn dây phơi quần áo chưa khô, có cái nào rơi không. Mẹ hay làm thế lắm.

Chợt thấy bóng mình trong gương. Em đưa tay lên vuốt tóc y như mẹ lúc soi gương. Cô bé trong gương ấy đang cười. Mặt gương long lanh như muốn nói:

- Cô bé ơi! Chính cô là cô bé giống mẹ nhất!

Theo **PHONG THU**

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Ba cô bé trong câu chuyện nói với nhau điều gì?

- a) Khoe nhau, đổ nhau xem ai giống mẹ nhất.
- b) Khoe nhau, đổ nhau xem ai giống bố nhất.
- c) Khoe nhau, đổ nhau xem nhà ai đẹp nhất.

2. Hai dòng nào nêu đúng những điều hai cô bé kể ra để nói rằng mình giống mẹ?

- a) Má bụ, mắt tròn, hay chơi với em như mẹ.
- b) Mặt, miệng, chân tay, cả tóc đều giống mẹ.
- c) Có áo hoa, vòng đeo tai, uống tóc y như mẹ.

3. Vì sao cô bé thứ ba không nói gì, đành chịu thua hai bạn.

- a) Vì em tự thấy mình không có tài ăn nói như hai bạn.
- b) Vì em không thể nói gì hơn hai bạn và mẹ em bảo em giống bố.
- c) Vì em thấy giống mẹ hay không cũng không phải là điều quan trọng.

4. Vì sao mặt gương lại nói cô bé thứ ba giống mẹ nhất?

5. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a) Bố em là(*công nhân, công dân*) làm việc trong xí nghiệp may mặc.
- b) Chúng em hướng về quần đảo Trường Sa với ý thức và nghĩa vụ của người(*công dân, công bằng*) yêu nước.
- c) Các ca sĩ cần giữ gìn hình ảnh của mình trước(*công chúng, công dân*).
- d) Em được(*công nhận, công khai*) là cháu ngoan Bác Hồ - Chủ nhân Thăng Long.

6. Điền từ có tác dụng nối hoặc đẩy câu thích hợp vào chỗ trống trong các câu ghép dưới đây:

- a) Gió thổi ào àocây cối nghiêng ngả.....núi cuốn mù mịt.....một trận mưa ập tới.
- b) Tay chân Hùng sẵn chắc.....Hùng rất chăm luyện tập.
- c) Không khí tĩnh mịch.....mọi vật như ngừng chuyển động.
- d) Quê nội Duy ở Hà Nội.....quê ngoại bạn ấy ở Nghệ An.

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): **Bài viết:** (2 điểm) **Ai giống mẹ**
(Viết đoạn: Từ đầu đến *y như mẹ tớ là ba.*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 . Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Tả người mẹ kính yêu của em.

Bài làm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN 5 ĐỀ GIỮA KÌ II

ĐỀ 1

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

- Đọc đúng tiếng, đúng từ: 1,5 điểm.

(Đọc sai từ 2-4 tiếng: 1 điểm; đọc sai quá 5 tiếng: 0,5 điểm.)

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 0,5 điểm.

(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2-3 chỗ: 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng ở 4 chỗ trở lên: 0 điểm.)

- Giọng đọc bước đầu có biểu cảm: 0,5 điểm.

(Giọng đọc chưa thể hiện rõ tính biểu cảm: 0,25 điểm; Giọng đọc không thể hiện tính biểu cảm: 0 điểm.)

- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (không quá: 1 phút): 0,5 điểm. (Đọc trên 1-2 phút: 0,5 điểm.)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

CÂU	1	2	3	4	5	6	7
ĐÁP ÁN	A	A	C	B	B	A	B
SỐ ĐIỂM	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ

Câu 8 (0,5 đ): Từ “gồng” thuộc từ loại: động từ

Câu 9 (1 đ) : Xác định các thành phần trạng ngữ, chủ ngữ trong câu sau:

a) Trên đê, trẻ em trong làng/ nô đùa, chơi trò đuổi bắt, chơi ô ăn quan.

TN

CN

VN

b) Con bìm bịp, bằng cái giọng trầm và âm báo hiệu mùa xuân đã tới.

CN

TN

VN

Câu 10 (0,5 đ): Lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ

Câu 11(0,5 đ): Câu đơn: A, C; Câu ghép: B

Câu 12: (1,0đ) Viết một câu ghép có sử dụng cặp quan hệ từ “Vì – nên”?

Viết câu của em: VD: Vì xe bị hỏng nên em đi học muộn.

II - Phần viết (10 điểm)

1. Viết chính tả: (2đ)

Bài viết: (2 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng bài văn: 2,0 điểm.

- Mỗi lỗi chính tả sai về phụ âm đầu; vần thanh; không viết hoa đúng quy định trừ: 0,25 điểm.

* Lưu ý: Nếu viết chữ hoa không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ, trình bày không sạch đẹp,... trừ 0,25 điểm toàn bài.

2. Tập làm văn: (8đ)

2.1/ Em hãy tả một cây hoa mà em thích.

2.2/ Em hãy tả cái đồng hồ báo thức.

- Viết được một bài văn tả cây hoa hoặc tả cái đồng hồ báo thức có đủ 3 phần, đúng yêu cầu thể loại văn tả cây cối hoặc tả đồ vật đã học, độ dài bài viết từ 15 câu trở lên.

- Viết đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

- Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch đẹp.

- Tùy theo bài viết sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm: 7,5 – 7; 6,5 – 6; 5,5 – 5; 4,5 – 4; 3,5 – 3 – 2,5 – 2 – 1,5 – 1 .

BÀI TẬP LÀM VĂN THAM KHẢO THAM KHẢO

Trong căn phòng nhỏ bé của tôi có rất nhiều đồ vật gắn với những kỉ niệm đáng nhớ nhưng thứ mà tôi trân trọng nhất là chiếc đồng hồ báo thức xinh xắn

luôn được đặt trên bàn học của tôi, đó là phần thưởng mà tôi đã được nhận trong học kì II của lớp 4 từ người mẹ thân yêu của tôi.

Chiếc đồng hồ này được làm bằng nhựa cứng, chi to bằng bàn tay của người lớn. Thân hình nó là một chú thỏ khoác chiếc áo màu xanh lá cây, trông rất đáng yêu và ngộ nghĩnh. Mặt đồng hồ hình trái tim, chính là cái bụng tròn xoe của chú thỏ. Trên mặt đồng hồ hiện lên một bức tranh đẹp tuyệt vời dưới một lớp kính trong veo, đó là căn nhà gỗ ba gian cổ kính với ống khói nghi ngút. Các bạn có biết đó là nhà của ai không? Chính là gia đình nhà kim giây! Ở đó có bác kim giờ béo và thấp nhất. Từng bước đi của bác chậm chạp và vững chãi. Đom đống trong bộ áo hồng đậm đó chính là chị kim phút. Chị đi những bước ngắn. Tuy đi chậm nhưng những bước đi ấy rất uyển chuyển và điệu đà. Có lẽ chị sợ nếu đi nhanh sẽ bị ngã và gãy gót của chiếc guốc. Còn người nghịch nhất trong nhà đó là bé kim giây. Cu cậu chẳng chịu ngồi yên một chỗ bao giờ cả, lúc nào cũng chạy tung tăng khắp nhà làm cho chị kim phút không thể đuổi kịp được, vẫn còn một thành viên không thể thiếu được trong gia đình nữa đó là anh kim báo thức. Anh ta luôn mặc cái áo màu vàng mơ. Nhiều người tưởng anh rất “lười”, chẳng bao giờ chạy cả. Nhưng anh có ích lắm đấy. Nếu không có anh, chắc sáng nào tôi cũng bị đi học muộn. Tuy mỗi người có một tính cách khác nhau nhưng gia đình nhà kim hết mực yêu thương nhau. Ngày nào cả gia đình cũng xum họp một lần.

Mặt sau của đồng hồ có ba nút. Một nút là để chỉnh kim đồng hồ nếu giờ sai, một nút là để vận báo thức, nút còn lại là để bật báo thức. Ngày nào cũng vậy, tôi thường vận kim báo thức lên 6 giờ rồi mới bật báo thức. Để rồi mỗi buổi sáng khi bác kim giờ chạy gần đến anh kim phút thì khúc nhạc quen thuộc lại reo lên, đồng thời đôi mắt của chú thỏ cũng nhấp nháy như thúc giục tôi dậy mau để chuẩn bị tới trường. Ngày qua ngày, chiếc đồng hồ bây giờ trở thành một thành viên không thể thiếu trong gia đình nhà tôi.

Tôi rất yêu quý chiếc đồng hồ ấy. Nó luôn luôn và mãi mãi là người bạn chăm chỉ và cần mẫn của tôi. Tôi sẽ luôn trân trọng và nâng niu từng phút giây của mình vì tôi biết thời gian đã trôi qua thì không bao giờ trở lại.

ĐỀ 2

ĐÁP ÁN BÀI ĐỌC HIỂU

1. b 2. a 3. c

4. Ví dụ: *Sau khi nghe ông lão giải thích về trái tim mình vẽ, tôi cảm thấy rất xúc động. Tôi nhận ra vẻ đẹp và sức mạnh của trái tim không phải ở chỗ nó được giữ kĩ để không có một vết tích, tổn thương nào của cuộc đời mà trái lại, càng biết chia sẻ, dám yêu, dám sống và sẵn sàng cho đi, trái tim của con người càng đẹp và mạnh mẽ hơn.*

Tôi cầm bút cắt đi một mảnh trong trái tim hoàn hảo của mình và đắp vào một phần khuyết của trái tim ông lão.

5. a) tiến công b) công an c) công đức

6. 1 – b, 2 – d, 3 – c, 4 – a

7. a) Thay bằng: *họ, các bác* b) Thay bằng: *Người, Bác*

BÀI THAM KHẢO TẬP LÀM VĂN

Ngày đầu tiên đến trường chắc ai cũng trong tâm trạng lo sợ, bẽn lẽn không dám nói chuyện với thầy cô, bạn bè của mình đúng không nào? Em cũng vậy đó. Khi ấy em rất nhút nhát, sợ sệt với những cảnh vật mới và cả thầy cô mới nữa. Và một người bạn đã giúp em hòa đồng tự tin hơn là Phương Trúc. Một người bạn thân ở lớp mà em quý mến nhất.

Em và Trúc chơi thân với nhau từ lớp Một đến giờ. Hai đứa bằng tuổi nhau nhưng Trúc cao hơn em một cái đầu và tính tình lại chững chạc, điềm đạm như người lớn đấy. Bạn không đẹp nhưng với khuôn mặt hiền lành dễ thương nên được rất nhiều bạn quý mến. Làn da ngăm ngăm màu bánh mật khỏe khoắn nhưng rất mịn màng bạn tự hào vì đó là sở hữu một làn da giống ba. Khuôn mặt dễ nhìn, tô điểm cho khuôn mặt ấy là mái tóc đen huyền trông khá mượt mà, lúc nào cũng được bạn cột rất gọn gàng. Thỉnh thoảng, Trúc còn thắt bím hai bên trông thật dễ thương làm sao. Vầng trán cao và rộng hơi nhô nhô về phía trước cho thấy bạn là một người thông minh và nhanh nhẹn. Nhưng em nghĩ bạn học giỏi là do bạn ham học hỏi, tìm tòi chứ không phải nhờ vầng trán cao. Trúc luôn thu hút mọi người vì đôi mắt như biết cười, biết nói. Mỗi khi nói chuyện cùng

bạn, em mới thấy đôi mắt ấy đẹp biết nhường nào. Đã vậy, khi nhìn ai, Trúc cũng nhìn thẳng cho thấy bạn là một người trung thực, can đảm không sợ gì cả. Chiếc mũi củ tỏi, dù nó không đẹp lắm nhưng em lại thấy nó rất hợp với khuôn mặt tròn trịa của bạn. Sở hữu một hàm răng trắng đều như hạt bắp, bạn trông thật “ăn ảnh” trong các bức hình chụp em cùng với bạn.

Bạn là tấm gương để em noi theo. Ở lớp, Trúc là tổ trưởng nên bạn vừa học giỏi vừa tích cực tham gia các hoạt động học tập, văn nghệ do lớp, trường tổ chức. Mỗi ngày đi học, quần áo của bạn đều thơm mát, gọn gàng chứ không luộm thuộm như các bạn khác do bạn đã chuẩn bị trước từ tối. Tác phong của bạn luôn được cô tuyên dương trước lớp trong các buổi sinh hoạt cuối tuần, thế còn học tập thì sao nhỉ? Thật ra, bạn rất chăm học và chữ viết của bạn cũng đẹp nữa. Trong lớp, mỗi khi cô cho bài tập toán nâng cao, bạn đều kiên trì suy nghĩ để tìm ra hướng giải chứ không bỏ cuộc như chúng em. Còn khi không hiểu bài, bạn liền tự tin nhờ cô hướng dẫn để rút kinh nghiệm cho các bài tập khác. Bạn còn được bạn bè đặc biệt danh là cây văn vì bạn viết văn rất hay, mạch lạc. Ở lớp, bạn vừa chăm học vừa lễ phép với thầy cô, hòa đồng cùng bạn bè còn ở nhà thì bạn cũng rất ngoan ngoãn, siêng năng làm việc. Có dịp đến nhà bạn chơi, em vô cùng bất ngờ khi thấy bạn đang cắm cúi nấu ăn, tưới cây... giúp bố mẹ. Bạn chia thời gian làm bài, làm việc rất hợp lý nên dù bận làm bài nhưng bạn vẫn còn thời gian giúp bố mẹ, chơi đùa giải trí.

Bạn Trúc là bạn thân nhất của em suốt thời Tiểu học. Mỗi khi buồn hay vui, chúng em đều trò chuyện chia sẻ với nhau rất vui vẻ. Đối với em, bạn luôn là một tấm gương sáng để em học tập theo. Còn vài tháng nữa là chúng em xa trường. Có thể chúng sẽ không gặp lại nhau nữa nhưng các kỉ niệm về bạn, em sẽ không bao giờ quên.

ĐỀ 3

Đáp án đề đọc hiểu:

1. a 2. a 3. b

5. a) truyền thống b) truyền hình
c) truyền tin d) truyền tụng

6. 1 – c, 2 – d, 3 – b, 4 – a.

7. a) Dấu phẩy thứ nhất dùng để ngăn cách hai vế trong câu ghép.

b) Dấu phẩy thứ hai dùng để ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong vế câu thứ hai.

8. b 9. a

10. Mặc dù trời mưa to nhưng *chúng tôi vẫn đến lớp đầy đủ*.

11. Thay thế từ; tránh được sự lặp từ mà câu văn trở nên gọn và hay hơn

12. A

13. C

14. B

Tập làm văn

Tham khảo:

Trong góc học tập của em có rất nhiều đồ dùng cần thiết phục vụ cho việc học tập. Tất cả đều còn mới và sạch sẽ vì em luôn chăm chút cho nó để tạo cảm hứng khi học bài. Nhưng có lẽ em thích chiếc đèn học xinh xắn hơn cả vì nó giúp cho em có ánh sáng để học bài mà không bị hại mắt.

Chiếc đèn học đứng thật độc lập. Đôi khi nhìn dáng của đèn mà em lại liên tưởng đến một cụ già bị gù lưng. Tuy nhiên, cậu ấy chỉ giống như người đang cúi xuống thôi, nhờ vào cấu tạo mà cậu ấy vẫn có thể đứng thẳng như thường. Chiếc đèn được đặt sát tường, chiếm vị trí đặc biệt trên mặt bàn. Thân đèn màu trắng được bao quanh bởi lớp lò xo bằng nhựa. Chụp đèn thì nổi bật hơn, màu hồng tím đúng màu em thích.

Thật thú vị hơn nữa đó chính là cái đế đèn bằng nhựa đen, trên cái đế này lại có công tắc và nút vặn điều chỉnh độ sáng của đèn khi sử dụng. Bố em cũng

đã tận tình chỉ cho thắp bóng đèn 25 วัต. Bố bảo đèn sáng quá hại mắt không tốt cho mắt ở lứa tuổi học sinh chúng em.

Tối nào, bố mẹ em cũng luôn luôn ra những quy định cho em học từ 7 giờ rưỡi đến 9 giờ là đi ngủ, bố mẹ cũng không cho em thức khuya đọc sách và xem ti-vi triền miên vì như thế nó sẽ hại mắt và bố nói với em “ngay từ khi còn nhỏ phải biết lo cho đôi mắt của mình”. Có lẽ rằng chính nếp đó nay đã thành một thói quen tốt đẹp.

Tuổi thơ của em gắn liền với những cuốn sách và ánh đèn. Đó chính là ái đèn bàn nhỏ bé xinh xinh là người bạn thân của em. Ánh sáng thật dịu mắt của ngọn đèn bàn sẽ dẫn em đi tới ngày mai tươi đẹp.

Nhưng có lẽ em thích chiếc đèn học xinh xắn hơn cả vì nó giúp cho em có ánh sáng để học bài mà không bị hại mắt.

ĐỀ 4

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đáp án	A	B	A	C	C	B	A	B	C	C	B
Điểm	0,25 đ	0,25 đ	0,25 đ	0,25 đ	0,25 đ	0,25 đ	0,25 đ	0,25 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ

Câu 12(1 đ): Xác định bộ phận câu trong câu sau:

a) Đến sáng, những tia nắng mặt trời đầu tiên/ thức dậy, nhảy nhót chung quanh
mà

TN

CN

VN

nó/ vẫn nằm im, lấp lánh như một hạt ngọc.

CN

VN

b) Chi Vành Khuyên/ nghiêng ngó nhìn, chi/ đã nghe những lời thì thầm của giọt

CN

VN

CN

VN

sương, hiểu được cái khát vọng thầm kín của nó.

Câu 13 (0,5 đ): C. 4 vế câu

Câu 14 (1 đ): a) càng.....càng b) đâu.....đấy c) nào.....ấy

Câu 15 (1đ):

a) Các vế câu ghép sau nối với nhau bằng từ các tác dụng để nối: cặp quan hệ từ*không những...mà....*

b) Các vế câu ghép sau nối trực tiếp với nhau bằng dấu câu.

Bài văn tham khảo

"Người thầy vẫn lặng lẽ đi về sớm hôm...". Đó là lời bài hát mà tôi rất thích, nó còn gọi về thầy Huy- thầy giáo chủ nhiệm lớp 5 của tôi và là người tôi vô cùng kính trọng. Dù sau này có đi tới đâu, tôi vẫn mãi nhớ về bài học làm người thầy đã dạy.

Thầy Huy mới chuyển về công tác ở trường tôi được một năm. Ngày đầu thầy bước vào lớp thay cho cô chủ nhiệm mới sinh em bé, ai trong lớp cũng hồ nghi về thầy. Một thầy giáo trẻ, chưa có kinh nghiệm liệu có thể dẫn dắt được lũ học trò này không nhỉ? Nhưng ngay buổi đầu giảng dạy, thầy đã khiến chúng tôi rất ngạc nhiên và thích thú. Dáng người thầy dong dong cao trông rất thư sinh nho nhã. Mái tóc cắt ngắn ép sát vào da đầu lúc nào cũng được chải rất gọn gàng. Người ta nói đôi mắt là cửa sổ tâm hồn và đôi mắt thầy chính là một ô cửa sổ như thế. Đôi mắt vừa ánh lên vẻ thông minh, sáng dạ lại vừa hiền từ nhưng cũng thật nghiêm túc. Thầy hay đeo một cặp kính gọng sáng khiến đôi mắt như càng long lanh hơn. Gương mặt xương xương nhưng khá cân đối, gương mặt ấy rất ít khi nở nụ cười, rất ít khi biểu lộ tình cảm nhưng thật ra lại vô cùng ấm áp. Chỉ cần là một ánh mắt âu yếm thầy dành cho chúng tôi, âu đó cũng là một tình yêu thương thầy dành cho lũ học trò này.

Thầy Huy giảng bài rất có sức hút. Lời thầy nói rất nhẹ nhàng mà truyền cảm, đưa lũ học trò chúng tôi bay vào thế giới của tri thức mở rộng. Đôi tay thầy cầm viên phấn trắng, lật giở từng trang sách, thầy giảng bài cứ như người lái đò cần mẫn trước những chuyến đò ngang đến với bến bờ tri thức. Lời thầy giảng đến bây giờ vẫn còn in dấu ấn đậm nét trong tâm trí tôi.

Là người dạy thay cho cô chủ nhiệm, thế mà chẳng mấy chốc thầy đã chiếm được cảm tình của lũ học trò. Thầy quan tâm tới từng gia đình khó khăn, thầy ân cần chỉ thêm cho những bạn học kém. Chính thầy là người đã bồi đắp tình yêu môn văn cho cô học trò nhỏ là tôi, thầy đã nói rằng chỉ cần có đam mê và nỗ lực thì tất cả đều có thể trở thành hiện thực. Thầy luôn là ánh đèn soi sáng cho mỗi bước đường chúng tôi đi. thầy giảng cho tôi về lẽ sống, thầy truyền cho tôi ước mơ và niềm tự tin tràn đầy. Có lẽ chính nhờ thầy mà tôi có được kết quả như ngày hôm nay. Dưới lớp vỏ bọc lạnh lùng với gương mặt ít khi nở nụ cười, lại là một trái tim rất ấm áp. Lớp chúng tôi yêu thầy và kính trọng thầy hết mực. Thầy mãi mãi là thầy giáo đáng mến nhất trong quãng đời học sinh của tôi.

Mấy hôm trước tôi có dịp trở về thăm thầy. Thầy đã già hơn trước nhưng vẫn phong thái của những năm tháng trước kia, thầy lại đem đến cho tôi những bài học sống quý báu. Thầy ơi, dù sau này có bất cứ điều gì xảy ra, con vẫn mãi coi thầy là người thầy con kính trọng nhất.

B. Đọc thêm và làm bài tập

- [illegible]

Bài văn tham khảo:

Có lẽ khi còn nhỏ ai cũng được nghe câu hát ru, hay những vần thơ: “Con dù lớn vẫn là con của mẹ. Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con”. Em cũng có người mẹ tuyệt vời như vậy – người mẹ luôn yêu thương con mình bằng cả cuộc đời.

Mẹ em năm nay đã ngoài ba mươi tuổi, nước da mẹ không còn được trắng trẻo nữa mà đã ngăm ngăm đen vì vất vả chăm sóc chúng em. Mẹ em không cao lắm, hơi gầy, dáng đi rất nhanh nhẹn. Mẹ có mái tóc nhuộm màu hạt dẻ uốn xoăn các lọn mềm mại sóng sánh như nước hồ. Khuôn mặt mẹ tròn trịa trông phúc hậu lắm. Đôi mắt mẹ hẹp dài, đen lay láy lúc nào cũng long lanh, vui vẻ. Bố em bảo mắt mẹ là mắt lá dăm rất nữ tính và duyên dáng. Sống mũi mẹ gọn và cao nên gương mặt trông rất sang. Miệng mẹ rộng với đôi môi hồng nhạt luôn thường trực nụ cười rạng rỡ. Nụ cười của mẹ ấm áp như nắng ấm mùa xuân làm trái tim em thấy bình yên lạ. Em yêu nhất là đôi bàn tay mẹ. Những ngón tay gầy gò có nhiều mấu xương, làn da ram ráp. Mỗi khi em nắm đôi bàn tay mẹ, một dòng yêu thương mãnh liệt truyền sang giúp em vượt qua tất cả những khó khăn và nỗi buồn. Mẹ em thường ngày ăn mặc rất giản dị. Mẹ thích những đồ rộng rãi, thoải mái. Nhưng khi đi dự tiệc, trông mẹ sang trọng và thanh lịch như một nàng công chúa.. Mẹ lúc nào cũng tất bật với công việc nào là đi chợ, việc nhà, đi làm...nhưng mẹ không bao giờ kêu vất vả hay mệt mỏi. Mặc dù bận rộn nhưng mẹ vẫn dành thời gian cho các con. Mẹ dạy em học, dạy làm những công việc nhà, mẹ chỉ bảo tận tình ngay từ những công việc nhỏ nhất, mẹ bảo phải học tính cẩn thận ngay từ những công việc nhỏ trở đi thì về sau những việc lớn hơn mới có thể làm tốt được. Em luôn nhớ lời dạy của mẹ và cố gắng làm thật tốt.

Em nhớ mãi ngày em mới vào lớp Một mẹ đưa em đến trường, trước hôm đó mẹ đã đưa em đi thăm trường, đêm ngủ mẹ động viên khích lệ để không bị bỏ ngỡ những ngày đầu đi học. Rồi khi biết em viết chữ bằng tay trái, mẹ kiên trì từng ngày luyện viết tay phải cho em. Mẹ cầm tay em nắn nót từng chữ, uốn nắn từng nét để bây giờ em có thể đi thi vở sạch chữ đẹp của trường và đạt giải, tất cả là nhờ mẹ.

Em nhớ một lần em vẫn còn nhỏ, hôm đó các lớp học được về sớm. Em đứng đợi mẹ ở cổng trường thì có một bạn gần nhà rủ em đi bộ về vì trường cách nhà cũng không xa lắm. Như thường lệ, đúng giờ tan học mẹ đến đón thì thấy các lớp đã về hết. Mẹ vội vàng hỏi bác bảo vệ có thấy trẻ nào đợi ở cổng trường không nhưng bác bảo vệ bảo không có. Mẹ hốt hoảng đi tìm em, gọi điện cho bố xem bố có đi đón em không nhưng bố vẫn đang đi làm mà. Khỏi phải nói, mẹ lo lắng đến như thế nào. Mẹ đi tìm khắp các con đường, chỗ mà mẹ hay đưa em đi chơi nhưng đều không thấy. Chỉ đến lúc bố đi làm về thấy em ở nhà rồi gọi điện cho mẹ. Mẹ về nhà trong tình trạng mệt mỏi. Lúc này em vẫn chưa biết mình đã gây ra chuyện gì nên vẫn ngồi im. Rồi mẹ phạt em, đây là lần đầu tiên mẹ phạt em nặng như vậy, em khóc và mẹ cũng khóc.

Em còn nhỏ quá nên chưa biết gì chỉ trách mẹ sao lại đánh mình. Sau này lớn hơn một chút mới biết mẹ phạt em chỉ vì mẹ quá lo lắng cho em, phạt em vì em đã không nghe lời của mẹ. Đến tận bây giờ em vẫn không thể quên được lần bị mẹ phạt ấy. Mẹ à! Con xin lỗi nhé. Lúc đó con chưa hiểu để nói xin lỗi mẹ.

Họ và tên:

Lớp: 5.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 29– MÔN TIẾNG VIỆT



ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than) TRẢ BÀI TẢ CÂY CỐI A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Một vụ đắm tàu: Ca ngợi tình bạn giữa Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta; sự ân cần, dịu dàng của Giu-li-ét-ta, đức hi sinh cao thượng của cậu bé Ma-ri-ô.

Con gái: Phê phán quan niệm lạc hậu “Trọng nam khinh nữ”. Khen ngợi cô bé Mơ học giỏi, chăm làm, dũng cảm cứu bạn, làm thay đổi cách hiểu chưa đúng của cha mẹ em về việc sinh con gái.

2. Luyện từ và câu

a. Ôn tập về dấu câu

Dấu câu	Tác dụng	Ví dụ
1. Dấu chấm	Dấu chấm đặt cuối câu để kết thúc một câu kể.	VD: Trời nắng như nung mà mẹ vẫn phải lội ruộng cấy.
2. Dấu chấm hỏi	Dấu chấm hỏi đặt cuối câu hỏi để kết thúc câu hỏi.	VD: Tối nay, mấy giờ mẹ về ạ?
3. Dấu chấm than	Dấu chấm than đặt cuối câu cảm hoặc câu cầu khiến * Ngoài ra, dấu chấm than còn sử dụng để: + Kết thúc câu gọi hoặc câu đáp + Tỏ thái độ mỉa mai hay ngạc nhiên đối với sự kiện vừa nêu	VD: - Buồn quá! - Chị đóng giúp em cái cửa với!

3. Tập làm văn

Các bước viết đoạn đối thoại

- Tìm hiểu tính cách nhân vật, tính cách ấy thể hiện như thế nào?

- Nắm được cách sử dụng từ hô ứng.

Xưng hô trong lời thoại giúp ta hiểu và thấy rõ về hoàn cảnh, tính cách, nếp sống, thái độ cư xử... của từng nhân vật trong kịch bản.

- Viết câu thoại

Nên viết ngắn gọn, súc tích, chính xác mà dễ hiểu, bộc lộ nét riêng, hình tượng riêng của từng nhân vật. Ngoài ra, các lời thoại trong một màn kịch có sự liên kết chặt chẽ với nhau.

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC HIỂU

TRÁI TIM NGƯỜI MẸ

Một cây Bạch Dương xinh đẹp sống trong rừng cùng ba đứa con gái bé bỏng của mình – ba cây Bạch Dương Con non nớt, khẳng khiu. Những ngày giá rét, Bạch Dương Mẹ xòe cánh, xòe lá che mưa, che gió cho con. Ngày nóng, mẹ lại xòe bóng mát che nắng, bảo vệ con mình. Ba cây Bạch Dương Con lớn rất nhanh và lúc nào cũng vui tươi. Ở bên mẹ, chúng chẳng biết thế nào là lo sợ cả.

Một hôm, cơn mưa dông rất lớn ập tới khu rừng. Sấm sét đùng đùng, chớp giật nháy nhaoáng cả bầu trời. Ba cây Bạch Dương Con run rẩy vì hoảng sợ. Bạch Dương Mẹ xòe cánh ôm chặt ba đứa con vào lòng và dỗ dành: “Các con đừng sợ! Sấm sét không nhìn thấy các con đâu, cánh của mẹ che kín hết rồi. Mẹ là cây cao nhất trong khu rừng này mà!”. Nhưng Bạch Dương Mẹ còn chưa kịp nói hết câu thì một tiếng nổ chói tai vang lên. Tia sét đánh trúng Bạch Dương Mẹ, đốt cháy xém cả thân cây. Vẫn nhớ phải bảo vệ các con nên Bạch Dương Mẹ cố hết sức để không bốc cháy. Mưa rào xối xả, gió mạnh gào rít nhưng Bạch Dương Mẹ vẫn cố đứng vững. Không một phút nào Bạch Dương Mẹ không nhớ bảo vệ các con mình. Không một phút nào mẹ quên xòe cánh ôm chặt các con. Chỉ đến khi cơn dông hung tợn đã qua, gió đã thôi gầm rú, ánh nắng tràn về thì thân Bạch Dương Mẹ mới chịu gục ngã. Khi ngã, Bạch Dương Mẹ vẫn cố thì thầm: “Các con đừng sợ, mẹ không bỏ các con đâu. Tia sét không đánh nổi trái tim mẹ, trái tim mẹ vẫn còn nguyên lành. Thân cây bị đổ của mẹ sẽ bị rêu phủ đầy, nhưng trái tim mẹ thì không bao giờ ngừng đập, không bao giờ...” Nói đến đây, thân cây mẹ đổ gục xuống nhưng không hề làm gãy cành lá của ba đứa con mình.

Từ đó đến nay, xung quanh gốc cây đổ là ba cây Bạch Dương khỏe mạnh, tốt tươi. Bên cạnh đó, một thân cây nằm trên mặt đất, cỏ và rêu phủ đầy. Nếu các bạn có dịp đến khu rừng đó, xin hãy ngồi nghỉ trên thân cây đó – nó mềm mại đến lạ kì! Sau đó, bạn hãy nhắm mắt lại và lắng nghe. Rất có thể bạn sẽ nghe thấy tiếng trái tim đang đập trong đó. Trái tim người mẹ.

(Ngô Linh Nga)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Bạch Dương mẹ đã chăm sóc con chu đáo như thế nào?
 - a. Những ngày giá rét, Bạch Dương Mẹ xòe cánh, xòe lá che mưa, che gió cho con. Ngày nóng, Bạch Dương Mẹ lại xòe bóng mát che nắng, bảo vệ con mình.
 - b. Ba cây Bạch Dương con lớn nhanh, vui tươi nhờ có mẹ chăm sóc.
 - c. Bạch Dương Mẹ làm cho các con chẳng biết thế nào là lo sợ cả.
2. Bạch Dương Mẹ đã làm những gì để bảo vệ con trong cơn dông tố?
 - a. Bạch Dương Mẹ xòe cánh ôm chặt ba đứa con vào lòng và dỗ dành: “Các con đừng sợ! Sấm sét không nhìn thấy các con đâu, cánh của mẹ che kín hết rồi. Mẹ là cây cao nhất trong khu rừng này mà!”
 - b. Bạch Dương Mẹ cố hết sức để không bốc cháy. Mưa rào xối xả, gió mạnh gào rít nhưng Bạch Dương Mẹ vẫn cố đứng vững.

c. Bạch Dương Mẹ ngã xuống nhưng không hề làm gãy cành lá của ba đứa con mình.

3. Chi tiết nào về tình yêu con của Bạch Dương Mẹ làm em xúc động nhất?

a. Khi ngã, Bạch Dương Mẹ vẫn cố thì thầm: “Các con đừng sợ, mẹ không bỏ các con đâu. Tia sét không đánh nổi trái tim mẹ, trái tim mẹ vẫn còn nguyên lành. Thân cây bị đổ của mẹ sẽ bị rễ cò phủ đầy, nhưng trái tim mẹ thì không bao giờ ngừng đập, không bao giờ...”

b. Không một phút nào Bạch Dương Mẹ không nhớ bảo vệ các con mình.

c. Không một phút nào mẹ quên xòe cánh ôm chặt các con.

4. Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?

a. Các bà mẹ luôn biết cách chăm sóc con cái của họ.

b. Tình mẹ yêu con là bất diệt.

c. Sức sống mãnh liệt của cây Bạch Dương.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm một từ đồng nghĩa với từ *bất diệt* và đặt một câu với từ đó.

2. Từ *trái tim* trong bài mang nghĩa gì? Nó được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

.....
.....
.....

3. Câu “Mưa rào xối xả, gió mạnh gào rít nhưng Bạch Dương Mẹ vẫn cố đứng vững.” có mấy vế câu?

a. Một vế câu.

b. Hai vế câu.

c. Ba vế câu.

4. Nhưng Bạch Dương Mẹ còn chưa kịp nói hết câu thì một tiếng nổ chói tai vang lên.

a. Câu trên là câu đơn hay câu ghép? Tìm chủ ngữ, vị ngữ của câu đó.

b. Câu trên có những quan hệ từ nào? Chúng có tác dụng gì?

5. Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì?

Nếu các bạn có dịp đến nơi ấy trong khu rừng, xin hãy ngồi nghỉ trên thân cây đổ – nó mềm mại đến lạ kì!

6. Các câu trong lời nói của Bạch Dương Mẹ được liên kết với nhau bằng cách nào?

Khi ngã, Bạch Dương Mẹ vẫn cố thì thầm: “Các con đừng sợ, mẹ không bỏ các con đâu. Tia sét không đánh nổi trái tim mẹ, trái tim mẹ vẫn còn nguyên lành. Thân cây bị đổ của mẹ sẽ bị rễ cò phủ đầy, nhưng trái tim mẹ thì không bao giờ ngừng đập, không bao giờ...”

.....
.....
.....

7. Viết lại tên các danh hiệu, huân chương, huy chương cho đúng.

a) Giải thưởng sao khuê:.....

b) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân:.....dân:.....

c) Huy chương vì sự nghiệp giáo

dục:.....

8. Chọn *dấu chấm*, *dấu hỏi*, hoặc *dấu chấm than* điền vào ô ☐ cho phù hợp.

a) Con sông hiền hòa ôm ấp đồng lúa, nương dâu ☐

b) Hè ☐ Hè về ☐ Hoa phượng đỏ rực trời.

c) Vào những đêm trăng, con sông mới đẹp làm sao ☐

d) Phượng ơi, có phải hoa muốn nói điều gì với lũ học trò chúng mình không ☐

e) Sông ơi, cứ chảy mãi đi ☐

9. Đặt câu:

a) Thể hiện sự ngạc nhiên:

Nhờ bạn giảng bài:

Hỏi bạn đã làm bài tập chưa:

Nhận xét về một việc làm tốt của bạn:

10. Đọc đoạn thơ sau và viết một số lời đối thoại giữa Gà Trống và Cáo.

Nhác trông vất vẻo trên cành

Anh chàng Gà Trống tinh ranh lời đời

Cáo kia đơn đả ngỏ lời:

“Kìa anh bạn quý, xin mời xuống đây

Để nghe cho rõ tin này

Muôn loài mạnh yếu từ rày kết thân

Lòng tôi sung sướng muôn phần

Bảo cho bạn hữu xa gần đều hay

Xin đừng e ngại, xuống đây

Cho tôi hôn bạ, tỏ bày tình thân.”

(Gà Trống và Cáo, La Phong-ten)

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

“*Rất có thể bạn nghe thấy tiếng trái tim đang đập trong đó. Trái tim người mẹ.*”

Hãy tưởng tượng em đã nghe thấy tiếng trái tim Bạch Dương Mẹ. Trái tim đó nói với em điều gì?

IV. TẬP LÀM VĂN

1. Dựa vào những hình ảnh trong đoạn 2 và đoạn 3 hãy tả lại cảnh đông bão trong khu rừng và cảnh Bạch Dương Mẹ ra sức bảo vệ các con mình trong cơn dông bão đó.

2. Hãy viết đoạn văn tả một khu rừng mà em đã có dịp đến thăm.

3. Em hãy sử dụng từ ngữ gợi hình, gợi cảm, những biện pháp so sánh, nhân hóa để tả một loại hoa mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – b; 2. – a; 3. – a; 4. – b.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. *bất tử* - VD: Những người chiến sĩ hi sinh vì độc lập, tự do cho đất nước luôn *bất tử*. Họ sống mãi trong lòng nhân dân.

2. Từ *trái tim* trong bài chỉ tình yêu thương. Nó được dùng với nghĩa chuyển.

3. c.

4. a) Là câu ghép gồm 2 vế câu. Vế câu 1 (*Bạch Dương Mẹ còn chưa kịp nói hết câu*) và vế câu 2 (*một tiếng nổ chói tai vang lên*)

CN 1: *Bạch Dương Mẹ*;

VN 1: *còn chưa kịp nói hết câu*

CN 2: *một tiếng nổ chói tai*;

VN 2: *vang lên*

b) – *nhưng*: nối câu này (*Nhưng Bạch Dương Mẹ... vang lên*) với câu trước đó (*Mẹ là... này mà!*)

- *thì*: nối vế câu 1 với vế câu 2.

5. Có tác dụng nổi *thân cây* với lời giải thích về nó (*mềm mại đến lạ kì!*)

6. Các câu này liên kết với nhau bằng cách lặp từ *mẹ*.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Tham khảo: Một buổi trưa hè yên ả, tôi đứng chân bên một thảm cỏ dày, nơi có ba cây bạch dương non đang độ lớn. Tôi đang mê mải ngắm những tán bạch dương mát rượi. Và lạ chưa có một thân cây nằm trên mặt đất, rêu và cỏ phủ đầy. Hóa ra đây là cây Bạch Dương Mẹ đã ngã xuống trong một trận bão để bảo vệ con mình. Tôi ngã lưng xuống thảm cỏ. Bỗng bên tai có tiếng thì thầm êm ái. Thì ra đó là lời của Bạch Dương Mẹ, lời của một trái tim đang thổn thức: “Tôi là Bạch Dương Mẹ, để bảo vệ và che chở cho các con, tôi đã từ giã ánh mặt trời. Nhưng không có sức mạnh nào có thể đánh gục trái tim tôi. Trái tim tôi luôn ở bên các con tôi. Gió bão mưa dông có thể làm cho tôi thân gãy cành rơi, nhưng trái tim yêu thương của tôi sẽ còn mãi mãi”.

IV. TẬP LÀM VĂN

1. *Tham khảo*: Khu rừng đang yên ả. Bỗng đâu mây đen từ đằng đông ùn ùn kéo đến, đen đặc cả bầu trời. Gió thổi mỗi lúc một mạnh. Gió điên đảo gào rú, vang động cả khu rừng. Chớp giằng dữ rạch ngang trời. Sấm đùng đùng nổi giận như muốn xé toạc bầu trời đen thẫm.

Rừng bạch dương nghiêng ngã trước cơn giận dữ của trời đất. Bạch Dương mẹ dang rộng những cánh tay để che chở các con. Ba cây Bạch Dương Con khiếp sợ, run lẩy bẩy. Bạch Dương Mẹ cố hết sức vỗ về các con. Chỉ đến khi cơn dông bão đi qua, ánh nắng tràn về, Bạch Dương Mẹ mới chịu gục ngã.

2. *Tham khảo*: Rừng thông Đà Lạt quả là một ấn tượng khó quên đối với tôi. Thông trải dài trên các ngọn đồi trong thành phố. Thông bạt ngàn trên những triền núi. Đứng trên đỉnh Lang – bi – ang nhìn xuống mới thấy hết sức sống mãnh liệt của thông. Ta có cảm giác như đang đứng trước một bức tranh với những màu sắc, đường nét thay đổi không ngừng. Những dinh thự và cả những ngôi nhà dân dã đều núp dưới bóng thông. Xen giữa cánh rừng thông trên các sườn đồi là những thung lũng bốn mùa đều có sương giăng. Nếu yêu mến thiên

nhiên bạn nên đến Đà Lạt, đến đó bạn sẽ có cảm giác thanh thản, bình yên và khoan khoái vô cùng.

3. Sáng hôm ấy, trên đường đi kiếm ăn, Cáo nhác trông thấy chú Gà Trống béo khỏe.

Cáo ta thêm chảy dãi. Nó bèn don đả ngỏ lời:

- Kia! Xin chào anh bạn quý mến của tôi! Mời anh xuống đây nghe tôi báo tin vui này: Từ giờ trở đi, muôn loài sống trong rừng sẽ kết thành bè bạn. Tôi sung sướng lắm nên muốn báo cho bạn hữu xa gần đều biết. Nào! Gà Trống ! Xin đừng e ngại, hãy xuống nhanh để tôi hôn bạn, bày tỏ tình thân ái!

Muôn đoạ cho Cáo sợ, Gà Trống nhanh trí bảo:

- Cảm ơn anh Cáo đã có lòng tốt! Từ nay trở đi, Gà và Cáo chung sống hoà bình với nhau thì quả là chẳng có tin mừng nào hơn! Ô kìa! Tôi thấy có hai anh chó săn đang chạy lại phía này. Chắc là họ cũng vội vàng đi loan tin vui như anh vậy!

Nghe thấy thế, Cáo hồn bay phách lạc, quắp đuôi, co cẳng chạy biến. Gà Trống khoái chí cười khì:

- Rõ là phường gian dối, hèn nhát! Ngừ ầy thì làm gì được ai!

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 30– MÔN TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG VỐN TỪ: NAM VÀ NỮ ÔN TẬP ĐẤU CÂU (ĐẤU PHẪY) TẢ CON VẬT

A. KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Tà áo dài Việt Nam: Sự hình thành chiếc áo dài tân thời từ chiếc áo dài cổ truyền, vẻ đẹp kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong cách dân tộc tế nhị, kín đáo với phong cách hiện đại phương Tây của tà áo dài Việt Nam, vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong tà áo dài.

2. Luyện từ và câu

a. Kiến thức cần nắm về từ vựng chủ đề nam và nữ

1. Những phẩm chất đặc trưng của nam và nữ

- Những phẩm chất đặc trưng của nam: dũng cảm, cao thượng, năng nổ, thích ứng được với mọi hoàn cảnh,...
- Những phẩm chất đặc trưng của nữ: dịu dàng, khoan dung, cần mẫn, biết quan tâm đến mọi người,...

2. Mở rộng vốn từ: Nam và nữ

- Dũng cảm: dám đương đầu với sức chống đối, với nguy hiểm để làm những việc nên làm.
- Cao thượng: cao cả, vượt lên trên những cái tầm thường, nhỏ nhen.
- Năng nổ: ham hoạt động, hăng hái và chủ động trong mọi công việc chung.
- Dịu dàng: gây cảm giác dễ chịu, tác động êm đẹp đến các giác quan hoặc tinh thần.
- Khoan dung: rộng lượng tha thứ cho người có lỗi lầm.
- Cần mẫn: siêng năng và lành lợi.

b. Tác dụng của đấu phẩy

* Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.

VD: Lan, Nga, Hùng, Thoa đều là những học sinh học giỏi trong lớp.

* Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.

VD: Khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con chim họa mi ấy lại hót vang lòng.

* Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.

VD: Bố đi công tác, mẹ đi làm, chị Lan chăm lo mọi công việc trong nhà thay bố mẹ.

3. Tập làm văn

CẤU TẠO CHUNG CỦA BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

1. Mở bài: (trực tiếp hay gián tiếp) (3-4 dòng)

Giới thiệu con vật định tả là con gì, một con hay cả bầy (Con vật đang ở đâu? Em thấy con vật này vào lúc nào?)

2. Thân bài:

a. Tả đặc điểm hình dáng bên ngoài của con vật (6-8 dòng) (mỗi đặc điểm 2-3 câu)

- Tả bao quát: vóc dáng, bộ lông hoặc màu da.
- Tả từng bộ phận: đầu (tai, mắt...), thân hình, chân, đuôi.

b. Tả thói quen sinh hoạt và một vài hoạt động chính của con vật: (6-8 dòng) (mỗi hoạt động 2-3 câu)

- Tả một vài biểu hiện về tính nết, thói quen của con vật.
- Tả một số hoạt động chính của con vật: bắt mồi, ăn, kêu (gáy, sủa...)...
- Chú ý kết hợp tả một vài nét về cảnh hoặc người liên quan đến môi trường sống của con vật.

3. Kết luận:

Nêu ích lợi của con vật và tình cảm của người tả đối với con vật. (kết bài mở rộng hoặc không mở rộng) (3-4 dòng)

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC HIỂU

TẠI SAO MẸ LẠI KHÓC?

Một cậu bé hỏi mẹ:

- Tại sao mẹ lại khóc?

Người mẹ đáp:

- Vì mẹ là một phụ nữ.
- Con không hiểu. – Cậu bé ngơ ngác.

Người mẹ ôm chặt con và âu yếm:

- Con không bao giờ hiểu được nhưng nó là như thế đấy...

Thời gian trôi đi. Cậu bé lại hỏi cha:

- Sao mẹ lại khóc hả cha?
- Tất cả phụ nữ đều như thế, con yêu ạ. – Người cha mỉm cười đáp.

Khi cậu bé trở thành một người đàn ông, anh vẫn thường tự hỏi: “Tại sao phụ nữ lại khóc nhỉ?”

Cuối cùng, anh tìm đến một nhà hiền triết. Nghe hỏi, nhà hiền triết đáp: “Khi Thượng đế tạo ra phụ nữ. Người đã làm cho họ thật đặc sắc. Người làm cho họ đôi vai cứng cáp để che chở được cả thế giới, đôi tay họ mát lạnh để săn sóc yêu thương và Người cho họ một sức mạnh tiềm ẩn để mang nặng đẻ đau.

Người cho họ một sự dũng cảm để nuôi dưỡng và chăm sóc gia đình người thân, bạn bè ngay cả trong những lúc mọi người dường như buông trôi, dù có nhọc nhằn đến mấy đi nữa họ cũng không bao giờ than thở... Người cho họ tình cảm để họ yêu thương con cái, ngay cả lúc con họ gây cho họ đau khổ.

Người cho họ sức mạnh để chăm sóc người chồng của họ, để bảo vệ trái tim anh ta... Người cho họ sự khôn ngoan để biết rằng một người chồng tốt sẽ không bao giờ làm tổn thương vợ mình, hiểu rõ sự chịu đựng của người phụ nữ và cô ta luôn thấp thoáng sau mỗi thành công của người chồng.

Để làm được những việc nhọc nhằn đó. Người đã cho họ những giọt nước mắt để rơi, để họ sử dụng bất cứ lúc nào và đây là điểm yếu duy nhất của họ. Khi con thấy họ khóc, hãy nói với họ con yêu họ biết bao và nếu họ vẫn khóc, con hãy làm trái tim họ được bình yên.”

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Theo lời nhà hiền triết, người phụ nữ được Thượng đế tạo nên có những điểm tốt đẹp đặc sắc nào?
 - a. Người phụ nữ có đôi vai cứng cáp để che chở cả thế giới, có đôi tay mát lạnh để săn sóc yêu thương, có sức mạnh tiềm ẩn để mang nặng đẻ đau.
 - b. Người phụ nữ rất dễ rơi nước mắt.
 - c. Người phụ nữ có sự dũng cảm để chăm sóc gia đình, tình cảm để yêu thương con cái, sức mạnh để chăm sóc người chồng, có sự khôn ngoan và biết chịu đựng.
2. Nhà hiền triết giải thích tại sao phụ nữ lại khóc?
 - a. Vì mắt của họ có nhiều nước mắt hơn người đàn ông.
 - b. Họ khóc để làm vui đi những nhọc nhằn và đau khổ mà họ phải chịu đựng trong cuộc sống.
 - c. Để làm cho người khác thương xót mình.
3. Người hiền triết khuyên chúng ta nên làm gì khi thấy phụ nữ khóc?
 - a. Nói với họ những lời yêu mến và làm trái tim họ được bình yên.
 - b. Nắm lấy tay họ và nói lời an ủi.
 - c. Để yên cho họ khóc và đừng làm phiền đến họ.
4. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?
 - a. Người phụ nữ rất nhạy cảm, dễ bị thương tổn và dễ khóc.
 - b. Người phụ nữ rất tài giỏi, hãy dành cho họ quyền lãnh đạo.
 - c. Người phụ nữ có sức mạnh, giàu lòng yêu thương và đức hi sinh.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Từ nào không thể thay thế cho từ *Thượng đế* trong câu chuyện trên:
 - a. Ngọc hoàng
 - b. Tạo hóa
 - c. Trời
 - d. Tự nhiên
2. Tìm các tính từ nói về phẩm chất của người phụ nữ có trong câu chuyện trên.

-
3. Các dấu phẩy trong những câu sau có tác dụng gì?
Để làm được những việc nhọc nhằn đó. Người đã cho họ những giọt nước mắt để rơi. Khi con thấy họ khóc, hãy nói với họ con yêu họ biết bao và nếu họ vẫn khóc, con hãy làm trái tim họ được bình yên.

-
4. Câu sau là câu đơn hay câu ghép? Bộ phận nằm giữa hai dấu phẩy giữ chức vụ gì?
Thượng đế cho người phụ nữ sự dũng cảm để nuôi dưỡng và chăm sóc mọi người, dù có nhọc nhằn đến mấy đi nữa họ cũng không bao giờ than thở.

.....
.....
.....
5. Viết lại những danh hiệu, tên các huy chương, huân chương được in đậm trong đoạn văn cho đúng chính tả.

Trường Tiểu học Ba Đình là trường nhiều năm liền đạt danh hiệu **trường tiên tiến cấp Tỉnh**. Cuối năm 2008, trường vinh dự được nhận huân chương cao quý của Nhà nước trao tặng – **huân chương lao động hạng ba**. Trong năm 2008, trường có 4 thầy giáo, cô giáo đạt danh hiệu **giáo viên giỏi cấp tỉnh**, có 12 học sinh đoạt **giải nhất, giải nhì** trong kì thi học sinh giỏi toàn tỉnh. Cũng trong năm học này trường có gần 1000 học sinh đạt danh hiệu **cháu ngoan Bác Hồ**.

.....
.....
.....
.....
.....

6. Nêu ý nghĩa của các từ dưới đây:

cao thượng:.....
năng nổ:.....
dịu dàng:.....
cần mẫn:.....

7. Đặt câu theo các yêu cầu sau:

a) Câu có dấu phẩy dùng ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu:

.....
.....

Câu có dấu phẩy dùng ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ:

.....
.....

Câu có dấu phẩy dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép

.....

.....

8. Điền *dấu phẩy* vào chỗ thích hợp trong đoạn văn sau:

Rồi hôm sau khi phương đông vừa vãn bụi hồng con họa mi ấy lại hót vang lòng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hót tựa hồ như muốn các bạn xa gần đều đó lắng nghe. Hót xong nó xù lông rũ hết những giọt sương rồi nhanh nhẹn chuyển từ bụi nọ sang bụi kia tìm vài con sau ăn lót dạ đoạn vỗ cánh bay vút đi.

Bài tập 4.)

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Đặt mình vào vai cậu bé trong câu chuyện, viết tiếp vào câu sau để nói lên những cảm xúc của mình.

Mẹ ơi, con đã hiểu vì sao mẹ lại khóc...

.....

.....

.....

.....

.....

IV. TẬP LÀM VĂN

Tả con vật mà em yêu quý.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – a; 2. – b; 3. – a; 4. – c.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. – d.

2. đặc sắc, cứng cáp, mát lành, dịu cảm, khôn ngoan.

3. Dấu phẩy thứ nhất và thứ hai ngăn cách trạng ngữ và vế câu; dấu phẩy thứ ba ngăn cách 2 vế câu trong câu ghép.

4. Câu ghép. Đó là bộ phận trạng ngữ.

6. Cao thượng: có phẩm chất, đạo đức cao cả, vượt hẳn lên trên những cái tầm thường, nhỏ nhen.

Năng nổ: tỏ ra ham hoạt động, hăng hái và chủ động trong các công việc chung.

Dịu dàng: nhẹ nhàng, gây cảm giác dễ chịu.

Cần mẫn: siêng năng và lanh lợi.

8. Rồi hôm sau, khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lừng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hót, tựa hồ như muốn các bạn xa gần đều đó lắng nghe. Hót xong, nó xù lông rũ hết những giọt sương rồi nhanh nhẹn chuyển từ bụi nọ sang bụi kia, tìm vài con sâu ăn lót dạ, đoạn vỗ cánh bay vút đi.

III. CẢM THỤ VĂN HỌC

Gợi ý: Em có thể viết những nội dung sau: Điều gì làm mẹ em phải khóc? Em sẽ làm những việc gì để mẹ em không còn phải rơi nước mắt nữa?

Tham khảo: Mẹ ơi, giờ con đã hiểu, vì sao mẹ lại khóc. Mẹ là một phụ nữ mà. Thế nên, cũng như bao người phụ nữ khác, mẹ có đôi vai cứng cáp để che chở cả thế giới. Đôi tay mẹ mát lành, dịu dàng, săn sóc, yêu thương gia đình, người thân và bạn bè. Tuy cuộc sống của mẹ còn nhiều khó khăn, nhưng dù có nhọc nhằn, vất vả và cực khổ đến mấy mẹ cũng không bao giờ than thở. Mẹ có sức mạnh to lớn và là chỗ dựa tinh thần cho mọi người trong gia đình. Bởi thế, Thượng đế đã ban cho mẹ những giọt nước mắt cho vơi đi nỗi buồn khi chúng con vấp ngã trên đường đời. Ôi! Những giọt nước mắt của mẹ luôn sưởi ấm trái tim con. Mẹ ơi, con luôn yêu mẹ. Con sẽ luôn ngoan ngoãn để mẹ không bao giờ phải khóc vì con.

IV. TẬP LÀM VĂN

“A, chú cún con đẹp quá!”. Em reo lên khi thấy bố mua về một **chú chó xinh xắn**. Em bế chú lên tay và đặt tên cho chú là Li Li – một cái tên thật hợp với chú cún xinh đẹp này.

Li Li có hai màu trắng và nâu sẫm. Đầu chú như quả đu đủ nhỏ. Hai tai luôn dựng lên nghe ngóng. Hai mắt Li Li tròn xoe, đen láy, rất tinh nhanh. Mũi chú đen bóng lúc nào cũng ướt nước như người bị cảm cúm. Lưỡi chú thường vắt sang một bên, màu đỏ hồng, để lộ mấy răng nanh nhỏ, nhọn trắng tinh ở hai bên khoe miệng.

Thân chú được khoác chiếc áo màu trắng, điểm thêm những đốm màu nâu trông rất duyên dáng. Đuôi chú có lông dày, tròn như một cây chuối phát trần

lúc nào cũng rung rung thật ngộ nghĩnh. Ngực chú nở nang, bốn chân chạy nhanh thoăn thoắt. Chẳng bao lâu, Li Li được coi là một thành viên không thể thiếu trong gia đình em. Mỗi khi em đi học về chú chồm hai chân trước lên tỏ vẻ thân mật. Khi màn đêm buông xuống, cả nhà em ngủ ngon giấc sau một ngày làm việc mệt nhọc. Còn Li Li, nó vẫn thức để canh giấc ngủ cho mọi người.

Li Li rất thích chơi đùa. Mỗi khi em vui chơi chạy nhảy, chú ta cũng thích, cứ chạy theo em, vẫy đuôi tíu tít. Khi người lạ tới nhà, chú sủa lên những tiếng “*gâu, gâu...*” thật dữ tợn. Bị bố em mắng, chú như hiểu được nên im ngay, rồi nhẹ nhàng đứng sang một bên nhường lối cho khách vào.

Em rất quý Li Li. Mỗi khi đi đâu về, em thường vuốt ve nó và thỉnh thoảng em lại thưởng cho nó khi thì cái bánh, khi thì cái kẹo. Li Li ăn ngon lành và tỏ vẻ biết ơn.

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 31- MÔN TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG VỐN TỪ: NAM VÀ NỮ. ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(Dấu phẩy)

ÔN TẬP VỀ TẢ CẢNH

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Công việc đầu tiên: Nguyên vọng và lòng nhiệt thành của một phụ nữ dũng cảm, muốn làm việc lớn, đóng góp công sức cho Cách mạng.

Bầm ơi: Ca ngợi người mẹ và tình mẹ con thắm thiết, sâu nặng giữa người chiến sĩ ở ngoài tiền tuyến với người mẹ tần tảo, giàu tình yêu thương con nơi quê nhà.

2. Luyện từ và câu

a. Mở rộng vốn từ: Nam và nữ

Một số từ ngữ nói về phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam

chăm chỉ, cần cù, nhân hậu, khoan dung, độ lượng, dịu dàng, biết quan tâm đến mọi người, đức hi sinh, nhường nhịn, anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang...

Một số thành ngữ, tục ngữ nói về phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam:

- *Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.* (Lòng thương con, đức hi sinh của người mẹ.).
- *Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi.* (Phụ nữ rất đảm đang, giỏi giang, là người giữ gìn hạnh phúc, giữ gìn tổ ấm gia đình.)
- *Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.* (Phụ nữ dũng cảm, anh hùng.)

b. Chức năng dấu phẩy

* *Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.*

VD: Lan, Nga, Hùng, Thoa đều là những học sinh học giỏi trong lớp.

* *Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.*

VD: Khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con chim họa mi ấy lại hót vang lồng.

* *Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.*

VD: Bố đi công tác, mẹ đi làm, chị Lan chăm lo mọi công việc trong nhà thay bố mẹ.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. ĐỌC HIỂU:

Đọc thầm bài văn:

THAI NGHÉN MÙA XUÂN

Mùa xuân được thai nghén thật lặng lẽ. Những chiếc lá vàng nhè nhẹ rụng cuối thu; các đợt gió mùa đông bắc giúp cho cây cối sửa soạn thay áo mới!

Xem kia, một đôi chích chòe lặng lẽ bay là là trong vườn. Chúng nối đuôi nhau vèo lên cây khế, lượn xuống bể non bộ, bắt sâu bắt kiến, không một tiếng động.

Cây bưởi bắt đầu mai phục những nhánh lá non và những nụ hoa tròn bé xiu. Cóc, thằn lằn, thạch sùng đều im lặng trốn đi đâu hết.

Gió, gió rét.

Cây đào lổ nhổ lá úa đỏ, từ những vết thương do sâu đục thân ứa ra những dòng nhựa đặc và trong như ngọc. Sâu bọ đang cố ngăn cây đào sửa soạn đón xuân, nhưng ngăn làm sao được!

Trong ngày đông tháng giá, những con chim sâu cần mẫn, gan góc, tí tách chuyền càn đi kiếm ăn; chúng không tự biết rằng chúng là những hiệp sĩ vô danh bảo vệ cho cây cối đón xuân.

Lá cứ lặng lẽ rụng. Chim cứ lặng lẽ chuyền càn. Các giống hoa cứ lặng lẽ đơm nụ. Như chưa có sự chỉ huy của tổng đạo diễn vô hình, thời gian thăm thì gọi mùa xuân đến, không vội vàng mà chắc chắn.

Mây trời chuyền động. Mặt đất rì rầm. Cây lá lao xao.

Bỗng một buổi sớm, tiếng chích chòe vang lên lạnh lốt, hương hoa bưởi lan tỏa khắp khu vườn. Những chú ong mật tíu tít bay đến những chùm hoa chúm chím. Cây đào thân trụ lá đã lổm đổm những nụ phớt hồng. Mùa xuân cất tiếng. Mùa xuân đã đến rồi đấy, thật bất ngờ như đã được mong đợi từ lâu.

Theo VŨ NAM

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Cây bưởi ra hoa vào mùa nào ?

- a. Mùa thu b. Mùa xuân c. Mùa hạ c. Mùa đông

2. Ở miền Bắc, hoa nào nở báo hiệu mùa xuân đã đến ?

- a. Hoa bưởi b. Hoa hồng c. Hoa đào d. Hoa mai

3. Những sự vật nào trong bài được nhân hóa ?

.....

.....

.....

4. Những điều gì cho thấy mùa xuân đang được thai nghén?

- a) Cây cối sửa soạn thay áo mới, đôi chim chèo lững lờ bay là là trong vườn.
- b) Những chiếc lá chuyển màu vàng, chim sâu tí tách chuyển cành đi kiếm ăn.
- c) Cây bưởi mai phục những nhánh lá non và những nụ hoa tròn bé xiu.

5. Các điệp từ *lặng lẽ* và cụm từ *thời gian thâm thì* gợi màu xuân đến cho thấy mùa xuân được thai nghén như thế nào?

- a) Mùa xuân được thai nghén một cách âm thầm, chắc chắn.
- b) Mùa xuân được thai nghén một cách nhịn nhip, vội vã.
- c) Mùa xuân được thai nghén một cách tung bừng, hối hả.

6. Những hình ảnh nào cho thấy mùa xuân đã đến thật gần?

- a) Mây trời chuyển động.
- b) Mặt đất rì rào, cây lá lao xao.
- c) Cóc, thằn lằn trốn đi đâu hết.

7. Đoạn văn cuối bài cho em thấy điều gì?

.....

.....

.....

.....

.....

8. Em hãy đặt tên khác cho bài văn trên.

.....

.....

.....

I. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Câu nào là câu ghép?

a. Bà già Nô-en sẽ chẳng bao giờ chịu cảnh đi một mình trong tuyết rơi và nhìn gia đình người khác sum họp đâu...

b. Con trai chẳng thích đi mua sắm, bởi vậy chỉ có bà già Nô-en mới có thể đẩy xe đi khắp siêu thị mua đủ loại quà cho trẻ em khắp thế giới.

c. Con trai không đòi nào đủ kiên nhẫn để trả lời quá nhiều thư theo yêu cầu như vậy.

2. Trong câu ghép “Chỉ có con trai mới có thể vừa mua quà vừa xuất phát nhanh vì họ không cần phải trang điểm và làm tóc.” từ nào nối các vế câu?

a. vừa... vừa...

b. chỉ có

c. vì

3. Dấu phẩy thứ hai trong câu “Giáng sinh là dịp để bạn bè gặp gỡ, hội họp, con trai cũng chẳng chịu từ bỏ để đi phân phát quà đâu” có tác dụng gì?

a. Ngăn cách các vế câu ghép.

b. Ngăn cách trạng ngữ với vế câu.

c. Ngăn cách các từ cùng làm vị ngữ.

4. Viết một câu văn (có sử dụng dấu phẩy ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ) giải thích vì sao đàn ông cần giúp đỡ phụ nữ làm các công việc nhà.

.....

.....

5. Viết lại các danh hiệu sau vào chỗ trống cho đúng quy tắc chính tả:

a) Nghệ sĩ nhân dân:.....

b) Nghệ sĩ ưu tú:.....

c) Quả bóng vàng:.....

d) Đôi giày vàng:.....

6. Dòng nào dưới đây viết đúng chính tả (đúng quy tắc viết hoa)

a) Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục

b) Huy chương vì sự nghiệp khoa học và công nghệ

c) Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam

d) Giải nhất cuộc thi Viên phần Vàng

7. Tìm 3 từ ngữ chỉ phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam

8. Đặt câu với một trong các từ ngữ vừa tìm được ở bài 7

9. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu tục ngữ nói lên phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam:

- a) Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.
- b) Chim có tổ người có tông.
- c) Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.
- d) Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.

10. Điền dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong các câu văn sau:

- a) Lúc hoàn hôn Ấng-co Vát thật huy hoàng.
- b) Mặt trời lặn ánh sáng chiếu soi vào bóng tối cửa đền.
- c) Con sông Nậm-khan ra đến đây còn làm duyên nũng nịu uốn mình một quãng rồi mới chịu hòa vào Mê-công.

Nêu tác dụng của dấu phẩy trong mỗi câu a, b, c ở trên

III. TẬP LÀM VĂN

Lập dàn ý miêu tả một trong các cảnh sau :

- a) Một ngày mới bắt đầu ở quê em.
- b) Một đêm trăng đẹp.
- c) Trường em trước buổi học.
- d) Một khu vui chơi, giải trí mà em thích.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU: 1.b 2.c

3. Những sự vật được nhân hóa: mùa xuân, những đợt gió mùa đông bắc, cây cối, cây bưởi, cóc, thần lùn, thạch sùng, sâu bọ, cây đào, lá, chim, những chú ong mật, các giống hoa, chim sâu.

4. a, c 5. a 6. a, b

7. Tham khảo: Mùa xuân mang sự sống, niềm vui đến với khu vườn./ Sau những ngày tháng thai nghén, mùa xuân đã về như một món quà đầy bất ngờ./ Vẻ đẹp của mùa xuân trong khu vườn thật diệu kì.....

8. Mùa xuân đến, xuân về, vườn xuân, xuân đẹp diệu kì,...

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. – b; 2. – c; 3. – a.

4. VD: Vì yêu thương gia đình vô bờ bến, những người đàn ông chân chính luôn giúp phụ nữ làm tốt công việc nhà.

5. Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, Quả bóng Vàng, Đôi giày Vàng.

7. anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang, cần cù, chăm chỉ, dịu dàng, chịu thương, chịu khó, nhân hậu, khoan dung,....

9. a, c

10.

a) Lúc hoàn hôn, Ấng-co Vát thật huy hoàng.

b) Mặt trời lặn, ánh sáng chiếu soi vào bóng tối cửa đền.

c) Con sông Nậm-khan ra đến đây còn làm duyên nũng nịu, uốn mình một quãng rồi mới chịu hòa vào Mê-công.

Nêu tác dụng của dấu phẩy trong mỗi câu a, b, c ở trên

Câu a: Ngăn cách trạng ngữ với trạng ngữ và chủ ngữ.

Câu b: Ngăn cách các vế câu ghép.

Câu c: Ngăn cách các bộ phận có cùng chức vụ trong câu.

III. TẬP LÀM VĂN

Lập dàn ý miêu tả một trong các cảnh sau :

a) Một ngày mới bắt đầu ở quê em.

b) Một đêm trăng đẹp.

c) Trường em trước buổi học.

d) Một khu vui chơi, giải trí mà em thích.

Dàn ý

a) Đề bài: Tả một ngày mới bắt đầu ở quê em.

1. Mở bài:

Ngày mới bắt đầu ở quê hương em thật vui, thật nhộn nhịp.

2. Thân bài:

- Tiếng gà gáy lanh lút rồi vang vọng khắp thôn xóm.

- Phía đằng đông, ánh mặt trời rạng dần rồi toả sáng.

- Trâu, bò trong chuồng đã thức dậy.

- Gà, vịt kéo nhau ra sân, ra vườn.
- Vòm trời xanh trong, gió thổi mát rượi.
- Cây cối tươi tắn, những giọt sương đêm nhấp nháy trên cành cây, kẽ lá.
- Khói lam đã lảng vảng trên các mái nhà.
- Các bà, các chị chuẩn bị cho bữa ăn sáng.
- Các âm thanh vang vọng khắp xóm thôn.
- Ngoài đường đông người qua lại, nhịp sống nhộn nhịp hơn.

3. Kết bài:

- Em rất yêu ngày mới bắt đầu ở quê em.
- Em sẽ ra sức học tập để sau này góp phần xây dựng quê hương

b) Đề bài: Tả một đêm trăng đẹp

1) Mở bài

Giới thiệu chung về đêm trăng ấy:

- * đêm rằm trăng tỏa sáng khắp bầu trời và mặt đất
- * xóm em rộn ràng chuẩn bị đón tết trung thu

2) Thân bài

Tả cảnh đêm trăng:

* Lúc xẩm tối:

- + Màn đêm dần buông, bầu trời thăm thẳm, lấp lánh ánh sao
- + Trăng lấp ló thấp thoáng sau lũy tre làng
- + Gió thổi mát rượi
- + Làng xóm rộn rã nhộn nhịp tiếng nói cười

* Lúc trăng lên:

- + Mặt trăng tròn vành vạnh như một chiếc đĩa lơ lửng giữa không trung
- + Ánh trăng vàng vạc soi sáng xuống sân nhà, nhà cửa, ruộng đồng,..
- + Trên đường làng trẻ em nối đuôi nhau chơi rước đèn, ca hát rộn ràng
- + Cảnh phá cỗ vui vẻ giữa sân đình

3) Kết bài

Cảm nghĩ của em về đêm trăng ấy:

- Cảnh làng quê trong đêm trăng đẹp như một bức tranh
- Ấn tượng sâu sắc về đêm trăng hôm ấy
- Càng thêm yêu mến quê hương - Không bao giờ quên hôm ấy

c) Đề bài: Tả quang cảnh trường em trước buổi học.

Dàn ý chi tiết

1. Mở bài: Sáng nào em cũng đi học sớm, em có dịp nhìn ngôi trường em thật lâu, thật kĩ.

- Quang cảnh trường em trước giờ vào lớp thật đẹp thật vui.

2. Thân bài:

a) Bên ngoài:

- Tám biển mang tên trường mới tinh trên đầu hai trụ cổng

- Cổng sắt đồ sộ, được mở rộng.

b) Bên trong:

- Sân trường sạch sẽ.

- Hàng cây xanh trong sân trường đã thức giấc, cành lá vươn cao trong nắng sớm.

- Những giỏ hoa nhiều màu sắc rập rờn dưới hàng hiên.

- Sương đêm còn đọng trên cành cây, kẽ lá.

- Trụ cờ sừng sững, lá cờ phấp phật trong gió sớm.

- Các phòng học sạch sẽ, bàn ghế kê ngay ngắn.

c) Các hoạt động của học sinh:

- Từng cặp học sinh hào hứng truy bài trong lớp học.

- Đội trực nhật tiếp tục những công việc của mình.

- Học sinh đến trường mỗi lúc một đông, âm thanh ồn ã, náo nhiệt.

- Các trò chơi thật vui vẻ trên sân trường.

- Trống trường vang lên học sinh xếp hàng vào lớp và chuẩn bị tư thế cho buổi học mới.

3. Kết bài:

- Em rất thích quang cảnh trường em trước giờ vào lớp.

- Em mong trường em mỗi ngày khang trang, tươi đẹp.

d) Đề bài: Tả một khu vui chơi, giải trí mà em thích.

1. Mở bài: Giới thiệu tên công viên mà em định tả: Ở đâu? Em đến đó vào dịp nào hay thường xuyên đến?

2. Thân bài:

a) Tả bao quát:

Cảnh quan của công viên (không khí, diện tích, cây, hoa, màu sắc...)

b) Tả chi tiết:

- Từng khu có những loại hoa gì? Màu sắc, vẻ đẹp của các loài hoa?

- Cây cối trong công viên (cây cổ thụ hay cây mới trồng, sự biến đổi của các loài cây theo thời gian như thế nào? Các cây kiểng được tía, xén thành hình các con vật có gì ấn tượng và đẹp?)
 - Những khu đồi nhân tạo hay tự nhiên sẵn có đẹp như thế nào? Cảnh vật có liên quan đến công viên vào buổi sáng (chim chóc, ong bướm, lúc mưa, lúc nắng).
 - Những hoạt động của con người vào buổi sáng nơi công viên có gì nhộn nhịp, vui vẻ?
 - Lợi ích của công viên, ý thức bảo vệ chăm sóc công viên.
3. Kết bài: Cảm nghĩ của em khi đến thăm công viên (Tinh thần thoải mái sau những giờ học tập mệt nhọc, gần gũi thiên nhiên...)

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 32– MÔN TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (Dấu phẩy, dấu hai chấm)

ÔN TẬP VỀ TẢ CẢNH

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Út Vịnh: Ca ngợi Út Vịnh có ý thức của một chủ nhân tương lai, thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an toàn đường sắt, dũng cảm cứu em nhỏ.

Những cánh buồm Cảm xúc tự hào của người cha khi thấy con mình cũng ấp ủ những ước mơ đẹp như ước mơ của mình thời thơ ấu. Ca ngợi ước mơ khám phá cuộc sống của trẻ thơ, những ước mơ làm cho cuộc sống không ngừng tốt đẹp hơn.

2. Luyện từ và câu

Ôn tập về dấu câu

Dấu câu	Tác dụng	Ví dụ
Dấu chấm	Kết thúc câu kể	Hôm nay, trời thật đẹp.
Dấu phẩy	b. Tác dụng của dấu phẩy - Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu. - Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ. - Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.	VD: Hoa hồng, hoa huệ, hoa Lan là những loài hoa tôi yêu thích VD: Hôm qua, tôi nghỉ học VD: Bà đi chợ, ông đọc báo, tôi học bài trong phòng, chẳng ai biết mẹ về từ lúc nào.
Dấu hai chấm	Dấu hai chấm có tác dụng báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước. Khi báo hiệu lời nói của nhân	VD: Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao

	vật, đầu hai chấm được dùng phối hợp với dấu ngoặc kép hay dấu gạch đầu dòng.	cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành ." Nguyễn vọng đó chỉ phối mọi ý nghĩ và hành động trong suốt cuộc đời của Người.
--	---	---

I. ĐỌC HIỂU:

Đọc thầm bài tập đọc dưới đây:

CHIẾC KÉN BƯỚM

Có một anh chàng tìm thấy một cái kén bướm. Một hôm anh ta thấy kén hé ra một lỗ nhỏ. Anh ta ngồi hàng giờ nhìn chú bướm nhỏ cố thoát mình ra khỏi chiếc lỗ nhỏ xíu. Rồi anh ta thấy mọi việc không tiến triển gì thêm. Hình như chú bướm không thể cố được nữa. Vì thế, anh ta quyết định giúp bướm nhỏ. Anh ta lấy kéo rạch lỗ nhỏ cho to thêm. Chú bướm dễ dàng thoát ra khỏi cái kén nhưng thân hình nó thì sưng phồng lên, đôi cánh thì nhăn nhúm. Còn chàng thanh niên thì cứ ngồi quan sát với hi vọng một lúc nào đó thân hình chú bướm sẽ xẹp lại và đôi cánh đủ rộng hơn để nâng đỡ thân hình chú. Nhưng chẳng có gì thay đổi cả! Sự thật là chú bướm phải bò loanh quanh suốt quãng đời còn lại với đôi cánh nhăn nhúm và thân hình sưng phồng. Nó sẽ không bao giờ bay được nữa. Có một điều mà người thanh niên không hiểu cái kén chật chội khiến chú bướm phải nỗ lực mới thoát ra khỏi cái lỗ nhỏ xíu kia chính là quy luật của tự nhiên tác động lên đôi cánh và có thể giúp chú bướm phải nỗ lực mới thoát ra khỏi cái lỗ nhỏ xíu kia chính là quy luật của tự nhiên tác động lên đôi cánh và có thể giúp chú bướm bay ngay khi thoát ra ngoài.

Đôi khi đấu tranh là điều cần thiết cho cuộc sống. Nếu ta quen sống một cuộc đời phẳng lặng, ta sẽ mất đi sức mạnh tiềm tàng mà bẩm sinh mọi người đều có và chẳng bao giờ ta có thể bay được. Vì thế, nếu bạn thấy mình đang phải vượt qua nhiều áp lực và căng thẳng thì hãy tin rằng sau đó bạn sẽ trưởng thành hơn.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Chú bướm nhỏ cố thoát mình ra khỏi chiếc lỗ nhỏ xíu để làm gì?
 - a. Để khỏi bị ngạt thở.
 - b. Để nhìn thấy ánh sáng vì trong kén tối quá.
 - c. Để trở thành con bướm thật sự trưởng thành.
2. Vì sao chú bướm nhỏ chưa thoát ra khỏi cái kén được?
 - a. Vì chú yếu quá.
 - b. Vì không có ai giúp chú.
 - c. Vì chú chưa phát triển đủ để thoát ra khỏi kén.
3. Chú bướm nhỏ đã thoát ra khỏi kén bằng cách nào?
 - a. Chú đã cố gắng hết sức để làm rách cái kén.
 - b. Chú đã cắn nát chiếc kén để thoát ra.
 - c. Có ai đó đã làm lỗ rách to thêm nên chú thoát ra dễ dàng.
4. Điều gì xảy ra với chú bướm khi thoát ra ngoài kén?
 - a. Bò loanh quanh cả đời và không bao giờ bay được nữa với đôi cánh nhăn nhúm và thân hình sưng phồng.
 - b. Dạng rộng cánh bay lên cao.
 - c. Phải mất mấy hôm mới bay lên được.
5. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

II. LUYỆN TỪ VÀ CẤU

1. Từ *kén* trong các câu sau là danh từ, động từ hay tính từ?

- a) Công chúa đang kén phò mã
- b) Một hôm anh ta thấy kén hé ra một lỗ nhỏ
- c) Tính nó kén lắm.

2. Dấu hai chấm trong câu “*Có một điều mà người thanh niên không hiểu: cái chật chội khiến chú bướm phải nỗ lực mới thoát ra khỏi cái lỗ nhỏ xíu kia chính là quy luật của tự nhiên tác động lên đôi cánh và có thể giúp chỉ bướm bay ngay khi thoát ra ngoài.*” có nhiệm vụ gì?

3. Dấu phẩy trong câu sau có tác dụng gì?

Nếu ta quen sống một cuộc đời phẳng lặng, ta sẽ mất đi sức mạnh tiềm tàng mà bẩm sinh mọi người đều có và chẳng bao giờ ta có thể bay được.

4. Dựa vào ý của câu câu ghép chính phụ “*Vì chàng thanh niên thấy chú bướm nhỏ không thoát ra được khỏi tổ nên anh ta quyết định giúp nó.*”

- a) Viết một câu đơn có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, nhớ dùng dấu phẩy để ngăn cách trạng ngữ và vế câu.
-
-

- b) Viết một câu ghép đẳng lập có dấu phẩy ngăn cách hai vế câu.
-
-

5. Cho hai vế câu:

- Anh muốn giúp chú bướm
- Anh lấy kéo rạch lỗ nhỏ ở chiếc kén cho to thêm.

Hãy viết:

- a) Một câu ghép đẳng lập có 2 vế nối với nhau bằng dấu phẩy.

b) Một câu ghép đẳng lập có 2 vế nối với nhau bằng dấu hai chấm.

6. Dòng nào sau đây viết đúng quy tắc viết hoa chính tả?

- a) Ngân hàng Thương mại cổ phần Châu á
- b) Nhà hát Tuổi trẻ
- c) Viện thiết kế máy nông nghiệp
- d) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- e) Trường Mầm non Hoa Mai

7. Điền *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* vào từng ô ☐ trong câu chuyện sau cho phù hợp.

DẶNG TRÍ

Một lần ☐ trên đường đi ☐ nhạc sĩ Bét-tô-ven thấy bụng đói còn cà ☐ ông bèn ghé vào một quán ăn.

Trong lúc chờ người phục vụ dọn thức ăn ☐ ông bỗng nghĩ ra một ý nhạc hay ☐ thế là quên cả ☐ Bét-tô-ven rút ngay một tờ giấy trong túi ra rồi viết lia lịa.

Chủ quán trở mặt ngạc nhiên vì thấy nhạc sĩ chưa hề ăn một chút thức ăn nào ☐ vậy mà Bét-tô-ven cứ nằng nặc:

- Tôi đã ăn no rồi ☐ anh đừng chế giễu tôi nữa.

8. Ý nào đúng nhất về tác dụng của dấu hai chấm:

- a) Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời nói trực tiếp của nhân vật
- b) Báo hiệu bộ phận sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.
- c) Cả a và b.

9. Điền *dấu hai chấm* vào chỗ thích hợp trong câu và nêu tác dụng của dấu hai chấm trong câu đó

a) Trần Thủ Độ bảo người ấy

- Người có phu nhân xin cho làm chức câu đương, không thể ví như những câu đương khác. Vì vậy, phải chặt một ngón chân để phân biệt.

b) Người từ khắp nơi đổ về sân đình xem hội có người từ các làng xung quanh đến, có những người xa quê đi làm ăn nay trở về, có người ở tận Hà Nội cũng lên xem.

10. Viết lại các câu văn miêu tả con vật dưới đây bằng cách sử dụng biện pháp so sánh hoặc nhân hóa:

- a) Chú gà trống có bộ lông sặc sỡ.
b) Con mèo nhà em có đôi mắt xanh, tròn xoe.
c) Con lợn bà em nuôi béo múp míp khiến đôi mắt nó lúc nào cũng híp lại.

III. TẬP LÀM VĂN

Hãy tả một ngày mới bắt đầu ở quê em.

Bài làm

Handwriting practice lines consisting of multiple sets of three horizontal lines (top, middle, and bottom lines) for letter formation.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – c;
2. Báo hiệu bộ phận đứng sau là phần liệt kê.
3. – Ngăn cách các vế câu;
- 4.- a 5.- b

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. a động từ, b: danh từ, c: tính từ; 2. – b; 3. – a.
4. a) *Vì thấy chú bướm nhỏ không thoát ra được khỏi tổ, chàng thanh niên quyết định giúp nó.*
b) *Chàng thanh niên thấy chú bướm nhỏ không thoát ra được khỏi tổ, anh ta liền quyết định giúp nó.*
5. a) *Anh ta muốn giúp chú bướm, anh lấy kéo rạch lỗ nhỏ ở chiếc kén cho to thêm.*
b) *Anh lấy kéo rạch lỗ nhỏ ở chiếc kén cho to thêm: anh muốn giúp chú bướm.*
7. Một lần, trên đường đi, nhạc sĩ Bét-tô-ven thấy bụng đói cồn cào, ông bèn ghé vào một quán ăn.
Trong lúc chờ người phục vụ dọn thức ăn, ông bỗng nghĩ ra một ý nhạc hay. Thế là quên cả đói, Bét-tô-ven rút ngay một tờ giấy trong túi ra rồi viết lia lịa.
Chủ quán trở mắt ngạc nhiên vì thấy nhạc sĩ chưa hề ăn một chút thức ăn nào. Vậy mà Bét-tô-ven cứ nằng nặc:
- Tôi đã ăn no rồi, anh đừng chế giễu tôi nữa.
8. Ý nào đúng nhất về tác dụng của dấu hai chấm:
c) Cả a và b.
9. Điền *dấu hai chấm* vào chỗ thích hợp trong câu và nêu tác dụng của dấu hai chấm trong câu đó
a) Trần Thủ Độ bảo người ấy:
- Người có phu nhân xin cho làm chức câu đương, không thể ví như những câu đương khác. Vì vậy, phải chặt một ngón chân để phân biệt.
=> Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời nói trực tiếp của nhân vật

- c) Người từ khắp nơi đổ về sân đình xem hội: có người từ các làng xung quanh đến, có những người xa quê đi làm ăn nay trở về, có người ở tận Hà Nội cũng lên xem.

=> Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời nói trực tiếp của nhân vật

10. Tham khảo:

- a) Chú gà trống có bộ lông sặc sỡ như cầu vồng.
b) Con mèo nhà em có đôi mắt xanh, tròn xoe như hai hòn bi ve.
c) Con lợn bà em nuôi béo múp míp khiến đôi mắt nó lúc nào cũng híp lại như đang buồn ngủ.

III. TẬP LÀM VĂN

Gợi ý:

I. Mở bài: giới thiệu buổi sáng ở quê em, nơi em ở

II. Thân bài:

1. Tả bao quát:

- Không khí buổi sáng mát lành, dịu nhẹ vẫn còn sương
- Mùi lúa chín thơm
- Những giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá

2. Tả chi tiết:

a. Khi trời còn tối

- Trời mát mẻ, dễ chịu
- Bầu trời tối tối
- Gà bắt đầu gáy, báo hiệu một buổi sáng lại đến
- Những chú gà rời khỏi chuồng đi kiếm ăn
- Có vài nhà bật đèn
- Một vài nhà còn chìm trong giấc ngủ

- Có một vài người qua lại trên đường tập thể dục

b. Khi trời bắt đầu sáng

- Bầu trời bắt đầu sang tỏ và xanh hẳn

- Hầu như mọi người đều đã dậy
- Mặt trời dần dần xuất hiện sau rặng tre
- Trên đường người qua lại bắt đầu nhiều
- Những chú chim kêu rả rích

c. Khi trời sáng hẳn

- Mặt trời lên, trời trong xanh
- Nắng bắt đầu gắt
- Bọn trẻ nô đùa trên đường đến trường
- Những cô chú nông dân vác cuốc ra đồng
- Tiếng máy cày, máy gặt rôm rả
- Gió thổi những cơn nhẹ nhàng
- Còn vài giọt sương còn đọng trên lá.

III. Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về buổi sáng ở quê em, nơi em ở

- Nêu tình cảm với quê hương
- Và gắn bó với quê hương như thế nào?

Họ và tên:

Lớp: 5.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 33– MÔN TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRẺ EM. ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (Dấu ngoặc kép)

ÔN TẬP VỀ TẢ NGƯỜI A. KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là văn bản của Nhà nước nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em, quy định bổn phận của trẻ em đối với gia đình và xã hội. Biết liên hệ những điều luật với thực tế để có ý thức về quyền lợi và bổn phận của trẻ em, thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Sang năm con lên bảy: Điều người cha muốn nói với con: Khi lớn lên, từ già thế giới tuổi thơ con sẽ có một cuộc sống hạnh phúc thật sự do chính hai bàn tay con gây dựng nên.

2. Luyện từ và câu

a. Mở rộng vốn từ trẻ em:

Người dưới 16 tuổi được xem là trẻ em.

Các danh từ chỉ trẻ em: trẻ con, con trẻ, con nhỏ, trẻ tha, thiếu nhi, nhi đồng, thiếu niên, con nít, trẻ ranh, ranh con, nhóc con.

b. Dấu ngoặc kép

Dấu ngoặc kép dùng để:

- Đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp;

Ví dụ:

Sau khi đến được ba ngày, anh hỏi tôi: "Anh Dân, anh có biết chữ quốc ngữ không?". Tôi hơi thẹn nhưng trả lời thành thật: "Không, tôi không biết".

(Trần Dân Tiên)

- Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai;

Chúng đề xướng nào là văn nghệ "chủ quan", "viễn kiến", nào là triết lí "duy linh"...

(Trường Chinh)

- Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.

Có khi, ý hoặc lời được thuật lại là một danh ngôn, một khẩu hiệu,...

Ví dụ:

Chế độ ta là chế độ mới, nhân dân ta đang trau dồi đạo đức mới, đạo đức xã hội chủ nghĩa của những người lao động "ta vì mọi người, mọi người vì ta".

(Hồ Chí Minh)

I. ĐỌC HIỂU

NGÀY ĐẸP TRỜI

Một ngày mùa hè đẹp trời. Trời nắng và ấm áp. Đối với chúng ta, mỗi ngày đều phải là một ngày tươi đẹp. Thực tế cần phải như vậy. Nhưng chúng ta làm thế nào để ngày của chúng ta là một ngày tươi đẹp? Đó là một câu hỏi rất thú vị và cũng có câu trả lời hay cho câu hỏi đó. Nếu chúng ta có thái độ tích cực khi chúng ta bắt đầu một ngày thì ngày đó sẽ là ngày tươi đẹp đối với chúng ta. Tôi sẽ lấy một ví dụ và câu chuyện là “Hôm nay là một ngày tươi đẹp”.

Có một người đàn ông mù ngồi trên bậc cửa của một toàn nhà với một chiếc mũ đặt bên cạnh chân. Ông ta để một tấm biển trên đó viết: “Tôi là một người mù, xin hãy giúp đỡ tôi!”. Tuy nhiên, chỉ có một vài đồng xu trong chiếc mũ của ông ta. Một người đàn ông đi qua, ông lấy từ trong túi của mình ra mấy đồng xu và bỏ vào chiếc mũ. Tồi ông bảo người mù thay đổi biển đó đi. Người mù rất ngạc nhiên và hỏi: “Thưa ngài, vậy ngài có thể cho tôi biết ngài muốn viết gì lên tấm biển này không?”. Người đàn ông trả lời: “Hôm nay là một ngày đẹp trời nhưng thật tiếc là tôi không nhìn thấy điều đó!”. Và ông ấy nói thêm: “Tôi cũng chỉ nói sự thật thôi. Tôi nói điều ông đã nói nhưng bằng cách khác”. Người mù đồng ý. Người đàn ông xóa dòng chữ và viết lại vào tấm biển. Sau khi viết xong, ông đặt tấm biển xuống để ai đi qua cũng có thể nhìn thấy.

Chỉ một lát sau, chiếc mũ của ông ta đã đầy tiền, rất nhiều người đã dừng lại cho người mù tiền. Buổi chiều, người đàn ông đã đề nghị thay đổi biển quay trở lại xem mọi việc thế nào. Người mù nhận ra tiếng bước chân của ông ta và nói lời cảm ơn chân thành: “Tôi vô cùng cảm ơn ông vì ông đã làm cho ngày hôm nay của tôi trở thành một ngày tươi đẹp”.

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Theo nhà văn, ngày như thế nào là một ngày tươi đẹp?

- a) Trời nắng và ấm áp
- b) Ngày mùa hè
- c) Chúng ta có thái độ tích cực khi chúng ta bắt đầu một ngày

2. Đầu tiên, người đàn ông mù viết gì trên tấm biển?

- a) Tôi gặp khó khăn, hãy giúp đỡ tôi!
- b) Hãy cho tôi ít đồng tiền lẻ.
- c) Tôi là người mù, xin hãy giúp đỡ tôi!

3. Người đàn ông đề nghị viết lại trên tấm biển như thế nào?

- a) Hôm nay là một ngày đẹp trời nhưng thật tiếc tôi không nhìn thấy điều đó!
- b) Hôm nay là một ngày đẹp trời, các bạn thật là may mắn!
- c) Hãy giúp tôi để ngày hôm nay của các bạn trở nên đẹp hơn!

4. Kết quả của việc viết lại trên tấm biển ra sao?

- a) Mũ của người đàn ông mù chỉ có ít tiền.
- b) Người đàn ông mù chỉ nhận được rất ít tiền nhưng cảm thấy vui vì có người quan tâm.
- c) Mũ của người đàn ông mù đầy tiền và ông ta cảm thấy ngày hôm ấy thật là tươi đẹp.

5. Theo em, ý nghĩa câu chuyện là gì?

6. Đối với em, ngày như thế nào là ngày tươi đẹp?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ chỉ mức độ cao của nỗi nhớ như từ *kính khùng* trong câu “Tôi nhớ mẹ kính khùng”.

2. Tìm từ, cụm từ, thành ngữ có tiếng *năng* chỉ năng to.

3. Tìm từ có tiếng *mới* mang nghĩa “*rất mới*”.

4. Trong câu “*Hễ có cơ hội là sẵn sàng khoác ngay cái ba lô to vật vã lên lưng, đi.*”, từ *cơ hội* thuộc từ loại nào?

- a. Danh từ b. Động từ c. Tính từ

5. Câu “*Tôi bây giờ vẫn là một đứa trẻ thích xê dịch.*” thuộc kiểu câu gì?

- a. Câu kể *Ai là gì?*
b. Câu kể *Ai làm gì?*
c. Câu kể *Ai thế nào?*

6. Câu nào sau đây là câu ghép?

- a. *Tôi chạy theo bác ấy đến khu nhà ở góc bệnh viện.*
b. *Đến phòng thứ mười mấy thì tôi hoảng sợ thực sự, đứng khóc âm ỉ ở hành lang.*
c. *Tôi cứ lèo nhèo đòi vào chơi với mẹ nhưng bố kiên quyết không cho vào.*

7. Mỗi dấu phẩy trong câu sau có tác dụng gì?

Trưa, ăn cơm xong, tôi đội chiếc mũ vải, hăm hở bước ra khỏi nhà.

8. Dấu ngoặc kép trong câu *Đó là chuyến “du lịch bụi” đầu tiên của con bé sáu tuổi như tôi có tác dụng gì?*

- a. Trích dẫn lời nói của nhân vật.
b. Báo hiệu từ dùng trong ngoặc kép được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
c. Báo hiệu nguồn trích dẫn.

9. Dòng nào dưới đây viết đúng tên cơ quan tổ chức.

- a) Trường Cao đẳng Mĩ thuật
b) Câu lạc bộ Người cao tuổi Hà Nam
c) Tổ chức Cứu trợ Nhi đồng Anh

d) Dự án nhà máy thủy điện Hòa Bình

10. Xếp các từ ngữ trong ngoặc dưới đây vào 2 nhóm cho phù hợp.

(trẻ thơ, tuổi thơ, trẻ em, trẻ ranh, nhóc con, con nít, trẻ con, nhãi ranh, cháu bé, thiếu nhi, nhi đồng, ranh con)

a) Từ ngữ chỉ trẻ em với thái độ yêu mến, tôn trọng:

b) Từ ngữ chỉ trẻ em với thái độ coi thường:

11. Tìm 2 thành ngữ hoặc tục ngữ nói về trẻ em

12. Gạch dưới những câu văn là lời nói trực tiếp của nhân vật trong 2 đoạn văn sau; dùng dấu ngoặc kép để đánh dấu lời nói trực tiếp đó.

a) Một ý nghĩ vụt đến, Ma-ri-ô hét to: Giu-li-ét-ta, xuống đi! Bạn còn bố mẹ...

b) Thuyền chúng tôi xuôi dòng về hướng Năm Căn. Đó là xứ tiền rừng, biển bạc. Tôi đang đứng trong mũi thuyền bỗng nghe thấy tiếng ba gọi: Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi.

13. Gạch dưới những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt trong đoạn văn sau rồi dùng dấu ngoặc kép để đánh dấu các từ ngữ đó.

Vân được bầu làm lớp trưởng. Cuối giờ học, đám con trai chúng tôi kéo nhau ra một góc, bình luận sôi nổi. Lâm vội nói tương lên:

- Lớp trưởng gì mà vừa gây vừa thấp bé, chả có tí dáng nào...

Quốc lém lên tiếng:

- Lớp trưởng phải nhanh nhẩu, cái Vân cạy răng chẳng nói nửa lời có mà chỉ huy người câm.

III. TẬP LÀM VĂN

Tả một người em mới gặp nhưng để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal dashed lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no other markings or text on the page.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. c 2.c 3.a 4.c

5. Tham khảo:

Câu chuyện muốn nói với chúng ta nếu chúng ta có thái độ tích cực khi bắt đầu một ngày thì ngày đó sẽ là ngày tươi đẹp. Khi gặp khó khăn, nếu chúng ta có một cái nhìn lạc quan thì cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. khủng khiếp, ghê gớm, vô cùng.

2. nắng chang chang, nắng gay gắt, nắng như đổ lửa, nắng vàng mắt.

3. mỗi rữ, mỗi như, mỗi rã rượi.

4. – a; 5. – c;

6. – c.

7. Dấu phẩy thứ nhất: tách 2 trạng ngữ.

Dấu phẩy thứ hai: tách trạng ngữ và vế câu.

Dấu phẩy thứ ba: tách 2 vị ngữ.

8. – b.

11. - Trẻ lên ba, cả nhà học nói.

- Yêu trẻ trẻ đến nhà

Kính già già đề tuổi cho

12.

a) Một ý nghĩ vụt đến, Ma-ri-ô hét to: “Giu-li-ét-ta, xuống đi! Bạn còn bố mẹ...”

b) Thuyền chúng tôi xuôi dòng về hướng Năm Căn. Đó là xứ tiền rừng, biển bạc. Tôi đang đứng trong mũi thuyền bỗng nghe thấy tiếng ba gọi: “Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi.”

13.

Vân được bầu làm lớp trưởng. Cuối giờ học, đám con trai chúng tôi kéo nhau ra một góc, bình luận sôi nổi. Lâm vội nói tướng lên:

- Lớp trưởng gì mà vừa gây vừa thấp bé, chả có tí dáng nào...

“Quốc lém” lên tiếng:

- Lớp trưởng phải nhanh nhẹn, cái Vân “cay rắng” chẳng nói nửa lời có mà chỉ huy người câm.

III. TẬP LÀM VĂN

Tham khảo:

Ngày nào đi học, em cũng đi ngang ngã năm gần nhà. Nơi ấy, xe cộ tập nập suốt ngày đêm. Em thường thấy một chú công an đứng ngay ở bùng binh, không ngừng điều khiển cho xe cộ lưu thông. Tuy nhiên, hôm nay em mới đứng gần chú khi đứng chờ một người bạn. Đây cũng chính là người em mới gặp lần đầu nhưng để lại ấn tượng sâu sắc, khó quên.

Đó là một thanh niên có vóc người cao lớn, vạm vỡ, nước da bánh mật, mặt vuông đầy đặn, đôi mắt sáng, nhanh nhẹn. Cũng như bao chú công an giao thông khác, chú mặc bộ đồ ka ki vàng sậm. Trên chiếc áo ngắn tay cạnh cầu vai có đeo phù hiệu thuộc sắc phục cảnh sát giao thông và trên ngực bảng tên, đơn vị bằng tấm mê-ka nền trắng chữ xanh.

Chú mặc quần tây dài gọn gàng, chân đi giày đen bóng lộn, chiếc thắt lưng bằng da màu nâu to bản hơi lệch về dưới bởi khẩu súng ngắn đeo bên hông kéo xuống, càng tăng thêm vẻ oai vệ, đỉnh đặc của người cảnh sát giao thông giữ gìn trật tự đường phố. Chiếc mũ kết đội trên đầu có đính huy hiệu cảnh sát khiến cho gương mặt của chú vừa oai nghiêm vừa rắn rỏi.

Chú đứng đó như một vị chỉ huy oai vệ. Miệng ngâm còi, hai cánh tay thay một mệnh lệnh, đưa lên, hạ xuống, sang trái sang phải, dòng người và xe cộ cứ thế dừng lại, tuôn đi một cách trật tự, nề nếp. Thỉnh thoảng có một vài chiếc xe máy đậu xe quá vạch sơn trắng nhô lên lấn đường, chú thổi còi ra hiệu lùi lại. Tức thì những chiếc xe ấy vội lùi ra sau vạch trắng ngoan ngoãn như các cậu học sinh vâng lời thầy dạy.

Chú làm việc một cách cẩn mẫn và nghiêm túc, không thiên vị một người nào. Có một lần, ba cô gái ngồi trên một chiếc xe hon-đa vù tới ngã năm nhấn ga bấm còi inh ỏi, làm cho một số người đi đường yếu bóng vía vội dạt vào hai bên lề. Chú công an vội giơ tay ra hiệu, miệng tuýt còi ra lệnh dừng lại. Chiếc xe tạt vào lề. Cả ba cô sượng sùng nói lời xin lỗi.

Chú công an mỉm cười rồi từ từ rút biên lai ghi phạt. Đưa tờ biên lai cho các cô, chú còn dặn thêm: "Lần sau các cô cẩn thận thực hiện đúng luật giao thông không được chờ ba". Lời nói nhẹ nhàng nhưng rất dứt khoát. Cứ thế, chú điều khiển dòng người và xe cộ lưu thông được thuận lợi, không có một tai nạn nào xảy ra ở giao lộ này.

Em rất kính phục phong cách làm việc của chú, vừa có tình lại vừa có lí. Em ước mơ sau này lớn lên, em sẽ đi làm cảnh sát giao thông để giữ gìn an ninh trật tự cho đường phố.



Họ và tên:

Lớp: 5.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 34– MÔN TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG VỐN TỪ: QUYỀN VÀ BỔN PHẬN.

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (Dấu gạch ngang)

VĂN TẢ CẢNH

A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Tập đọc

Lớp học trên đường: Ca ngợi tấm lòng nhân từ, quan tâm giáo dục trẻ của cụ Vi-ta-li, sự khao khát và quyết tâm học tập của cậu bé nghèo Rê-mi.

Nếu trái đất thiếu trẻ con: Tình cảm yêu mến và trân trọng của người lớn đối với thế giới tâm hồn ngộ nghĩnh của trẻ thơ.

2. Luyện từ và câu

a. Mở rộng vốn từ: Quyền và bổn phận của trẻ em

a) Quyền là những điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi: *quyền lợi, nhân quyền*.

b) Quyền là những điều do có địa vị hay chức vụ mà được làm: *quyền hạn, quyền hành, quyền lực, thẩm quyền*.

Câu 2 - Trang 155 SGK

Trong các từ cho dưới đây, những từ nào đồng nghĩa với bổn phận ?

nghĩa vụ, nhiệm vụ, chức vụ, chức năng, chức trách, trách nhiệm, phận sự, địa phận

b. Dấu gạch ngang

Tác dụng của dấu gạch ngang	Ví dụ
Dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói; phần chú thích trong câu	a. Chú Hề vội tiếp lời: - Tất nhiên rồi. Khi một con hươu mất sừng, cái sừng mới sẽ mọc lên. Sau khi đêm thay thế cho ngày, ngày lại thay thế chỗ của đêm. - Mặt trăng cũng như vậy, mọi thứ đều như vậy. Giọng công chúa nhỏ dần, nhỏ dần. Nàng đã ngủ. Chú Hề đắp chăn cho công chúa rồi rón rén ra khỏi phòng. Dùng để đánh dấu phần chú thích trong câu

Dùng để đánh dấu phần chú thích trong câu	b) Đứng ở đây nhìn ra xa, phong cảnh thật là đẹp. Bên trái là đỉnh Ba Vì vòi vọi, nơi Mị Nương Ngọc Hoa - con gái Hùng Vương thứ 18 - theo Sơn Tinh về trấn giữ núi cao. Dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê
Dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê	c) Thiếu nhi tham gia các công tác xã hội: - Tham gia tuyên truyền, cổ động cho các phong trào. - Tham gia Tết trồng cây, làm vệ sinh trường lớp và xóm làng. - Chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, giúp đỡ người già neo đơn, người có hoàn cảnh khó khăn.

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài văn sau:

TÌNH YÊU, GIÀU SANG VÀ SỰ THÀNH CÔNG

Nhà nọ có hai vợ chồng và một cô con gái. Một hôm, có ba người đàn ông râu dài bạc trắng đến ngồi trước cửa nhà họ. Họ không hề quen ai trong số ba người này. Tuy nhiên vốn là những người tốt bụng, họ nói: “Chúng tôi không biết các ông nhưng chắc các ông đang rất đói, xin mời các ông vào nhà ăn một chút gì đó.”

- Ba chúng tôi không thể vào nhà ông bà cùng một lúc được. – Họ trả lời.

- Sao lại thế? – Cả hai vợ chồng ngạc nhiên hỏi.

Một người giải thích: “Tên tôi là Tình yêu, ông này là Giàu sang, còn ông kia là Thành Công. Bây giờ xin các vị quyết định xem ai trong chúng tôi sẽ là người được mời vào nhà.”

- Tuyệt thật! – Người chồng vui mừng. – Đây đúng là một cơ hội tốt. Chúng tôi hãy mời ngài Giàu Sang. Ngày sẽ ban cho chúng ta thật nhiều tiền bạc và của cải!

Người vợ không đồng ý: “Thế tại sao chúng ta không mời ngài Thành Công nhỉ? Chúng ta sẽ có quyền cao chức trọng và được mọi người kính nể”.

Hai vợ chồng tranh cãi một lúc lâu mà vẫn chưa ai quyết định được. Cô con gái này giờ yên lặng đứng nghe bèn lên tiếng đề nghị: “Chúng ta nên mời ngài Tình Yêu là tốt hơn cả. Nhà mình tràn ngập tình thương yêu ấm áp và ngài sẽ cho chúng ta thật nhiều hạnh phúc”.

- Có lẽ chúng ta nên nghe lời khuyên của con gái. – Người chồng suy nghĩ rồi nói với vợ. – Em hãy mời ngài Tình Yêu, đây là người khách mà chúng ta mong muốn.

Người phụ nữ ra ngoài và hỏi: “Ai trong ba vị là thần Tình Yêu, xin mời hãy vào và trở thành khách của chúng tôi!”

Thần Tình Yêu đứng dậy và đi vào ngôi nhà. Hai vị thần còn lại đứng dậy và đi theo thần Tình Yêu.

Vô cùng ngạc nhiên, người phụ nữ hỏi: “Tôi chỉ mời ngài Tình Yêu, tại sao các ông cũng vào? Các ông nói không thể nào vào cùng một lúc kia mà?”

Hai người cùng nhau trả lời: “Nếu bà mời Giàu Sang hoặc Thành Công thì chỉ có một người khách được vào. Nhưng vì bà mời Tình Yêu nên cả ba chúng tôi đều vào. Bởi vì ở đâu có Tình Yêu thì ở đó sẽ có Thành Công và Giàu Sang”.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Tại sao khi được mời vào nhà, ba vị thần lại không vào?
 - a. Vì họ không thể vào cùng một lúc.
 - b. Vì họ không biết ai sẽ được mời.
 - c. Vì họ không đói.
2. “Mời vị thần Tình Yêu” là ý kiến của ai?
 - a. Của người vợ
 - b. Của người chồng
 - c. Của người con
3. Câu nói “Bởi vì ở đâu có Tình Yêu thì ở đó sẽ có Giàu Sang và Thành Công” có nghĩa là gì?
 - a. Tình Yêu là quan trọng nhất. Nó là cội nguồn sinh ra giàu sang và sự thành công.
 - b. Nếu không Giàu Sang và Thành Công thì không có hạnh phúc, không có tình yêu.
 - c. Sẽ không thể hạnh phúc nếu không có Tình Yêu, Giàu Sang và Thành Công.
4. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

a. Hãy sống tốt bụng với tất cả mọi người để luôn được tình yêu, giàu sang và thành công đến “gỗ cửa” của mình.

b. c. Sống trên đời cần thiết phải có cả ba thứ Tình Yêu, Giàu Sang và Thành Công.

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ đồng nghĩa với từ *ngạc nhiên*.

2. Từ *lời khuyên* thuộc từ loại gì?

a. Danh từ

b. Động từ

c. Tính từ

3. Câu sau thuộc kiểu câu gì xét về mặt cấu tạo?

Chúng tôi không biết các ông nhưng chắc là các ông đang rất đói, xin mời các ông vào nhà ăn một chút gì đó.

a. Câu đơn

b. Câu ghép chính phụ

c. Câu ghép đẳng lập

4. Câu “Ai trong ba vị là thần Tình Yêu, xin mời hãy vào và trở thành vị khách của chúng tôi!” thuộc kiểu câu gì?

a. Câu hỏi

b. Câu kể

c. Câu cầu khiến

5. Dấu gạch ngang trong hai câu sau có nhiệm vụ gì?

Hai vợ chồng đều muốn mời cả ba người đàn ông – vẫn đang ngồi ở nhà họ - vào nhà.

Tuyệt thật! – Người chồng vui mừng. – Đây đúng là một cơ hội tốt.

a. Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.

b. Đánh dấu phần chú thích trong đoạn liệt kê

c. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

6. Hai câu “Vì bà mời Tình Yêu nên cả ba chúng tôi đều vào. Bởi vì ở đâu có Tình yêu thì ở đó sẽ có Thành Công và Giàu Sang.” Liên kết với nhau bằng biện pháp gì?

a. Phép lặp và phép thế.

b. Phép lặp và phép nối.

c. Phép thế, phép nối và phép lặp.

7. Dòng nào dưới đây viết đúng tên cơ quan, tổ chức:

a) Hội chữ thập đỏ Việt Nam.

b) Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

c) Tổ chức y tế thế giới.

d) Ban chỉ huy Liên đội Trường Tiểu học Lê Văn Tám.

e) Văn phòng Chính phủ.

8. Viết tên 2 cơ quan, tổ chức địa phương mà em biết.

9. Viết 4 quyền mà trẻ em Việt Nam được hưởng theo quy định của pháp luật.

10. Ý nào dưới đây đồng nghĩa với “quyền lực”?

a) Quyền công dân

b) Quyền hạn

c) Quyền hành

d) Quyền binh

e) Quyền thế

f) Quyền lợi

11. Ý nào dưới đây đồng nghĩa với “bồn phận”?

a) Nhiệm vụ

b) Chức vụ

c) Chức phận

d) Nghĩa vụ

e) Trách nhiệm

f) Thân phận

12. Nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp dưới đây:

a) Vị giáo sĩ râu tóc bạc phơ nhìn vào mắt Ha-li-ma hồi lâu rồi bảo:

- Nếu con đem được ba sợi lông bờm của một con sư tử sống về đây, ta sẽ nói cho con bí quyết.

b) Một hôm, có hai người đàn bà đến công đường. Một người meo máo:

- Bẩm quan, con mang vải đi chợ, bà này hỏi mua rồi cướp luôn bảo là của mình.

Người kia cũng rung rung nước mắt:

- Tấm vải là của con, bà này lấy trộm.

III. TẬP LÀM VĂN

Đề bài: Tả một cảnh đẹp của quê hương em.

Bài làm

Handwriting practice lines consisting of multiple sets of horizontal dashed lines for tracing and solid lines for writing.

1

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU

1. – a; 2. – c; 3. – a;

4. *Hãy luôn sống trong tình yêu thương lẫn nhau. Nơi đâu tràn ngập tình yêu thương ấm áp, nơi đó sẽ có tràn đầy hạnh phúc, giàu sang và thành công.*

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. sừng sốt, bàng hoàng, lầy lầm lự

2. – a; 3. – c; 4. – c; 5. – b; 6. – b.

9. Viết 4 quyền mà trẻ em Việt Nam được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Quyền được khai sinh và có quốc tịch
- Quyền được chăm sóc và nuôi dưỡng.
- Quyền sống chung với cha mẹ
- Quyền được chăm sóc sức khỏe
- Quyền được học tập
- Quyền được vui chơi giải trí

10. c,d,e

11. a, c, d, e

12.

Dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói

III. TẬP LÀM VĂN

Dàn Ý

1. Mở bài: Giới thiệu cảnh đẹp mà em yêu thích: Cảnh gì? ở đâu? Em đến vào dịp nào? (Một buổi sáng đẹp trời, tôi dạo bước trên đường làng quen thuộc và ngắm nhìn cánh đồng lúa chín vàng rộng mênh mông).

2. Thân bài:

a) Tả bao quát:

Màu sắc, mùi vị chung của toàn cảnh (rộng, hẹp...) như thế nào? (Buổi không khí trong lành, mát mẻ. Mùi lúa chín thơm ngào ngạt làm tôi sáng khoái hẳn lên. Lúa trải dài mênh mông như tấm lụa vàng...).

b) Tả chi tiết:

- Cảnh miêu tả cụ thể qua không gian, thời gian, màu sắc, hương vị... (Những thửa ruộng nối tiếp nhau. Giữa cánh đồng là những con kênh dẫn nước, lúa chín vàng, hạt nào hạt nấy căng tròn, mình chắc mẩy...).

- Sinh hoạt của con người trong cánh (Các bác nông dân ra đồng sớm. Trên vai quang gánh, tay cầm liềm... Các bác vừa đi vừa trò chuyện vui vẻ, bắt đầu một ngày làm việc mới).

3. Kết bài: Cảm nghĩ của em đối với cảnh đẹp đã tả (yêu mến, nhiều kỉ niệm, gắn bó, mong có dịp trở lại...); (Đứng giữa cánh đồng như đứng giữa một khu rừng thu nhỏ, hứa hẹn một mùa bội thu).

Bài tham khảo:

Chắc hẳn quê hương ai cũng có những cảnh đẹp mà luôn in sâu trong tâm trí mình. Đó có thể đơn giản chỉ là cánh đồng lúa hay dòng sông quê. Còn đối với riêng tôi được sinh ra và lớn lên trên vùng đất mà được gắn liền với một đảo nổi tiếng đó chính là vịnh Hạ Long. Đó chính là một điều tự hào của riêng tôi về quê hương mình.

Nếu đến với vịnh Hạ Long bạn sẽ được chứng kiến những khung cảnh đẹp lạ lùng mà có lẽ không một nơi nào trên thế giới có được vẻ đẹp hoang sơ huyền ảo. Điểm đến đầu tiên nếu bạn đến với nơi đây chính là đảo Đầu Gỗ cách bến cảng khoảng chừng 4 km. Nếu đi tàu sẽ mất khoảng 25 phút sẽ được chiêm ngưỡng các động nổi tiếng nhất của di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Đó là động Thiên Cung và hang Đầu Gỗ là hai hang động mà du khách nào khi đến đây cũng không thể bỏ qua.

Động Thiên Cung là một trong những hang động khổng lồ và nổi tiếng nhất vịnh Hạ Long và có nhiều người biết đến, những gì nhìn thấy trong hang động sẽ khiến bạn kinh ngạc và sửng sốt từ đầu đến cuối hang động khiến bạn không tin vào mắt mình. Mới hay Hạ Long đậm chất tuyệt vời ở sông nước và cả đất trời. Nếu chỉ đi từ bên ngoài những người mới đến thật khó có thể biết rằng nằm trong hàng trăm, hàng ngàn những núi đá lừng lững thẳng tắp mà rù bóng xuống biển xanh kia là không biết bao nhiêu các hang động lớn nhỏ. Mỗi lâu đài là một kiến trúc vô cùng tinh xảo của tạo hóa.

Có những hang động đã được lưu vào lịch sử hàng trăm triệu năm. Trong hang động đâu đâu cũng thấy vô vàn các hang động cùng những hình dạng kì lạ khiến cho du khách có thể thỏa sức cho trí tưởng tượng bay bổng. Dưới vòm động vút cao trong bầu trời như xanh như nước ngọc ta cảm thấy như lạc vào chốn thiên nhiên bồng lai tiên. Mỗi vách đá dường như là một kiệt tác, bức tranh hoành tráng của một nhà điêu khắc tài ba. Dưới vòm động vút cao trong bầu trời như xanh như nước ngọc ta cảm thấy như lạc vào chốn thiên nhiên bồng lai tiên. Từ trên cao nhìn xuống vịnh Hạ Long như một bức tranh thủy mặc không lồ vô cùng sống động. đảo thì giống như ai đó đang hướng về phía đất liền, đảo thì giống như một con rồng khổng lồ giữa sóng nước mênh mông. Những điều kì diệu ấy biến hóa không ngừng theo mỗi góc nhìn khác nhau khiến ta như mơ như thực.

Đến với vịnh bạn sẽ được người dân nơi đây tiếp đãi một cách nhiệt tình lắm đấy. Đó chính là những khung cảnh tuyệt đẹp của quê hương tôi mà mỗi lần đi đâu xa tôi đều nhớ.

Họ và tên:

Lớp: 5.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 35- MÔN TIẾNG VIỆT



ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7điểm)

NGƯỜI CHẠY CUỐI CÙNG

Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tôi thường diễn ra vào mùa hè.

Nhiệm vụ của tôi là ngồi trong xe cứu thương, theo sau các vận động viên, phòng khi có ai đó cần được chăm sóc y tế. Khi đoàn người tăng tốc, nhóm chạy đầu tiên vượt lên trước. Chính lúc đó hình ảnh một người phụ nữ đập vào mắt tôi. Tôi biết mình vừa nhận diện được “người chạy cuối cùng”. Bàn chân chị ấy cứ chum vào mà đầu gối cứ đưa ra. Đôi chân tật nguyền của chị tưởng chừng như không thể nào bước đi được, chứ đừng nói là chạy. Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thở dùm cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên. Người phụ nữ vẫn kiên trì tiến tới, quả quyết vượt qua những mét đường cuối cùng. Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chậm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”. Liền sau đó mọi việc trở nên nhẹ nhàng đối với tôi.

Theo John Ruskin

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất cho các câu từ câu 1 đến câu 4 và trả lời các câu còn lại.

Câu 1. Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tác giả thường tổ chức vào mùa nào?

A .Mùa xuân

B. Mùa hè

C. Mùa thu

D. Mùa đông

Câu 2 : Nhiệm vụ của nhân vật “tôi” trong bài là:

A. Đi thi chạy.

B. Đi điều hành.

C. Đi cổ vũ.

D. Chăm sóc y tế cho vận động viên.

Câu 3: “*Người chạy cuối cùng*” trong cuộc đua có đặc điểm gì?

A. Là một em bé .

B . Là một cụ già .

C .Là một người phụ nữ có đôi chân tật nguyền.

D. Là một người đàn ông mập mạp.

Câu 4: Nội dung chính của câu chuyện là:

A. Ca ngợi người phụ nữ đã vượt qua được khó khăn, vất vả giành chiến thắng trong cuộc thi.

B. Ca ngợi người phụ nữ có đôi chân tật nguyền có nghị lực và ý chí đã giành chiến thắng trong cuộc thi chạy.

C. Ca ngợi tinh thần chịu thương, chịu khó của người phụ nữ.

D. Ca ngợi sự khéo léo của người phụ nữ.

Câu 5: Mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tác giả lại nghĩ đến ai?

.....

.....

.....

Câu 6: Em rút ra bài học gì khi đọc xong bài văn trên ?

.....

.....

.....

Câu 7: Khoanh vào chữ cái trước từ đồng nghĩa với từ “*kiên trì*”?

A. nhẫn nại

B. chán nản

C. dững cãm

D. hậu đậu

Câu 8: Dấu phẩy trong câu văn : “*Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường.*” có tác dụng gì?

.....

.....

.....

Handwriting practice lines consisting of multiple sets of three horizontal lines (top, middle, and bottom lines) for letter formation.

ĐÁP ÁN

2- Phần đọc thầm và làm bài tập: (7 điểm)

Các câu 1,2,3,4,7 đúng mỗi câu được 0,5 điểm

Câu 1 : B

Câu 2 : D

Câu 3 : C

Câu 4 : B

Câu 7: A

Câu 5 : (1 điểm) Tác giả nghĩ đến người phụ nữ có đôi chân tật nguyền đã chiến thắng cuộc thi . (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)

Câu 6: (1 điểm) Bài học rút ra là cần phải quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng bản thân, có như vậy mọi công việc sẽ đạt kết quả tốt đẹp. (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)

Câu 8 : (0,5 điểm) Dấu phẩy trong câu có tác dụng ngăn cách các vế trong câu ghép.

Câu 9: (1 điểm) Tìm đúng 2 trong các từ sau: chật vật, quả quyết, âm ỉ, chậm chạp, phấp phới, nhẹ nhàng , khó khăn.

Câu 10: (1 điểm : Phân tích đúng: 0,5 điểm và trả lời đúng 0,5 điểm)

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tương như

TN

không thể làm được, tôi / lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”. Đây là câu đơn

CN

VN

Bài văn tham khảo:

Mở bài:

-Buổi sáng, em thích đến trường sớm để ngắm cảnh toàn trường.

Thân bài:

Tả bao quát:

- Nhìn từ xa, ngôi trường như một cánh cổng thần kì đưa em đến với bao điều mới lạ.
- Mọi cảnh vật như sáng hơn, đẹp hơn bởi ánh nắng ban mai mát dịu.

Tả chi tiết:

- Bây giờ, trước mắt em là sân trường thưa thớt người.
- Chỉ nghe đâu đây những tiếng đá cầu vang dội.
- Đứng trên hành lang tầng 2 nhìn xuống, những học sinh đi sớm đuổi chạy nhau như cánh bướm trắng dập dờn trên cánh đồng hoa.
- Nhiều chú chim bay nhảy, hót líu lo trên cánh hoa phượng đỏ rực một vòm trời.
- Khung cảnh một lúc càng sôi nổi, nhộn nhịp bởi học sinh đến trường ngày càng đông.
- Những bạn nam thi nhau bắn bi, đánh cầu.
- Những bạn nữ thì ngồi trên ghế đá trò chuyện, học thuộc lòng bài cũ.
- Một lát sau, tiếng trống quen thuộc báo hiệu giờ vào lớp cất lên.
- Các học sinh tập trung trước sân trường để chuẩn bị tập thể dục đầu giờ, rồi vào lớp học một tiết học đầy hứng thú.

Kết bài:

- Quang cảnh buổi sáng ở trường thật đẹp
- Mai đây, dù phải xa ngôi trường thân yêu này, nhưng em vẫn nhớ về những thời gian em đã được học với thầy cô, với mái trường mến yêu.

MỘT SỐ ĐỀ CUỐI HỌC KÌ II

ĐỀ 1

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Đọc bài văn sau:

CHIM HỌA MI HÓT

Chiều nào cũng vậy, con chim họa mi ấy không biết từ phương nào bay đến đậu trong bụi tầm xuân ở vườn nhà tôi mà hát.

Hình như nó vui mừng vì suốt ngày đã được tha hồ rong ruổi bay chơi trong khắp trời mây gió, uống bao nhiêu nước suối mát lành trong khe núi. Cho nên những buổi chiều tiếng hát có khi êm đềm, có khi rộn rã, như một điệu đàn trong bóng xế mà âm thanh vang mãi giữa tĩnh mịch, tưởng như làm rung động lớp sương lạnh mờ mờ rủ xuống cỏ cây.

Hót một lúc lâu, nhạc sĩ giang hồ không tên không tuổi ấy từ từ nhắm hai mắt lại, thu đầu vào lông cổ, im lặng ngủ, ngủ say sưa sau một cuộc viễn du trong bóng đêm dày.

Rồi hôm sau, khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hát vang lòng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hát, tựa hồ nó muốn các bạn xa gần đều đó lắng nghe. Hót xong, nó xù lông rũ hết những giọt sương rồi nhanh nhẹn chuyển từ bụi nọ sang bụi kia, tìm vài con sâu ăn lót dạ, đoạn vỗ cánh bay vút đi.

(Theo Ngọc Giao)

Câu 1: (1 điểm) Con chim họa mi từ đâu bay đến?

- A. Từ phương Bắc.
- B. Từ phương Nam.
- C. Từ trên rừng.
- D. Không rõ từ phương nào.

Câu 2: (0,5 điểm) Những buổi chiều, tiếng hát của chim họa mi như thế nào?

- A. Trong trẻo, réo rắt.
- B. Êm đềm, rộn rã.
- C. Lảnh lót, ngân nga.
- D. Buồn bã, nỉ non.

Câu 3: (0,5 điểm) Chú chim họa mi được tác giả ví như ai?

- A. Nhạc sĩ tài ba.
- B. Nhạc sĩ giang hồ.
- C. Ca sĩ tài ba.
- D. Ca sĩ giang hồ.

Câu 4: (0,5 điểm) Hãy miêu tả lại cách ngủ của chim họa mi?

.....

.....

.....

.....

.....**Câu 5:** (0,5 điểm) *Vì sao buổi sáng con chim họa mi lại kéo dài cổ ra mà hót?*

- A. Vì nó muốn khoe khoang giọng hót của mình.
- B. Vì nó muốn đánh thức muôn loài thức dậy.
- C. Vì nó muốn luyện cho giọng hay hơn.
- D. Vì nó muốn các bạn xa gần lắng nghe.

Câu 6: (1 điểm) *Nội dung chính của bài văn trên là gì?*

.....

.....

.....

.....

.....**Câu 7:** (0,5 điểm) *Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ **tĩnh mịch**?*

- A. im lặng
- B. thanh vắng
- C. âm thầm
- D. lạnh lẽo

Câu 8: (1 điểm) *Dòng nào dưới đây có các từ in đậm là từ nhiều nghĩa?*

- A. Nó không biết tự phương nào **bay** đến / Cậu ấy đánh **bay** mấy bát com.
- B. Nó từ từ nhắm hai **mắt** / Quả na đã mở **mắt**.
- C. Con họa mi ấy lại **hót** / Bạn Lan đang **hót** rác ở góc lớp.
- D. Nó xù lông **rũ** hết những giọt sương / Chú mèo nằm ủ **rũ** ở góc bếp.

Câu 9: (0,5 điểm) *Hai câu: “**Khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lòng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hót, tựa hồ nó muốn các bạn xa gần đâu đó lắng nghe.**” được liên kết với nhau bằng cách nào?*

- A. Liên kết bằng cách lặp từ ngữ .
- B. Liên kết bằng cách thay thế từ ngữ.
- C. Liên kết bằng từ ngữ nối.

Câu 10: (1 điểm) *Gạch chân dưới bộ phận vị ngữ trong câu văn sau:*

Rồi hôm sau, khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lòng chào nắng sớm.

II - Phần viết:

1. Chính tả nghe - viết (2 điểm, 15 – 20 phút) : Bài "**Buổi sáng ở thành phố Hồ Chí Minh**" (TV5 - Tập 2 / Tr.132). Viết đoạn: "*Mảng thành phố...òà tươi trong nắng sớm*"

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 . Tập làm văn (8 điểm, 30 - 35 phút): Hãy tả một ngày mới bắt đầu ở quê em.

Bài làm

[illegible]

ĐỀ 2

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3điểm)
2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7điểm)

Đọc bài văn sau:

NGÀY ĐẸP TRỜI

Một ngày mùa hè đẹp trời. Trời nắng và ấm áp. Đối với chúng ta, mỗi ngày đều phải là một ngày tươi đẹp. Thực tế cần phải như vậy. Nhưng chúng ta làm thế nào để ngày của chúng ta là một ngày tươi đẹp? Đó là một câu hỏi rất thú vị và cũng có câu trả lời hay cho câu hỏi đó. Nếu chúng ta có thái độ tích cực khi chúng ta bắt đầu một ngày thì ngày đó sẽ là ngày tươi đẹp đối với chúng ta. Tôi sẽ lấy một ví dụ và câu chuyện là “Hôm nay là một ngày tươi đẹp”.

Có một người đàn ông mù ngồi trên bậu cửa của một toà nhà với một chiếc mũ đặt bên cạnh chân. Ông ta để một tấm biển trên đó viết: “Tôi là một người mù, xin hãy giúp đỡ tôi!”. Tuy nhiên, chỉ có một vài đồng xu trong chiếc mũ của ông ta. Một người đàn ông đi qua, ông lấy từ trong túi của mình ra mấy đồng xu và bỏ vào chiếc mũ. Tồi ông bảo người mù thay đổi biển đó đi. Người mù rất ngạc nhiên và hỏi: “Thưa ngài, vậy ngài có thể cho tôi biết ngài muốn viết gì lên tấm biển này không?”. Người đàn ông trả lời: “Hôm nay là một ngày đẹp trời nhưng thật tiếc là tôi không nhìn thấy điều đó!”. Và ông ấy nói thêm: “Tôi cũng chỉ nói sự thật thôi. Tôi nói điều ông đã nói nhưng bằng cách khác”. Người mù đồng ý. Người đàn ông xóa dòng chữ và viết lại vào tấm biển. Sau khi viết xong, ông đặt tấm biển xuống để ai đi qua cũng có thể nhìn thấy.

Chỉ một lát sau, chiếc mũ của ông ta đã đầy tiền, rất nhiều người đã dừng lại cho người mù tiền. Buổi chiều, người đàn ông đã đề nghị thay đổi biển quay trở lại xem mọi việc thế nào. Người mù nhận ra tiếng bước chân của ông ta và nói lời cảm ơn chân thành: “Tôi vô cùng cảm ơn ông vì ông đã làm cho ngày hôm nay của tôi trở thành một ngày tươi đẹp”.

SU'U TÂM

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

7. Đầu tiên, người đàn ông mù viết gì trên tấm biển?

- a) Tôi gặp khó khăn, hãy giúp đỡ tôi! b) Hãy cho tôi ít đồng tiền lẻ.
c) Tôi là người mù, xin hãy giúp đỡ tôi!

8. Người đàn ông đề nghị viết lại trên tấm biển như thế nào?

- d) Hôm nay là một ngày đẹp trời nhưng thật tiếc tôi không nhìn thấy điều đó!
- e) Hôm nay là một ngày đẹp trời, các bạn thật là may mắn!
- f) Hãy giúp tôi để ngày hôm nay của các bạn trở nên đẹp hơn!

9. Kết quả của việc viết lại trên tấm biển ra sao?

- d) Mũ của người đàn ông mũ chỉ có ít tiền.
- e) Người đàn ông mũ chỉ nhận được rất ít tiền nhưng cảm thấy vui vì có người quan tâm.
- f) Mũ của người đàn ông mũ đầy tiền và ông ta cảm thấy ngày hôm ấy thật là tươi đẹp.

10.Theo em, ý nghĩa câu chuyện là gì?

11.Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a) Chăm sóc bà mẹ và là nhiệm vụ của toàn xã hội.
- b) Toàn là một kĩ sư vừa mới ra trường.
- c) Tình tình nó cònquá.
- d) Bác ấy đã năm mươi tuổi rồi, chứ còn gì nữa mà kén chọn.

(trẻ con, trẻ em, trẻ măng, trẻ trung)

12.Mỗi từ ngữ in đậm dưới đây thay thế cho từ ngữ nào? Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để có câu trả lời:

Cả nhà em ai cũng yêu thích hoa hồng. Mỗi khi **hoa** nở, mọi người thấy vui hơn. Thật sung sướng khi ngắm sự rụt rè, e lệ rất đáng yêu của **nó**. Ban đầu, **hoa** chỉ hơi hé hé để mọi người cúi xuống ngắm nhìn rồi sau đó, từng cánh từng cánh bung nở. Thế là thế nào cũng có một vài chú ong sà ngay xuống. **Chúng** lượn qua lượn lại, bay về vè trên nụ hoa vừa nở rồi bắt thần đậu luôn vào trong đó. **Cả lũ** thi nhau thưởng thức phấn hoa và không quên dính đầy vào chân đem về tổ. Ngắm hoa nở, ngắm ong bay, ai cũng thấy lòng bình yên lạ lùng.

- a) Các từ,, thay thế cho từ
- b) Các từ,, Thay thế cho từ ngữ.....

13.Diễn dấu gạch ngang vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau:

- a) Sài Gòn hòn ngọc của Viễn Đông vẫn đang hàng ngày thay da đổi thịt.
- b) Bé Na cô con gái út của chú tôi có đôi má giống như hai quả cà chua.
- c) “Đừng la cà con nhé, nhớ về đúng hẹn!” Bố dặn với theo khi tôi ra khỏi nhà.
- d) Bé hỏi:
Chích bông ơi, chích bông làm gì thế?
Chim trả lời:
Chúng em đi bắt sâu.

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): **Bài viết:** (2 điểm) **Ngày đẹp trời**
(Viết đoạn: Từ đầu đến *một ngày tươi đẹp.*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Tả một người ở nơi em sinh sống (chú công an, chú dân phòng, bác tổ trưởng, bà cụ bán hàng,...)

Bài làm

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features multiple horizontal rows, each defined by two parallel dashed lines. The lines are evenly spaced across the entire page, providing a guide for handwriting practice. There is no text or other markings on the paper.

ĐỀ 3

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Đọc bài văn sau:

TIẾNG ĐỒNG QUÊ

Về mùa xuân, khi mưa phùn và sương sớm lẫn vào nhau không phân biệt được thì cây gạo ngoài cổng chùa, lối vào chợ quê, bắt đầu bật ra những đóa hoa đỏ hồng, làm sáng bừng lên một góc trời, tiếng đàn chim sáo về ríu rít như một cái chợ vừa mở, một lớp học vừa tan, một buổi liên hoan đàn ca sắp bắt đầu... Nghe nó mà xốn xang mãi không chán. Chúng chuyện trò râm ran, có lẽ mỗi con đều có chuyện riêng của mình giữ mãi trong lòng nay mới được thổ lộ cùng bạn bè, nên ai cũng nói, cũng lắm lời, bắt chấp bạn có lắng nghe hay không.

Ngoài đê, ven ruộng ngô cánh bãi, xanh um một màu lá mướt của ngô xen đỗ xen cà, lại có tiếng chim khác. Nó khoan thai, diu dặt như ngón tay thon thả búng vào dây đàn thập lục, nảy ra tiếng đồng tiếng thép lúc đầu vang to sau đó nhỏ dần rồi tắt lịm. Đó là con chim vót vẹt. Nó cứ vang lên như tha thiết, gọi một người nào, mách một điều gì giữa bầu trời trong sáng vừa được rửa sạch sớm nay.

Khác thế bắt đầu nắng lên, tiếng con chim này mới khác khoải làm sao. Nó thồn thức, da diết. Đó là con chim tu hú. Nó kêu cho nắng về, cho rặng vải ven sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, niềm ngọt ở lại. Nó thêm khát cái gì nhỉ mà năm nào nó cũng phải gọi xa gọi gần thế?

Con chào mào lịch tích, chí chèo. Con sơn ca vút lên lạnh lót như có một sợi tơ nối giữa bầu trời và mặt đất, đó là tiếng hót không có gì có thể so sánh. Con diều hâu màu nâu lợn như một chiếc tàu lợn thể thao trong im lặng làm ớn lạnh cả đàn gà con. Còn cánh cò thì họa hoằn mới cất lên một tiếng thì dài vang tít vào vô tận, thăm sâu, mà đôi cánh cứ chớp mãi không đuổi kịp.

Đồng quê yên ả. Đồng quê yêu thương. Có bao nhiêu là tiếng nói, tiếng gọi ta về sống lại một thời thơ ấu êm đềm, dù cho ta ở một phương trời nào xa lắc. Rồi ta tự lắng nghe trong lòng ta những tiếng đồng quê thân thương ấy cứ cất lên vô hình trong sâu thẳm tim ta... Ôi khúc nhạc muôn đời. Tim ta ơi, phải thế không?

Theo B"ng S-n.

Khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng hoặc điền câu trả lời vào chỗ trống:

Câu 1 (0,5 đ) Tác giả miêu tả tiếng đồng quê vào mùa nào?

- a. Mùa xuân b. Mùa thu c. Mùa hè

Câu 2 (0,5 đ) Câu nào cho biết cây gạo làm thay đổi cảnh làng quê?

- a. Cây gạo đứng ngoài cổng chùa, lối vào chợ quê.
b. Cây gạo bắt đầu bật ra những chùm hoa đỏ hồng.
c. Hoa gạo làm sáng bừng một góc trời quê.

Câu 3 (0,5 đ) Dòng nào nêu đúng âm thanh ở đồng quê được miêu tả trong bài?

- Tiếng mõ trâu lóc cóc về chuồng, tiếng chim sáo vi vu, tiếng thoi dệt vải lách cách.
- Tiếng mấy bà đi chợ râm ran, tiếng học sinh ríu rít tan trường, tiếng đàn ca, tiếng, tiếng đàn gà con líu ríu.
- Tiếng đàn chim sáo ríu rít, tiếng chim vẹt khoan thai dịu dặt, tiếng chim tu hú khắc khoải, tiếng chào mào lách rích, tiếng sơn ca lãnh lót.

Câu 4 (0,5 đ) Dòng nào miêu tả tiếng chim sáo?

- Tiếng hót vút lên lãnh lót như có sợi tơ nốt bầu trời và mặt đất.
- Ríu rít như một cái chợ vừa mở, một lớp học vừa tan, một buổi liên hoan đàn ca sắp bắt đầu.
- Trò chuyện râm ran, con nào cũng nói, cũng lẩm lờ.

Câu 5 (0,5 đ) Tiếng chim vẹt vẹt được miêu tả bằng những hình ảnh nào?

- Khoan thai, dịu dặt như ngón tay thon thả búng vào dây đàn thập lục, nảy ra tiếng đồng tiếng thép lúc đầu vang to sau đó nhỏ dần rồi tắt lịm.
- Vang lên như tha thiết, gọi một người nào, mách một điều gì giữa bầu trời trong sáng.
- Ngân dài vô tận, sâu thẳm

Câu 6 (0,5 đ) Tiếng hót của tu hú gợi tả hình ảnh gì?

- Ruộng ngô xanh um.
- Một phương trời xa lắc.
- Nặng nề, rặng vải ven sông chín đỏ.

Câu 7 (0,5 đ) Em hãy cho biết đoạn cuối của bài văn nói lên điều gì?

.....

Câu 8 (0,5 đ) Nội dung của bài văn là gì?

- Tả tiếng hót của các loài chim vào mùa xuân.
- Tả cánh đồng mùa xuân với những âm thanh quen thuộc.
- Miêu tả những âm thanh thân thương của đồng quê và cảm xúc yêu thương của tác giả đối với quê hương.

Câu 9 (0,5 đ) Các từ được gạch dưới trong câu sau thuộc loại từ gì?

Nghe nó mà xốn xang mãi không chán.

.....

Câu 10 (0,5 đ) Đặt câu với từ với từ “xốn xang”

.....

Câu 11 (0,5 đ) Câu ghép sau có mấy vế câu?

Làng mạc bị tàn phá nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về.

- 2 vế câu
- 3 vế câu
- 4 vế câu

Câu 12 (0,5 đ) Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau:

Con sơn ca vút lên lãnh lót như có một sợi tơ nốt giữa bầu trời và mặt đất, đó là tiếng hót không có gì có thể so sánh.

Câu 13 (0,5 đ) Hai câu văn sau được liên kết với nhau bằng cách nào?

Con chim tu hú kêu cho nắng về, cho rặng vải ven sông chín đỏ. Nó thèm khát cái gì mà năm nào nó cũng phải gọi xa gọi gần thế?

- a. Thay thế từ ngữ b. Lặp từ ngữ c. Dùng từ ngữ nổi

Câu 14 (0,5 đ) Nêu tác dụng của dấu phẩy thứ hai trong câu sau:

Ngoài đê, ven ruộng ngô cánh bãi, xanh um một màu lá mướt của ngô xen đỏ xen cà.

.....
II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): **Bài viết:** (2 điểm) **Tiếng đồng quê**

(Viết đoạn: Từ đầu đến *xón xang mãi không chán.*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 . Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Hãy miêu tả cô giáo (hoặc thầy giáo) của em trong một giờ học mà em nhớ nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 4

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. *Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)*

2. *Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)*

Đọc bài văn sau:

HAI MẸ CON

Lần đầu mẹ đưa Phương vào lớp 1, cô giáo kêu mẹ ký tên vào sổ, mẹ bẽn lẽn nói: “Tôi không biết chữ!”. Phương thương mẹ quá! Vì vậy, nó quyết định học cho biết chữ để chỉ giúp mẹ cách ký tên.

Sáng nào mẹ cũng đưa Phương đến lớp. Bữa đó, đi ngang qua đoạn lộ vắng giữa đồng, hai mẹ con chợt thấy cụ Tám nằm ngất bên đường. Mẹ nói: “Tội nghiệp cụ sống một mình”. Rồi mẹ bảo Phương giúp mẹ một tay đỡ cụ lên, chở vào bệnh viện.

Hôm ấy, lần đầu Phương đến lớp trễ, cô giáo lấy làm lạ, hỏi mãi, Phương không dám nói, trong đầu nó nghĩ: Lỗi tại mẹ! Nó lo bị nêu tên trong tiết chào cờ đầu tuần, bởi vi phạm nội quy. Nó thấy giận mẹ. Về nhà, Phương không ăn cơm, nó buồn và hơi ngúng nguẩy. Mẹ dịu dàng dỗ dành, Phương vừa khóc vừa kể lại chuyện. Mẹ nói: “Không sao đâu con, để ngày mai mẹ xin lỗi cô giáo.”

Hôm sau, mẹ dẫn Phương đến lớp. Chờ cô giáo tới, mẹ nói điều gì với cô, cô cười và gật đầu. Tiết chào cờ đầu tuần đã đến. Phương giật thót mình khi nghe cô hiệu trưởng nhắc tên mình: “Em Trần Thanh Phương... Em còn nhỏ mà đã biết giúp đỡ người neo đơn, hoạn nạn... Việc tốt của em Phương đáng được tuyên dương”.

Tiếng vỗ tay làm Phương bừng tỉnh. Mọi con mắt đổ dồn về phía nó. Nó cúi gằm mặt xuống, cảm thấy ngượng ngịu và xấu hổ. Vậy mà nó đã giận mẹ!

(Theo: Nguyễn Thị Hoan)

Câu 1: *Vì sao sau buổi đi học muộn, Phương cảm thấy giận mẹ? (0,5 điểm)*

A. Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương bị vi phạm nội quy.

B. Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương bị cô giáo hỏi mãi.

C. Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương ngượng ngịu xấu hổ.

D. Vì Phương nghĩ rằng mẹ làm cho Phương đã bị nêu tên ở tiết chào cờ.

Câu 2: Theo em, khi được tuyên dương về việc giúp đỡ người neo đơn, hoàn nạn Phương lại cảm thấy “ngượng ngịu và xấu hổ”? (0,5 điểm)

A. Vì Phương nghĩ đó là thành tích của mẹ.

B. Vì Phương trót nghĩ sai về mẹ và đã giận mẹ.

C. Vì Phương nghĩ việc đó không đáng khen.

D. Vì Phương thấy mọi người đều nhìn mình.

Câu 3: Chuyện gì xảy ra khiến Phương đến lớp trễ? (0,5 điểm)

.....
.....

Câu 4: Vào vai Phương, viết những điều Phương muốn nói lời xin lỗi mẹ. (1 điểm)

.....
.....

Câu 5: Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ các cách liên kết câu trong đoạn đầu của bài (từ: “Lần đầu mẹ đưa.....cách ký tên”)? (0,5 điểm)

A. Lặp từ ngữ; thay thế từ ngữ.

B. Lặp từ ngữ; dùng từ ngữ nối.

C. Thay thế từ ngữ; dùng từ ngữ nối.

D. Lặp từ ngữ; thay thế từ ngữ; dùng từ ngữ nối.

Câu 6: Xác định DT, ĐT, TT trong các từ được gạch chân dưới đây: (1 điểm)

Mỗi khi Tết về là cả làng lại ra giếng lấy nước về đồ đầy chum vai để đón năm mới.

Câu 7: Xác định thành phần cấu tạo câu trong những câu sau: (0,5 điểm)

Trong tán lá mấy cây sung, chích chòe huyên náo, chim sẻ tung hoành, gõ kiến leo

dọc thân cây dẻ, mổ lách cách.

Câu 8: Gạch chân từ không thuộc nhóm từ trong các dãy từ sau: (1 điểm)

a. chăm chỉ, siêng năng, cần cù, chăm sóc, chăm làm.

b, đoàn kết, chung sức, ngoan ngoãn, hợp lực, gắn bó, muôn người như một.

c, tự hào, anh hùng, gan dạ, dũng cảm, dũng mãnh, quả cảm.

Câu 9: Đặt câu có sử dụng dấu phẩy và nêu rõ tác dụng của dấu phẩy đó. (1 điểm)

.....

Câu 10: Trong câu văn : “ *Chiếc giá để sách mà mẹ em mua có giá là 120 000 đồng*” có mối quan hệ là:

A. Từ đồng âm

C. Từ đồng nghĩa

B. Từ nhiều nghĩa

D. Từ trái nghĩa

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): **Bài viết:** (2 điểm) **Hai mẹ con**

(Viết đoạn: Từ đầu đến vào *bệnh viện.*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 . Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Tả một con vật mà em yêu quý.

Bài làm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

This image shows a full page of a handwriting practice worksheet. It consists of multiple rows of horizontal dashed lines spaced evenly down the page, providing a guide for letter height and placement. The background is plain white, and there are no margins or additional markings.

ĐỀ 5

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. *Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)*

2. *Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)*

Đọc bài văn sau:

A. ĐỌC THÀNH TIẾNG

B. ĐỌC THẦM VÀ LÀM BÀI TẬP

THAI NGHÉN MÙA XUÂN

Mùa xuân được thai nghén thật lặng lẽ. Những chiếc lá vàng nhè nhẹ rụng cuối thu; các đợt gió mùa đông bắc giúp cho cây cối sửa soạn thay áo mới!

Xem kìa, một đôi chích chòe lặng lẽ bay là là trong vườn. Chúng nối đuôi nhau vèo lên cây khế, lượn xuống bể non bộ, bắt sâu bắt kiến, không một tiếng động.

Cây bưởi bắt đầu mai phục những nhánh lá non và những nụ hoa tròn bé xiu. Cóc, thằn lằn, thạch sùng đều im lặng trốn đi đâu hết.

Gió, gió rét.

Cây đào lổ nhổ lá úa đỏ, từ những vết thương do sâu đục thân ứa ra những dòng nhựa đặc và trong như ngọc. Sâu bọ đang cố ngăn cây đào sửa soạn đón xuân, nhưng ngăn làm sao được!

Trong ngày đông tháng giá, những con chim sâu cần mẫn, gan góc, tí tách chuyền cành đi kiếm ăn; chúng không tự biết rằng chúng là những hiệp sĩ vô danh bảo vệ cho cây cối đón xuân.

Lá cứ lặng lẽ rụng. Chim cứ lặng lẽ chuyền cành. Các giống hoa cứ lặng lẽ đơm nụ. Như chưa có sự chỉ huy của tổng đạo diễn vô hình, thời gian thầm thì gọi mùa xuân đến, không vội vàng mà chắc chắn.

Mây trời chuyền động. Mặt đất rì rầm. Cây lá lao xao.

Bỗng một buổi sớm, tiếng chích chòe vang lên lạnh lót, hương hoa bưởi lang tỏa khắp khu vườn. Những chú ong mật tíu tít bay đến những chùm hoa chum chim. Cây đào thân trụi lá đã lốm đốm những nụ phớt hồng. Mùa xuân cất tiếng. Mùa xuân đã đến rồi đây, thật bất ngờ như đã được mong đợi từ lâu.

Theo **VŨ NAM**

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Những điều gì cho thấy mùa xuân đang được thai nghén?

- d) Cây cối sửa soạn thay áo mới, đôi chích chòe lặng lẽ bay là là trong vườn.
- e) Những chiếc lá chuyền màu vàng, chim sâu tí tách chuyền cành đi kiếm ăn.
- f) Cây bưởi mai phục những nhánh lá non và những nụ hoa tròn bé xiu.

2. Các điệp từ *lặng lẽ* và hình ảnh *thời gian thầm thì* gọi mùa xuân đến cho thấy mùa xuân được thai nghén như thế nào?

- d) Mùa xuân được thai nghén một cách âm thầm, chắc chắn.
- e) Mùa xuân được thai nghén một cách nhin nhip, vội vã.
- f) Mùa xuân được thai nghén một cách tung bừng, hối hả.

3. Những hình ảnh nào cho thấy mùa xuân đã đến thật gần?

- d) Mây trời chuyển động.
- e) Mặt đất rì rào, cây lá lao xao.
- f) Cóc, thằn lằn trốn đi đâu hết.

4. Những hình ảnh trong đoạn văn cuối bài cho em thấy điều gì?

5. Nối từ chỉ phẩm chất ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B:

A	B
1. dũng cảm	a. Siêng năng, chăm chỉ
2. cao thượng	b. Nhẹ nhàng, êm ái (trong cử chỉ, lời nói)
3. năng nổ	c. Cao cả, vượt lên trên cái nhỏ nhen, tầm thường.
4. dịu dàng	d. Dám đương đầu với nguy hiểm để làm những việc nên làm.
5. khoan dung	e. ham hoạt động, hăng hái và chủ động trong mọi việc.
6. cần mẫn	g. Rộng lượng tha thứ cho người có lỗi lầm.

6. Chữa lại câu viết sai sau đây bằng hai cách (thay cặp quan hệ từ hoặc sửa đổi về câu):

Tuy gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng bạn Lan học hành sút kém.

Cách 1:

Cách 2:

7. Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong các câu sau:

- a) Em bước vào lớp vừa thấy bờ ngõ vừa thấy quen thân.

Theo **NGÔ QUÂN MIỆN**

- b) Mỗi lần có dịp đứng trên cầu Long Biên tôi lại say mê ngắm nhìn màu xanh bãi mía nương dâu bãi ngô vườn chuối không bao giờ chán mắt.

Theo **THÚY LAN**

- g) Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương người đẹp như hoa tính nết hiền dịu.

SƠN TINH, THỦY TINH

II - Phần viết:

1. Chính tả: (Nghe – viết): Bài viết: (2 điểm) Thai nghén mùa xuân.

(Viết đoạn: Từ đầu đến *trốn đi đâu hết*.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 . Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Tả một loài cây mà em yêu quý.

Bài làm

[illegible]

ĐỀ 6

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7điểm)

Đọc bài văn sau:

CON ĐƯỜNG

Tôi là một con đường, một con đường nhỏ thôi, nhưng cũng khá lớn tuổi rồi. Hàng ngày đi qua tôi là bao nhiêu con người với biết bao bước chân khác nhau. Tôi ôm ấp những bước chân ấy trong lòng đầy yêu mến!

Tôi có một thú vui, đó là mỗi buổi sáng thức dậy, nghe tiếng chân của các bác trong hội người cao tuổi, vừa đi bộ tập thể dục, vừa chuyện trò rôm rả, vui vẻ mà tình cảm biết bao. Lúc đó tôi thấy tâm hồn mình thư thái, dễ chịu, tôi khẽ vươn vai, lấy sức để chuẩn bị tinh thần giữ an toàn cho mọi người tới giờ đi học, đi làm. Vì đó luôn là thời khắc căng thẳng nhất trong một ngày của tôi.

Mỗi buổi chiều về, tiếng người đi chợ gọi nhau, những bước chân vui đầy no ấm, đi qua tôi, cho tôi những cảm xúc thật ấm lòng.

Buổi tối, đám trẻ đùa nhau tung tăng chạy nhảy, tôi say mê ngắm những thiên thần bé nhỏ, và lắng nghe từng bước chân để kịp nâng đỡ mỗi khi có thiên thần nhỏ nào bị ngã. Những lúc đó tôi thấy mình trẻ lại vì những niềm vui. Tôi thấy tuổi già của mình vẫn còn có ích.

Còn bây giờ đêm đã về khuya. Các anh chị công nhân dọn dẹp, quét đi bụi bẩn, lá rụng và tôi trở nên sạch sẽ, thoáng mát. Tôi vươn vai ngáp dài. Chắc cũng phải ngủ một chút cho một ngày mới đầy vui vẻ sắp bắt đầu. Sáng mai, tôi sẽ lại được sống một ngày ngập tràn tình yêu và hạnh phúc!

Hà Thu

Câu 1. Nhân vật xưng “Tôi” trong bài là ai ?

A. Một bác đi tập thể dục buổi sáng

B. Một con đường

C. Một cô công nhân quét dọn vệ sinh

Câu 2: Bài văn viết theo trình tự thời gian nào ?

A. Từ sáng → đến đêm khuya

B. Từ sáng → đến tối

C. Từ sáng → đến chiều

Câu 3: Khi nào con đường thấy mình như trẻ lại ?

A. Nghe bước chân của các bác tập thể dục.

B. Có những bước chân vui đầy no ấm của người đi chợ.

C. Đám trẻ đùa nhau tung tăng chạy nhảy.

Câu 4: Thời gian nào con đường thấy thư thái, dễ chịu ?

A. Buổi sáng

B. Buổi chiều

C. Buổi tối

Câu 5: Trong đoạn cuối bài có mấy câu ghép ?

A. 1 câu

B. 2 câu

C. 3 câu

Câu 6: Hai câu văn trên được liên kết với nhau bằng cách nào?

“Lúc đó tôi thấy tâm hồn mình thư thái, dễ chịu, tôi khẽ vươn vai, lấy sức để chuẩn bị tinh thần giữ an toàn cho mọi người tới giờ đi học, đi làm. Vì đó luôn là thời khắc căng thẳng nhất trong một ngày của tôi”.

A. Lặp từ ngữ

B. Thay thế từ ngữ.

C. Dùng từ ngữ nối .

D. Lặp từ ngữ và dùng từ ngữ nối.

Câu 7: Xác định các thành phần trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong câu :

Mỗi buổi chiều về, tiếng người đi chợ gọi nhau, những bước chân vui đầy no ấm, đi

qua tôi, cho tôi những cảm xúc thật ấm lòng.

Câu 8: Em hãy đặt một câu ghép trong đó có sử dụng cặp quan hệ từ chỉ mối quan hệ tương phản để liên kết các vế câu.

.....
.....
.....

Câu 9: Em hãy đặt một câu với từ “**chân**” mang nghĩa chuyển ?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10: Em hãy viết lại câu văn sau cho hay hơn bằng cách sử dụng từ ngữ gợi tả gợi cảm, các hình ảnh so sánh.... “**Đêm khuya, các anh chị công nhân dọn dẹp, quét rác**”

.....
.....

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): **Bài viết:** (2 điểm) **Con đường**

(Viết đoạn: Từ đầu đến *tình cảm biết bao.*)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài làm

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

ĐỀ 7

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7điểm)

NGƯỜI CHẠY CUỐI CÙNG

Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tôi thường diễn ra vào mùa hè.

Nhiệm vụ của tôi là ngồi trong xe cứu thương, theo sau các vận động viên, phòng khi có ai đó cần được chăm sóc y tế. Khi đoàn người tăng tốc, nhóm chạy đầu tiên vượt lên trước. Chính lúc đó hình ảnh một người phụ nữ đập vào mắt tôi. Tôi biết mình vừa nhận diện được “người chạy cuối cùng”. Bàn chân chị ấy cứ chum vào mà đầu gối cứ đưa ra. Đôi chân tật nguyên của chị tưởng chừng như không thể nào bước đi được, chứ đừng nói là chạy. Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thờ dùm cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên. Người phụ nữ vẫn kiên trì tiến tới, quả quyết vượt qua những mét đường cuối cùng. Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chậm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”. Liên sau đó mọi việc trở nên nhẹ nhàng đối với tôi.

Theo John Ruskin

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất cho các câu từ câu 1 đến câu 4 và trả lời các câu còn lại.

Câu 1. Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tác giả thường tổ chức vào mùa nào?

- A. Mùa xuân B. Mùa hè C. Mùa thu D. Mùa đông

Câu 2 : Nhiệm vụ của nhân vật “tôi” trong bài là:

- A. Đi thi chạy. B. Đi điều hành.
C. Đi cổ vũ. D. Chăm sóc y tế cho vận động viên.

Câu 3 : “Người chạy cuối cùng” trong cuộc đua có đặc điểm gì?

- A. Là một em bé .
B . Là một cụ già .
C .Là một người phụ nữ có đôi chân tật nguyên.
D. Là một người đàn ông mập mạp.

Câu 4: Nội dung chính của câu chuyện là:

- E. Ca ngợi người phụ nữ đã vượt qua được khó khăn, vất vả giành chiến thắng trong cuộc thi.
F. Ca ngợi người phụ nữ có đôi chân tật nguyên có nghị lực và ý chí đã giành chiến thắng trong cuộc thi chạy.

G. Ca ngợi tinh thần chịu thương, chịu khó của người phụ nữ.

H. Ca ngợi sự khéo léo của người phụ nữ.

Câu 5: Mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tác giả lại nghĩ đến ai?

.....

Câu 6: Em rút ra bài học gì khi đọc xong bài văn trên ?

.....

.....

.....

Câu 7: Khoanh vào chữ cái trước từ đồng nghĩa với từ “*kiên trì*”?

B. nhẫn nại

B. chán nản

D. dũng cảm

D. hậu đậu

Câu 8: Dấu phẩy trong câu văn : “*Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường.*” có tác dụng gì?

.....

.....

Câu 9: Viết 2 từ láy có trong bài văn trên

.....

Câu 10: Cho câu văn:

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”.

Phân tích cấu tạo câu văn trên và cho biết đó là câu đơn hay câu ghép

.....

.....

I - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): **Bài viết:** (2 điểm) **Người chạy cuối cùng**

(Viết đoạn: Từ *chị chậm chậm tiến tới* cho đến hết.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

2. Tập làm văn: (8 điểm). Đề bài: Tả trường em trước buổi học.

Bài làm

[illegible]

ĐỀ 8

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

NHỮNG DÒNG SÔNG KHÔNG BAO GIỜ NGỦ

Đêm lặng thầm gọi về những giấc ngủ, dịu dàng bao bọc, ôm ấp lên vỏ cây và vụn vật, khi mà mặt trời – sự sống của muôn loài cũng mệt mỏi tìm về bến đỗ của những giấc mơ...

Từng mái nhà cổ trầm lặng lim dim, những cô bé, cậu bé ngoan hiền đang mơ màng thiêm thiếp... Khu vườn cũng tĩnh lặng tuyệt đối, nghe rõ từng tiếng lá nhẹ rơi... Đêm hí hửng trườn từ khu vườn xuống dòng sông, luênh loáng trên mặt nước dát vàng ánh trăng. Nhưng kì lạ thay, sóng chẳng bao giờ im dìm, đắm chìm trong những giấc mơ, mà cả khi mệt mỏi cũng luôn tấn trở mình thao thức... Sóng đang hát thầm bài ca về những dòng sông không bao giờ ngủ, thức cùng thời gian, cùng vũ trụ từ thuở hồng hoang...

Những dòng sông thức suốt mùa mưa khi con nước lũ tràn về trong mắt người những âu lo, phấp phỏng... Những dòng sông thức trọn mùa hạn khi nước cạn chỉ còn cát phơi mình, âm thầm tro trọi một niềm đau... Sông cứ chảy trôi trên những nhịp thời gian, âm vang muôn vạn cung bậc thao thức, lắng nghe và hát bao chuyện vui buồn của làng của xóm sau lũy tre xanh.

Dẫu biết rằng bạn và tôi chưa đi hết được mọi miền của Tổ quốc mình nhưng có thể biết rằng, đất nước mình là đất nước của những dòng sông... chưa ở đâu lại có nhiều dòng sông – mà mỗi dòng sông đều có một vẻ đẹp riêng, một huyền thoại riêng, thậm chí gắn liền với những chiến công lừng lẫy, với vận mệnh của đất nước, với từng thời khắc thăng trầm, vui buồn của dân tộc như dải đất cong cong hình chữ S thân yêu này. Ôi! Đất nước của mình – đất nước của những dòng sông không bao giờ ngủ.

Theo **LƯƠNG ĐÌNH KHOA**

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Những hình ảnh nào miêu tả màn đêm ở làng quê?

- a) Đêm lặng thầm gọi về những giấc ngủ, dịu dàng bao bọc, ôm ấp lên vỏ cây và vụn vật.
- b) Tiếng nhạc đập diu từ một quán cà phê vọng lại.
- c) Từng mái nhà cổ trầm lặng lim dim, những cô bé, cậu bé ngoan hiền đang mơ màng thiêm thiếp.
- d) Đêm hí hửng trườn từ khu vườn xuống dòng sông, luênh loáng trên mặt nước dát vàng ánh trăng.

2. Những hình ảnh nào cho thấy dòng sông không ngủ?

- a) Sông lặng im chìm mình trong những giấc mơ.
- b) Sóng chẳng bao giờ im dìm, đắm chìm trong những giấc mơ, mà cả khi mệt mỏi cũng luôn tấn trở mình thao thức.
- c) Sóng đang hát thầm bài ca về những dòng sông không bao giờ ngủ, thức cùng thời gian, cùng vũ trụ từ thuở hồng hoang...

3. Dòng sông đã gắn bó với con người như thế nào?

- a) Những dòng sông thức suốt mùa mưa khi con nước lũ tràn về trong mắt người những âu lo, phấp phỏng.
- b) Những dòng sông thức trọn mùa hạn khi nước cạn chỉ còn cát phơi mình, âm thầm tro trọi một niềm đau.
- c) Sông cứ hát ru những đôi bờ.
- d) Sông cứ chảy trôi trên những nhịp thời gian, âm vang muôn vàn cung bậc thao thức, lắng nghe và hát bao chuyện vui buồn của làng của xóm sau lũy tre xanh.

4. Vì những lí do gì đất nước ta được gọi là “đất nước của những dòng sông”?

5. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống”

- a)(*Trẻ em, Trẻ con*) là tương lai của đất nước.
- b) Như những búp măng non mọc thẳng,(*thiếu nhi, trẻ em*) không ngừng vươn lên.
- c) Mấy đứa.....(*trẻ thơ, trẻ*) mục đồng ngồi trên lưng trâu thổi sáo véo von.
- d) Anh ta quát cậu bé: “Mày là.....(*thiếu nhi, trẻ ranh*) thì biết gì mà nói!”. Mọi người quay lại nhìn anh ta với ánh mắt không mấy thiện cảm.
- e) Thật sung sướng khi được ngắm nhìn nụ cười(*trẻ thơ, nhi đồng*).

6. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp để các câu được liên kết với nhau bằng phép lặp từ ngữ:

- a) Em rất thích học môn Tiếng Việt. đã đem lại cho em tình yêu vẻ đẹp của tiếng nói dân tộc, cho em biết sống nhân ái, chan hòa.
- b) Khi đã trưởng thành, mỗi người con biết yêu mẹ hơn. Họ hiểu rằng lag người không ai có thể thay thế.
- c) Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia còn xa lắm, khi đó con sẽ biết thế nào là được. Còn bây giờ, giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống li sữa, ăn một cái kẹo.

7. Dùng dấu ngoặc kép và dấu hai chấm để viết lại đoạn hội thoại dưới đây:

Tôi chợt hỏi này, cậu đã làm bài tập chưa? Minh ngần ra rồi nói ừ, tớ mới chỉ làm bài tập toán thôi, chưa làm bài tiếng Việt. Tôi cau cậu định để tổ mình tụt hạng hay sao? Minh ập ứng a, nhưng hôm qua tớ bận quá. Tôi đỏ mặt bận bận cái gì, cậu bận đi chơi thì có. Minh khẽ nói không, hôm qua mẹ tớ ốm, tớ phải chăm mẹ. Tôi lúng túng, nắm lấy tay Minh mình xin lỗi nhé. Cậu giờ sách ra đi, chúng mình làm bài bây giờ vẫn còn kịp.

II - Phần viết:

1. Chính tả: (Nghe – viết): Bài viết: (2 điểm) Những dòng sông không bao giờ ngủ.

(Viết đoạn: Từ đầu đến *dát vàng ánh trắng*.)

.....

.....

.....

.....

.....

Bài làm

[illegible]

ĐỀ 9

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Cánh điều tuổi thơ

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh điều.

Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi. Cánh điều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

Ban đêm, trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!” Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

Theo Tạ Duy Anh

Câu 1. Đám trẻ mục đồng thả điều ở đâu?

- A. trên bãi thả B. ngoài đồng C. sân bóng D. sườn đồi

Câu 2. Chi tiết nào trong bài miêu tả niềm vui thích được thả điều của bọn trẻ một cách mạnh mẽ nhất?

- A. Chúng tôi hò hét nhau thả điều thi B. Chúng tôi vui sướng đến phát dại
C. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng D. Bay đi điều ơi! Bay đi!

Câu 3. Điều gì “*cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn*” các bạn nhỏ?

- A. khát vọng B. niềm tin C. ngọn lửa D. mơ ước

Câu 4. Đề gọi tả tuổi thiếu niên đẹp đẽ, tác giả đã dùng từ nào?

- A. tuổi thần tiên B. tuổi ngọc ngà
C. tuổi măng non D. tuổi ấu thơ

Câu 5. Em hiểu thế nào về ý nghĩa của câu văn: “*Tuổi thơ tôi được nâng lên từ những cánh điều.*”

Câu 6. Trong các từ sau, từ ghép là:

- A. đẹp đẽ B. xinh xinh C. ngoan ngoãn D. nhi đồng

Câu 7. Trong các từ sau, từ đơn là:

- A. học B. xinh xinh C. chăm ngoan D. nhi đồng

Câu 8. Trong các từ sau, từ láy là:

- A. mong ngóng B. thanh lịch C. dịu dàng D. bờ bãi

Câu 9. Trong các từ sau, từ nào là danh từ?

A. xa xôi B. đông đúc C. trang trại D. trắng muốt

Câu 10. Câu: “*Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều.*” có đại từ là:.....

Câu 11. Từ đồng nghĩa với từ “*chăm chỉ*” là:.....

Câu 12. Từ “*đi*” trong câu nào được dùng với nghĩa chuyển?

- A. Lan đi ngoài sân.
- B. Bố em đi bộ.
- C. Tôi đi con mã.
- D. Em bé đang tập đi.

Câu 13. Từ “*chạy*” trong câu nào dưới đây được dùng với nghĩa gốc?

- A. Máy chạy rất tốt.
- B. Hàng bán rất chạy.
- C. Anh ấy chạy việc.
- D. Bình chạy thi với Hùng.

Câu 14. Từ nào chứa tiếng “*công*” có nghĩa là “*không thiên vị*”?

- A. công dân B. công cộng C. công chúng D. công tâm

Câu 15. Thành ngữ, tục ngữ nói về nỗi vất vả của người nông dân là:

- A. Tóc bạc da mồi
- B. Mưa thuận, gió hòa
- C. Trên kính dưới nhường
- D. Một nắng hai sương

Câu 16. Câu “*Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.*” thuộc mẫu câu:

- A. Ai làm gì? B. Ai là gì? C. Ai thế nào?

Câu 17. Trong các câu dưới đây, câu ghép là:

- A. Vì đau chân, Hồng đến muộn.
- B. Lan và Huệ đều học giỏi.
- C. Lan học giỏi, Huệ cũng học giỏi.
- D. Lan vừa học giỏi vừa hát hay.

Câu 18. Gạch chân dưới bộ phận trạng ngữ trong câu: “*Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.*”

Câu 19. Gạch chân dưới bộ phận chủ ngữ trong câu: “*Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.*”

Câu 20. Vị ngữ trong câu: “*Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.*” là:

.....
.....

Câu 21. Câu: “*Về trưa, mây tan và mưa tạnh dần.*” có chủ ngữ là:

.....
.....

Câu 22. Từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu: “*Vi trời mưađường lầy lội.*” là:

- A. thì B. nhưng C. nên D. mà còn

Câu 23. Cặp từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu: “*Mưa ... to, gió ... thổi mạnh.*” là:

- A. vừa ... đã ... B. chưa ... đã ... C. mới ... đã ... D. càng ... càng ...

Câu 24. Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì?

Người kia cũng rưng rưng nước mắt:

- Tấm vải là của con.

Câu 25. Viết đoạn mở bài cho bài văn tả cảnh con sông quê hương có bạn viết:

“Thời thơ ấu của tôi gắn liền với nhiều kỉ niệm. Con đường thơ mộng ngày hai buổi đưa tôi đến trường. Bãi cỏ ven làng, nơi tôi cùng các bạn nô đùa. Nhưng thân thiết nhất với tôi vẫn là con sông quê đã tắm mát những năm tháng tuổi thơ của tôi.”

Mở bài như trên thuộc kiểu mở bài nào?

Câu 26. Viết đoạn kết bài cho bài văn tả cánh đồng lúa quê em có bạn viết:

“Năm tháng rồi sẽ qua đi. Em ngày càng khôn lớn, tầm hiểu biết cũng rộng hơn. Có thể vẻ đẹp của cánh đồng lúa quê em không bằng những cảnh đẹp nơi khác, nhưng ở đó đã ghi sâu những kỉ niệm thời thơ ấu của em.”

Kết bài như trên thuộc kiểu kết bài nào?

Giáo viên đọc bài **“Cánh điều tuổi thơ”** cho học sinh chép từ đầu tới “... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.”

II - Phần viết:

1. Chính tả: Giáo viên đọc bài **“Cánh điều tuổi thơ”** cho học sinh chép từ đầu tới “... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.”

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

ĐỀ 10

I – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Qua suối

Một lần, trên đường đi công tác, Bác Hồ và các chiến sĩ cảnh vệ phải đi qua một con suối. Trên dòng suối có những hòn đá bắc thành lối đi. Khi Bác đã sang tới bờ bên kia, một chiến sĩ đi phía sau bỗng sẩy chân ngã. Bác dừng lại đợi đồng chí cảnh vệ đi tới, ân cần hỏi:

- Chú ngã có đau không?

Anh chiến sĩ vội đáp:

- Thưa Bác, không sao đâu ạ!

Bác bảo:

- Thế thì tốt. Nhưng tại sao chú bị ngã?

- Thưa Bác, tại hòn đá bị kênh ạ.

- Ta nên kê lại để người khác qua suối không bị ngã nữa.

Đồng chí cảnh vệ liền quay lại kê hòn đá cho chắc chắn. Xong đâu đấy, hai Bác cháu mới tiếp tục lên đường.

Theo *Những ngày được gần Bác*

Câu 1 : Bác Hồ và các chiến sĩ cảnh vệ đi đâu?

A. Đi công tác.

B. Đi qua suối.

C. Đi thăm quan chiến khu.

D. Đi chỉ huy chiến dịch.

Câu 2. Chuyện gì xảy ra với anh chiến sĩ?

A. Anh chiến sĩ bị lạc đường.

B. Anh chiến sĩ mắc phải dây bị ngã.

C. Anh chiến sĩ bị nước xô ngã.

D. Anh chiến sĩ sẩy chân ngã bởi một hòn đá bị kênh.

Câu 3. Khi biết hòn đá bị kênh, Bác bảo anh chiến sĩ làm gì?

A. Bác nhắc nhở anh chiến sĩ lần sau đi phải cẩn thận.

B. Bác bảo anh chiến sĩ không nên đi qua suối.

C. Bác bảo anh chiến sĩ kê lại hòn đá cho chắc để người đi sau không bị vấp ngã nữa.

D. Bác giục anh chiến sĩ đi nhanh kéo muộn.

Câu 4. Chi tiết Bác hỏi chiến sĩ cảnh vệ “*Chú ngã có đau không?*” thể hiện:

A. Sự quan tâm của Bác tới anh chiến sĩ.

B. Nhắc nhở anh chiến sĩ cẩn thận hơn khi qua suối.

C. Bác muốn biết nguyên nhân vì sao anh chiến sĩ bị ngã.

D. Bác muốn phê bình anh chiến sĩ.

Câu 5. Câu chuyện “*Qua suối*” nói lên điều gì về Bác Hồ?

A. Bác luôn quan tâm, săn sóc đến mọi người, làm việc gì cũng nghĩ tới người khác.

B. Bác muốn nhắc nhở mọi người cẩn thận hơn trong mỗi bước đi.

- C. Kể lại một chuyến đi công tác của Bác Hồ.
D. Bác Hồ rất nghiêm khắc với các chiến sĩ cảnh vệ.

Hoàn thành các bài tập sau (từ câu 6 đến câu 26) bằng cách khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 6. Từ đơn trong các từ sau là:

- A. bàn ghế B. xoài cát C. trắng D. quạt trần

Câu 7. Trong các từ sau, từ nào là từ ghép có nghĩa tổng hợp?

- A. nương ngô B. bánh rán C. cỏ xước D. nhà cửa

Câu 8. Từ nào sau đây không phải từ láy?

- A. dẻo dai B. lao xao C. lung linh D. thấp thoáng

Câu 9. Tìm danh từ trong các từ dưới đây.

- A. chăm chỉ B. đứng C. mây D. xanh lơ

Câu 10. Câu: “*Chúng tôi muốn rung chuông vàng.*” có:

- A. 1 động từ B. 2 động từ C. 3 động từ D. Không có động từ

Câu 11. Từ nào trái nghĩa với “*rộng*”?

- A. menh mông B. hẹp C. bao la D. dài

Câu 12. Từ “*mắt*” trong câu nào mang nghĩa gốc?

- A. Quả na mở **mắt**.
B. Quả dưa này nhiều **mắt** quá!
C. **Mắt** lưới dày quá!
D. **Mắt** em bé rất đẹp.

Câu 13. Từ “*đầu*” trong câu nào mang nghĩa chuyển?

- A. Khi viết, em dừng ngoẹo **đầu**.
B. Nhà em ở **đầu** làng.
C. Chiếc mũ này vừa với **đầu** em.
D. Trên **đầu** chú gà trống là chiếc mào đỏ thắm.

Câu 14. Từ có chứa tiếng “*truyền*” có nghĩa là “*trao lại cho người khác*” (thường thuộc thể hệ sau) là:

- A. truyền nghề B. truyền bá C. truyền nhiễm D. truyền hình

Câu 15. Từ nào chỉ tính cách đặc trưng của các bạn nữ?

- A. mạnh mẽ B. dịu dàng C. tốt bụng D. chăm chỉ

Câu 16. Câu nào dưới đây thuộc mẫu câu Ai làm gì?

- A. Đàn cá quẫy tung tăng bên mạn thuyền.
B. Em là học sinh lớp 5.
C. Bầu trời xanh ngắt.
D. Hoa phượng đỏ rực một góc trời.

Câu 17. Trong các câu sau, câu nào là câu ghép?

- A. Tôi nhìn xung quanh, mọi người vẫn viết.
B. Học xong, tôi thu dọn sách vở rồi đi ngủ.
C. Một mảnh lá gầy cũng dậy mùi thơm.
D. Đàn gà con đang kiếm ăn trong vườn.

Câu 18. Chủ ngữ trong câu “*Cô ấy rất thông minh và duyên dáng.*” là:

- A. cô B. cô ấy rất thông minh C. duyên dáng D. cô ấy

Câu 19. Trạng ngữ trong câu “*Ngoài sân, các bạn học sinh đang chơi đá cầu.*” là:

- A. ngoài sân B. các bạn C. học sinh D. đá cầu

Câu 20. Chủ ngữ trong câu: “*Với tinh thần quyết tâm, bạn ấy đã đạt kết quả cao trong học tập.*” là:

- A. với tinh thần quyết tâm B. tinh thần quyết tâm
C. bạn ấy D. với tinh thần quyết tâm, bạn ấy

Câu 21. Trong câu: “*Tuy ông nội tôi tuổi đã cao nhưng ông vẫn tích cực tham gia công tác ở phường.*” bộ phận gạch chân giữ chức vụ gì?

- A. chủ ngữ B. vị ngữ C. trạng ngữ

Câu 22. Các vế trong câu ghép sau biểu thị quan hệ gì?

Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương.

- A. tăng tiến. B. tương phản
C. giả thiết – kết quả D. nguyên nhân – kết quả

Câu 23. Cặp từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau:

Ngày tắt hẳn, trăng lên rồi.

- A. ...càng... càng... B.mới....đã...
C. ... nào ...đấy... D. ... chưa... đã...

Câu 24. Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có tác dụng gì?

Huy hỏi tôi: “Sao bạn có nhiều đồ chơi thế?”

- A. Đánh dấu từ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.
B. Đánh dấu phần chú thích trong câu.
C. Đánh dấu câu hỏi.
D. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

Câu 25. Một bạn viết mở bài của bài văn tả cây hồng nhưng như sau: “*Vườn nhà em có một cây hồng nhưng không biết trồng từ năm nào.*”. Đó là kiểu mở bài nào?

- A. Trực tiếp B. Gián tiếp

Câu 26. Một bạn viết kết bài của bài văn tả người mẹ thân yêu của em như sau: “*Em thương mẹ lắm! Em sẽ chăm chỉ hơn để mẹ đỡ vất vả và sẽ cố gắng học tập thật tốt để không phụ lòng mong mỏi của mẹ.*”. Đó là kiểu kết bài nào?

- A. Không mở rộng B. Mở rộng

II - Phần viết:

1 . Chính tả: (Nghe – viết): Bài viết: (2 điểm) Qua suối

(Viết đoạn: Từ đầu đến *không sao đâu ạ!*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 . Tập làm văn: (8 điểm). Đề bài: Tả một cảnh đẹp của quê hương em.

This image shows a full page of a document template designed for handwritten notes or essays. It features approximately 28 evenly spaced, thin grey horizontal lines across the entire width of the page. There are no margins, headers, footers, or other markings present.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ 2

ĐỀ 1

Phần	Câu	Đáp án chi tiết	Điểm thành phần
ĐỌC (10đ)		Kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy, lưu loát, diễn cảm một đoạn văn trong bài, đúng tốc độ (khoảng 120 tiếng/phút).	(3đ) Tùy mức độ HS đọc GV cho điểm 2-2,5-1..
		Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu :	(7đ)
	1	Khoanh vào đáp án A	(1đ)
	2	Khoanh vào đáp án D	(0,5đ)
	3	Khoanh vào đáp án B	(0,5đ)
	4	Họa mi từ từ nhắm hai mắt lại, thu đầu vào lông cổ, im lặng ngủ, ngủ say sưa sau một cuộc viễn du trong bóng đêm dày.	(0,5đ)
	5	Khoanh vào đáp án D	(0,5đ)
	6	Miêu tả giọng hót tuyệt vời của chim họa mi	(1đ)
	7	Khoanh vào đáp án B	(0,5đ)
	8	Khoanh vào đáp án B	(1đ)
	9	Khoanh vào đáp án B	(0,5đ)
	10	VN là: lại hót vang lưng chào nắng sớm.	(1đ)

VIẾT (10đ)	1 Chính tả	Kiểm tra kỹ năng nghe-viết đúng bài chính tả, trình bày sạch sẽ, đúng hình thức bài văn, đúng tốc độ viết (khoảng 100 chữ/15 phút) không mắc quá 5 lỗi trong bài.		(2đ) GV trừ điểm theo qui định nếu HS mắc lỗi
	2 Tập làm văn	Kiểm tra kỹ năng viết bài văn tả người có nội dung như đề yêu cầu.		(8đ)
		Mở bài		(1đ)
		Thân bài	Nội dung	(1,5đ)
			Kĩ năng	(1,5đ)
			Cảm xúc	(1đ)
		Kết bài		(1đ)
		Chữ viết, chính tả		(0,5đ)
		Dùng từ, đặt câu		(0,5đ)
		Sáng tạo		(1đ)

Gợi ý làm văn:

I. Mở bài: giới thiệu buổi sáng ở quê em, nơi em ở

II. Thân bài:

1. Tả bao quát:

- Không khí buổi sáng mát lành, dịu nhẹ vẫn còn sương
- Mùi lúa chín thơm
- Những giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá

2. Tả chi tiết:

a. Khi trời còn tối

- Trời mát mẻ, dễ chịu

- Bầu trời tối tối
- Gà bắt đầu gáy, báo hiệu một buổi sáng lại đến
- Những chú gà rời khỏi chuồng đi kiếm ăn
- Có vài nhà bật đèn
- Một vài nhà còn chìm trong giấc ngủ
- Có một vài người qua lại trên đường tập thể dục

b. Khi trời bắt đầu sáng

- Bầu trời bắt đầu sang tỏ và xanh hắt
- Hầu như mọi người đều đã dậy
- Mặt trời dần dần xuất hiện sau rặng tre
- Trên đường người qua lại bắt đầu nhiều
- Những chú chim kêu rả rích

c. Khi trời sáng hẳn

- Mặt trời lên, trời trong xanh
- Nắng bắt đầu gắt
- Bọn trẻ nô đùa trên đường đến trường
- Những cô chú nông dân vác cuốc ra đồng
- Tiếng máy cày, máy gặt rôm rả
- Gió thổi những cơn nhẹ nhàng
- Còn vài giọt sương còn đọng trên lá.

III. Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về buổi sáng ở quê em, nơi em ở

- Nêu tình cảm với quê hương
 - Và gắn bó với quê hương như thế nào?
-

ĐỀ 2

B. Đọc thầm và làm bài tập

1.c 2.a 3.c

4. Ví dụ:

Trong câu chuyện, cả hai tấm biển đều nói cho mọi người biết rằng người đàn ông bị mù. Nhưng tấm biển thứ nhất chỉ nói người đàn ông bị mù. Tấm biển thứ hai còn nói cho mọi người biết rằng họ thật may mắn bởi được nhìn thấy ngày tươi đẹp, vì thế lời đề nghị giúp đỡ có hiệu quả hơn. Câu chuyện muốn nói với chúng ta nếu chúng ta có thái độ tích cực khi bắt đầu một ngày thì ngày đó sẽ là ngày tươi đẹp. Khi gặp khó khăn, nếu chúng ta có một cái nhìn lạc quan thì cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn.

6. a) Các từ *hoa, nó, hoa* thay thế cho từ *hoa hồng*.

b) Các từ *chúng, cả lũ* thay thế cho từ *ngũ một vài chú ong*.

7. a) Sài Gòn – hòn ngọc của Viễn Đông – vẫn đang hàng ngày thay da đổi thịt.

b) Bé Na – cô con gái út của chú tôi – có đôi má giống như hai quả cà chua.

c) “Đừng la cà con nhé, nhớ về đúng hẹn!” – Bố dặn với theo khi tôi ra khỏi nhà.

d) Bé hỏi:

- Chích bông ơi, chích bông làm gì thế?

Chim trả lời:

- Chúng em đi bắt sâu.

D. Tập làm văn

Tham khảo:

Trên đường từ nhà đến trường em phải đi qua một ngã tư đông đúc người qua lại. Sáng nào cũng vậy cứ đi qua ngã tư ấy em lại nhìn thấy một chú công an đứng điều khiển giao thông. Từ ngày có sự xuất hiện của chú, nút giao thông ở đây không bao giờ bị tắc, điều đó làm mọi người rất vui mừng.

Mọi người nói rằng đó là chú Tuấn công an giao thông, năm nay chú 31 tuổi. Vóc người chú to lớn, vạm vỡ; bắp tay, bắp chân rắn chắc. Chú có khuôn mặt chữ điền với làn da nâu bóng bánh mật. Mái tóc chú đen nhánh, lúc nào cũng được cắt tỉa gọn gàng. Chú có đôi mắt to và thông minh ẩn dưới cặp lông mày rậm rạp. Cũng như bao chú công an giao thông khác, chú mặc bộ đồ ka ki vàng sậm. Trên chiếc áo ngắn tay cạnh cầu vai có đeo phù hiệu thuộc sắc phục cảnh sát giao thông và trên ngực bằng tên, đơn vị bằng tấm mê-ka nền trắng chữ xanh, chân đi giày đen bóng lộn, chiếc thắt lưng bằng da màu nâu to bản hơi lệch về dưới bởi khẩu súng ngắn đeo bên hông kéo xuống, càng tăng thêm vẻ oai vệ, đỉnh đặc của người cảnh sát giao thông giữ gìn trật tự đường phố. Chiếc mũ kết đội trên đầu có đính huy hiệu cảnh sát khiến cho gương mặt của chú vừa oai nghiêm vừa rắn rỏi.

Có lần đi học ngang qua, em đã chứng kiến chú bắt lỗi người vi phạm giao thông. Sau khi bắt lỗi người vi phạm, chú nhẹ nhàng khuyên bảo ba người dừng vi phạm luật giao thông lần nữa và giờ sổ ghi biên bản. Gương mặt chú nghiêm khắc nhưng hứa trước sự khoan hồng. Sau đó, chú lại tiếp tục công việc của mình. Trên con đường nắng chiếu rực rỡ, xe cộ đi lại trật tự nên chú rất hài lòng. Bỗng thấy một người đi xe máy không đội mũ bảo hiểm, chú liền huýt còi và chặn chiếc xe. Chiếc xe vẫn cứ ngang nhiên đi thẳng. Chú phải gọi cả mấy chú cảnh sát ở gần đấy bắt chiếc xe lại. Chàng trai điều khiển xe tỏ ra rất hối hận, liền nộp phạt và xin lỗi chú. Vẫn nụ cười tươi phô hàm răng trắng bóng, chú nhắc nhở chàng trai phải đội mũ bảo hiểm để bảo vệ chính mình. Mọi người trong phố đều rất quý chú vì chú xử phạt công minh và công bằng với mọi người.

Vì trong giờ chú đang làm nhiệm vụ nên em không có thời gian để nói chuyện với chú, nhưng qua những cử chỉ và hành động của chú mà em quan sát được, em chắc chắn chú là một người công an tốt. Em rất nhiều quý chú Tuấn và hi vọng sau này mình cũng sẽ trở thành một người công an tốt, đem lại sự yên bình cho xã hội.

ĐỀ 3

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,2 5	0,5	0,5
Đáp án	a	b	c	b	a	c		c			b		a	

Câu 7: Đoạn cuối bài nói về tình yêu , nỗi nhớ nhưng tha thiết của tác giả đối với tiếng đồng quê (Tình cảm yêu thương của tác giả đối với quê hương)

Câu 9: Nghe nó mà xốn xang mãi không chán

ĐT Đại từ QHT

Câu 10:

- Đặt câu: Mỗi khi đi xa, lòng tôi lại bồi hồi *xao xuyến* nỗi nhớ quê hương.

Câu 12: Con sơn ca /vút lên lảnh lót như có một sợi tơ nối giữa bầu trời và mặt đất,

CN

VN

Đó / là tiếng hót không có gì có thể so sánh.

CN

VN

Câu 14:

- Dấu phẩy thứ hai có tác dụng ngăn cách bộ phận trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ

Bài văn tham khảo:

Mới đây, đã qua một năm, em đã lên lớp 5, là một học sinh cuối cấp bậc tiểu học, và cũng qua năm học lớp 5 này, em phải xa xa mái trường thân quen. Mái trường ghi dấu một thời thơ ấu với bao kỉ niệm vui buồn của tuổi học trò. Ở mái trường này, em được các thầy cô dạy dỗ, dạy những điều hay lẽ phải. Nhưng em không bao giờ quên hình ảnh cô Vân. Trong em vẫn luôn nhớ những lời nói của cô trên bục giảng.

Cô Vân có dáng hơi cao, thon thả. Khuôn mặt trái xoan luôn vui vẻ, tươi tắn. Mái tóc cô đen và mềm mại, không dài lắm, luôn xoã ngang vai. Màu da cô ngăm ngăm đen nhưng vẫn toát lên nét duyên thầm. Điểm ấn tượng nhất của cô là đôi mắt to, tròn, luôn nhìn học sinh chúng em dưới sự trù mến, chan chứa lòng yêu thương. Em cũng thích những tiết tập đọc được nghe cô Vân đọc bài. Giọng cô truyền cảm, lúc trầm, lúc bổng, lúc ngân nga. Khiến cả lớp yên lặng, lắng nghe. Đọc xong, cô mời vài bạn đọc lại. Chỗ nào sai cô nhẹ nhàng đọc từng chữ và luyện cách phát âm cho chúng em. Cô giảng cặn kẽ từng câu, từng từ. Cô không đứng yên trên bục giảng mà cô đi qua đi lại khoan thai, vừa giảng, vừa hỏi. Tất cả đều toát lên vẻ nhanh nhẹn, hoạt bát. Cô giảng bài ngắn gọn, dễ hiểu. Cứ dứt câu hỏi của cô là chúng em giơ tay phát biểu ý kiến của mình. Bạn trả lời đúng thì cô khen, nếu sai thì cô chỉ lại. Cuối tiết học, cô cho chúng em chép nội dung bài vào vở và ân cần nhắc nhở chúng em về nhà học thuộc bài. Như một thói quen, cô không bao giờ quên lời khuyên bổ ích dành tặng các học trò: "Các em phải cố gắng học hành để mai sau giúp ích cho xã hội, cho cuộc sống."

Cô Vân rất tận tụy vì học sinh. Cô trông rất nghiêm khắc bởi vì nghiêm khắc để dạy cho chúng em thành người tốt. Em rất hãnh diện vì là một trong những học sinh trong lớp 5A. Cho dù, lớn lên em có đi bao xa chăng nữa, em vẫn nhớ mãi mãi những kỉ niệm giữa em và cô Vân.

ĐỀ 4

Câu 1: (0,5điểm) A

Câu 2: (0,5điểm) B

Câu 3: (0,5điểm) *Phương cùng mẹ đưa cụ Tám bị ngã bên đường vào bệnh viện.*

Câu 4: (1điểm) HS tự viết. Chẳng hạn: *Mẹ ơi, con sai rồi. Con xin lỗi mẹ.*

Câu 5: (0,5điểm) D

Câu 6: (1 điểm)

Mỗi khi Tết về là cả làng lại ra giếng lấy nước về đổ đầy chum vại để đón năm mới.

DT DT DT DT DT DT TT DT DT

Câu 7: (1 điểm)

Trong tán lá mây cây sung, chích chòe huyền ảo, chim sẻ tung hoành, gõ kiến leo

TN

CN1

VN1

CN2

VN2

CN3

đọc thân cây dẻ, mổ lách cách.

VN3

Câu 8: a - *chăm sóc* b- *ngoan ngoãn* c- *tự hào*

Câu 9: Đặt câu : 0,5 điểm

Nêu tác dụng của dấu phẩy: 0,5 điểm

Câu 10: A: Từ đồng âm

PHẦN B: KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả (2 điểm- thời gian 15 phút)

GV đọc cho học sinh cả lớp viết vào giấy kiểm tra

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, trình bày đúng đoạn văn:

- Ba lỗi chính tả trong bài viết (sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định...) .

II-.Tập làm văn (8 điểm) (45 phút)

Bài tham khảo:

CON VỆ

Con chó ấy là Vệ. Nó ít thân tôi vì hơi lớn và hay im lặng. Nó thân thằng cu Tịch em tôi. Tịch ta cứ suốt ngày cời truồng để đỡ tốn quần. Chả còn gì chơi, cậu ta chỉ đùa với chó.

Vện đứng hai chân sau thì hai chân trước quàng cổ Tịch. Hai đứa vật nhau thở hồng hộc, bất phân thắng bại.

Bữa nào Vện cũng được ăn cơm cháy, cộng lại với thức ăn đầu thừa đuôi theo cũng chưa được lưng bát. Nó chỉ xốc hai miếng là hết, lại ngán ngơ liếm mép.

Bữa trưa, Vện ngồi nhìn mọi người và cơm, cúi đầu cử động theo từng đôi đũa khi mọi người gấp thức ăn...

Mâm cơm dù là không đầy điếm, chả ai trông, nó cũng không bao giờ ăn vụng. Nhưng hần lại lúi húi ăn vụng cám lợn. Có lần, nó đang xục vào nồi cám, thấy tôi vào, nó giật mình quay ra, giả vờ ngoe nguẩy đuôi ra hiệu không có chuyện gì. Tôi bèn múc cho nó hai muôi gạo. Nó nhìn tôi mãi mới dám ăn. Tôi nghĩ: “Hôm nào được mùa, tao cho Vện ăn một bữa no xem hết mấy bát cơm”... Lại thật, cái tường ngăn vườn cao ngang giọt gianh, mà sao bố tôi về đến cổng vườn nó đã biết và mừng. Có lẽ nó ngửi thấy hơi người thân. Có lẽ nó nghe thấy bố tôi ho từ xa. Có lẽ nó thấy cái câu quăng của bố tôi nhô khỏi tường?...

Lạ lắm, thấy người nhà đi xa về bao giờ nó cũng mừng cuống quýt. Nào có ai cho nó cái gì đâu? Chưa thấy ai đi đâu lại nghĩ đến chuyện đem quà cho nó bao giờ. Đêm, dù rét mấy nó cũng ra cổng nằm. Chẳng bao giờ nó “chào nhâm” đã đành. Nhưng cũng chẳng bao giờ nó sủa sai. Nhà có con mèo. Người ta nói “cãi nhau như chó với mèo”. Trong cuộc “cãi” nhau thường là chó thắng. Nhưng tôi chưa thấy Vện gây với mèo lần nào.

Theo Duy Khán

ĐỀ 5

B. Đọc thầm và làm bài tập

1. a, c 2. a 3. a, b

5. 1 – d, 2 – c, 3 – e, 4 – b, 5 – g, 6 – a

7. a) Em bước vào lớp, vừa ngỡ ngàng vừa thấy quen thân.

b) Mỗi lần có dịp đứng trên cầu Long Biên, tôi lại say mê ngắm nhìn màu xanh bãi mía, nương dâu, bãi ngô, vườn chuối không bao giờ chán mắt.

c) Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu.

D. Tập làm văn

1. Tham khảo:

(1) Hoa giấy đẹp một cách giản dị. Mỗi cánh hoa giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều mỏng manh hơn và có màu sắc rực rỡ. Hoa giấy rời cành khi vẫn còn đẹp

nguyên vẹn, hoa rụng mà vẫn còn tươi nguyên. Đặt trên lòng bàn tay, những cánh hoa mỏng tang rung rinh, phập phồng run rẩy như đang thở, không có một mây may biểu hiện của sự tàn úa. Dường như chúng không muốn mọi người phải buồn rầu vì chúng kiến cảnh héo tàn. Chúng muốn mọi người lưu giữ mãi những ấn tượng đẹp đẽ mà chúng đã đem lại trong suốt cả một mùa hè,....

Theo **TRẦN HOÀI DƯƠNG**

(2) Thân cọ vút thẳng trờ hai ba chục mét cao, gió bão không thể quật ngã. Búp cọ vút dài như thanh kiếm sắc vung lên. Cây non vừa trỗi, lá đã xò sát mặt đất. Lá cọ tròn xò ra nhiều nhiên nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp lóa nắng như rừng mặt trời mới mọc. Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn. Chỉ nghe tiếng chim hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.

NGUYỄN THÁI VẠN

(3) Xuân qua, hè tới, cây phượng bắt đầu trở bông... Khi ve ra rả trên cây cũng là lúc phượng nở nhiều nhất. Cả một màu đỏ nồng nàn như lửa bao phủ khắp thân cây, làm rực sáng một khoảng trời. Lúc ấy, trông cây phượng trẻ hẳn lại, bừng bừng sức sống. Nhìn phượng nở, những tấm lòng thơ dại của chúng em lại náo nức nghĩ tới một mùa hè đầy ắp niềm vui,...

Theo **THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 4**, NXB Giáo dục, 2002

ĐỀ 6

I. Đọc hiểu

Câu 1. (0.5đ) : B

Câu 2 (0.5đ) : A

Câu 3 (0.5đ) : C

Câu 4 (0,5 đ): A

Câu 5 (0,5đ): A

Câu 6 (0,5 đ): D

Câu 7 (1 đ).

Mỗi buổi chiều về, tiếng người đi chợ / gọi nhau, những bước chân / vui đầy no ấm,

TN

CN

VN

CN

đi qua tôi, cho tôi những cảm xúc thật ấm lòng.

VN

Câu 8: Đặt một câu ghép trong đó có sử dụng cặp quan hệ từ chỉ mối quan hệ tương phản để liên kết các vế câu đảm bảo đúng cấu trúc, dùng từ ngữ hợp lí...(1 đ)

Câu 9: (1đ): Đặt câu đúng từ mang nghĩa chuyển (**chân** trời, **chân** bàn, **chân** tường...)

Câu 10: (1 đ) Viết lại câu văn có hình ảnh so sánh hoặc có dùng từ ngữ gợi tả, gợi cảm...

Bài văn tham khảo:

A! Trăng lên, trăng lên rồi... Tiếng bọn trẻ cùng đồng thanh cất lên làm tôi chợt giật mình. Bước ra khỏi bàn học, đi về phía cuối sân, nơi đó tôi đã nhìn rất rõ ánh trăng từ từ nhô lên, lúc đầu là một nửa quả cầu đỏ rực. Một lát sau là một cái mâm vàng lóng lánh.

Quả là một ánh trăng tuyệt đẹp! Trăng vàng và tròn vành vạnh. Trăng lên cao đến ngọn cây sấu riêng trong vườn thì hiện rõ hơn hình ảnh chú cuội và gốc đa. Mặt trăng như một cái bánh đa lớn treo lơ lửng giữa trời cao như thách thức mà hễ có ai đó thềm thường cũng đành chịu. Ánh trăng chan hoà trải đều trên những thảm cỏ, đùa giỡn nhảy nhót với những gợn sóng trên mặt hồ.

Ánh trăng tò mò luồn lách qua song cửa sổ, in hình trên nền tường xanh nhạt. Nhưng chẳng gì đẹp bằng cây, hoa lá được tắm mình dưới ánh trăng. Những khóm hồng bạch vui mừng toả hương thơm ngát... À! Hôm nay trông cô hồng nhưng thật kiêu diễm. Tấm áo đỏ thắm của cô còn lấp lánh những ánh vàng. Cô từ từ hé mở, để hứng hạt sương đêm.

Trăng dịu dịu lan toả ánh sáng xuống đồng lúa, nhà cửa, ruộng vườn. Con đường trước cửa nhà tôi trải vàng ánh trăng, sâu hun hút. Ánh điện ánh trăng hoà vào nhau làm một.

Đã ngắm hết quang cảnh quanh mình, tôi lặng lẽ đi vào vườn. Dưới trăng, cảnh vật bỗng trở nên sống động vui tươi lạ thường. Trăng ơi, hãy trôi chậm chậm. Hãy để cho tôi được ngắm mãi cảnh vật quyến rũ này

ĐỀ 7

2- Phần đọc thầm và làm bài tập: (7 điểm)

Các câu 1,2,3,4,7 đúng mỗi câu được 0,5 điểm

Câu 1 : B Câu 2 : D Câu 3 : C Câu 4 : B Câu 7: A

Câu 5 : (1 điểm) Tác giả nghĩ đến người phụ nữ có đôi chân tật nguyền đã chiến thắng cuộc thi . (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)

Câu 6: (1 điểm) Bài học rút ra là cần phải quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng bản thân, có như vậy mọi công việc sẽ đạt kết quả tốt đẹp. (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)

Câu 8 : (0,5 điểm) Dấu phẩy trong câu có tác dụng ngăn cách các vế trong câu ghép.

Câu 9: (1 điểm) Tìm đúng 2 trong các từ sau: chật vật, quả quyết, ảm ĩ, chậm chậm, phấp phới, nhẹ nhàng , khó khăn.

Câu 10: (1 điểm : Phân tích đúng: 0,5 điểm và trả lời đúng 0,5 điểm)

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tương như

TN

không thể làm được, tôi / lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”. Đây là câu đơn

CN

VN

Bài văn tham khảo:

Mở bài:

-Buổi sáng, em thích đến trường sớm để ngắm cảnh toàn trường.

Thân bài:

Tả bao quát:

- Nhìn từ xa, ngôi trường như một cánh cổng thần kì đưa em đến với bao điều mới lạ.
- Mọi cảnh vật như sáng hơn, đẹp hơn bởi ánh nắng ban mai mát dịu.

Tả chi tiết:

- Bây giờ, trước mắt em là sân trường thưa thớt người.
- Chỉ nghe đâu đây những tiếng đá cầu vang dội.
- Đứng trên hành lang tầng 2 nhìn xuống, những học sinh đi sớm đuổi chạy nhau như cánh bướm trắng dập dờn trên cánh đồng hoa.
- Nhiều chú chim bay nhảy, hót líu lo trên cánh hoa phượng đỏ rực một vòm trời.
- Khung cảnh một lúc càng sôi nổi, nhộn nhịp bởi học sinh đến trường ngày càng đông.
- Những bạn nam thi nhau bắn bi, đánh cầu.
- Những bạn nữ thì ngồi trên ghế đá trò chuyện, học thuộc lòng bài cũ.
- Một lát sau, tiếng trống quen thuộc báo hiệu giờ vào lớp cất lên.
- Các học sinh tập trung trước sân trường để chuẩn bị tập thể dục đầu giờ, rồi vào lớp học một tiết học đầy hứng thú.

Kết bài:

- Quang cảnh buổi sáng ở trường thật đẹp
- Mai đây, dù phải xa ngôi trường thân yêu này, nhưng em vẫn nhớ về những thời gian em đã được học với thầy cô, với mái trường mến yêu.

ĐỀ 8

B. Đọc thầm và làm bài tập

1. c 2.a, c 3.a, c

5. a) bất khuất b) anh hùng c) đảm đang d) trung hậu

6. a), d) càng... càng... b), c) vừa... đã...

D. Tập làm văn

1. Tham khảo:

(1) Tô-ni lớn nhanh như thổi. Giờ đây, nó đã là một chú chó trưởng thành với hình dáng cân đối và đẹp đẽ. Toàn thân nó phủ một lớp lông dày màu vàng nâu, điểm những khoang đen, trắng. Đôi tai nhọn luôn dựng lên nghe ngóng động tĩnh. Đôi mắt to, sáng. Hai lỗ mũi đen ướt, đánh hơi rất thính. Cái lưỡi màu hồng thè dài và hàm răng trắng bóng bởi bốn cái răng ranh hơi cong và nhọn.

Theo THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 4, NXB Giáo dục, 2004

(2) Nó là một giống gà ri, thấp bé và nhỏ nhắn hơn giống gà thường. Nó còn nhỏ, chưa vỡ lông vỡ cánh mà lại ủ rũ như một người buồn cho nên trông càng đáng ái ngại. Lông cánh nó màu đỏ có đốm trắng, đốm đen những bản quá thành ra một màu xám xịt. Cái mỏ như nhú tái ngoét ở trên đôi mắt lơ lơ mà lúc nào gà ta cũng muốn nhắm. Hai cái chân nhỏ quá, thấp quá, xám đen lại, luôn luôn run rẩy như sắp ngã quỵ xuống, như không chịu được thời tiết đậm ẩm của những ngày xuân.

2. Tham khảo:

... Em tưởng tượng đi đến đây, chị sẽ như một nàng tiên xinh đẹp rạng ngời. Chị sẽ đến với bộ đầm lung linh được dệt bằng ngàn cánh hoa rực rỡ. Sẽ đẹp lắm chị nhỉ? Đó là màu đỏ rực của hoa hồng nhung nồng ngan, quyến rũ; màu vàng thắm của những bông mai rực rỡ, dịu hiền; hồng tươi của đào phai, đào bích... Chị sẽ đến với làn mưa bụi vương trên mái tóc, hàng mi. Chị sẽ đến với những sợi nắng vàng ươm lọt qua kẽ lá xanh non tạo nên những bông hoa nắng rắc trên con đường em đến trường. Chị vùng chiếc đũa thần xua cái lạnh giá của mùa đông đem lại không khí ấm áp, thơm nồng mùi mật ngọt. Mùa xuân... mùa ấm áp...

Em yêu chị, em yêu mùa xuân. Đó là mùa đầu tiên của một năm mới. Ai ai cũng mong một năm mới thật may mắn, hạnh phúc. Khi đến, chị gieo vào lòng mọi người niềm hi vọng một năm mới tốt lành. Em và mọi người đều đang háo hức chờ đón chị.

Theo **VŨ BẢO NGỌC**

ĐỀ 9

1A	2B	3A	4B	6D	7A	8C	9C	12C	13D
14D	15D	16C	17C	22C	23D				

5. Thời nhỏ tác giả rất hay chơi thả diều và diều đã chấp cánh cho ước mơ trẻ thơ của tác giả

11. Cần cù, siêng năng, cần mẫn.....

18. “Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.

19. “Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.”

20. vì vụ trâm bông

21. vì vụ trâm bông

24. Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.

25. Mở bài gián tiếp

26. Mở bài gián tiếp

ĐỀ 10

1A	2D	3C	4A	5A	6C	7D	8A	9C	10B
11B	12D	13B	14A	15B	16A	17A	18D	19A	20C
21B	22B	23D	24D	25A	26B				